

Thích Như Điển

Bhutan

có gì lạ ?



Phật Lịch 2.545 - 2001
Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam
tại Cộng Hòa Liên Bang Đức Xuất Bản

Mục Lục

Lời vào sách	5 - 13
Chương I : Phần tổng quát	15 - 36
Chương II : Nhân duyên hội ngộ với Bhutan	37 - 65
Chương III : Chuẩn bị một cuộc hành trình	67 - 82
Chương IV : Bhutan có gì lạ ?	83 - 101
Chương V : Nụ cười của Hoàng Hậu	103 - 125
Chương VI : Viếng thăm tu viện	127 - 137
Chương VII : Nhục thân Bồ Tát và Cổ cung	139 - 150
Chương VIII : Thế giới phương tây cực lạc 151 - 166	
Chương IX : Những ngày đợi trông	167 - 181
Lời cuối sách	183 - 189



Lời vào sách

Hôm nay là ngày 20 tháng 6 năm 2001 nhằm ngày 29 tháng 4 nhuận năm Tân Ty, tôi chấp bút bắt đầu viết quyển sách thứ 32 này trong mùa An Cư Kiết Hạ của năm nay. Hôm nay cũng là ngày rất đẹp trời. Vì mấy tháng nay, mặc dầu đã vào hạ; nhưng bầu trời vẫn vẫn vũ bóng mây, như dọa nạt thế nhân là ánh sáng của thái dương sẽ không bao giờ chan hòa đến quả địa cầu này nữa.

Về thời tiết tôi hay đề ý, cho nên mỗi lần làm cái gì cũng hay xem bầu trời có quang đăng không; hoặc giả hôm ấy là ngày gì, không phải để lấy hên mà chính là để cho lòng mình thanh thản khi làm một việc gì; nhất là những việc trọng đại. Nhớ khi còn ở Nhựt, mỗi ngày khi thức dậy, chào hỏi nhau ở trong chùa không phải bằng lời chào buổi sáng trước, hay mạnh giỏi không? mà vị Sư trụ trì thường hay mở đầu bằng câu: Kyo wa ii tenki desu *ne!* (*Hôm nay trời đẹp quá nhỉ!*) *tự nhiên thấy lòng mình có liên hệ với thiên nhiên.* Dĩ nhiên mỗi dân tộc có một cách riêng của mình khi diễn tả về cái đói khổ, cái hạnh phúc, cái tủ nhục v.v... nhưng tựu chung cũng chỉ là con người với cảnh giới chung quanh vậy.

Ngày còn trẻ ai cũng nghĩ rằng mình còn có nhiều thì giờ để làm mọi chuyện; nên đã lãng phí thời giờ một cách vô tích sự. Chờ cho đến lớn khôn và già đi, lúc ấy mới bắt đầu; thì ôi thôi! đủ loại ràng buộc lại kéo đến. Nào bệnh đau đầu, đau lưng, nhức mỏi. Bị trói buộc vào giờ giấc của công sở, của gia đình, của thế nhĩ và đủ cả mọi thứ trên đời này. Bởi vậy cho nên Thiền Tông thường hay dạy cho con người là chỉ nên nắm bắt hiện tại mà thôi. Vả lại hiện tại cũng chẳng có

hình tướng. Do vậy khi quan sát và thực hiện việc làm hằng ngày của mình, chính là Thiền vậy.

Rồi một hôm nào đó chúng ta bỗng nhiên nhận được một tin buồn từ bác sĩ cho hay rằng ông hay bà không còn hy vọng gì nữa. Vì lẽ bệnh ung thư đã đến thời kỳ thứ ba rồi. Lúc ấy chúng ta sẽ làm gì? Chúng ta có còn kế hoạch cho 5 năm hay 10 năm nữa chẳng? Hay lúc ấy chúng ta lại than thân trách phận? Hoặc giả chúng ta lo chia gia tài cho con cháu? Hay chúng ta lo thực hiện những chuyến ngao du sơn thủy? Hay cố gắng tận hưởng những gì ở đời mà ta chưa được hưởng? Ôi thôi! biết bao nhiêu là câu hỏi được đặt ra; nhưng ai là kẻ trả lời được đây, không phải là mình sao? hay có một nhân vật nào có quyền năng biến hóa để giúp ta thành công những trách nhiệm và bổn phận ấy?

Không! nhất thiết là không! không ai có thể thay thế cho mình cả; ngoại trừ chính mình phải chịu trách nhiệm với mình. Vì con người là bản thể của vạn hữu mà! Do vậy không nên chờ đợi một điều gì mà hãy bắt tay vào việc ngay, hãy hạ thủ công phu ngay từ bây giờ cho việc học, việc tu niệm, việc lễ bái, việc nhà, việc chùa, việc chợ, việc nghĩa ân, việc phải, việc không v.v... vì lẽ không có việc nào chờ ta cả. Do vậy chúng ta chẳng có thể chờ ai. Vì thời gian vô tình lắm, không thương tiếc một ai cả. Dầu cho đó là đáng Phạm Thiên hay Chuyển Luân Thánh Vương. Hãy trân quý thời gian và hãy làm những gì có thể làm được.

Vì ý niệm được sự vô thường như thế; cho nên tôi đã sắp đặt việc của chính mình. Kể từ năm 1974 đến nay (2001) có nghĩa là 27 năm ở tại Nhật và Đức tôi đã hoàn thành được 31 tác phẩm; kể luôn tác phẩm này nữa là tác phẩm thứ 32. Không kể thời gian từ năm 1972 tôi đã bắt đầu ở Nhật; nếu tính chung lại gần 30 năm ở ngoại quốc, tôi đã hoàn thành 32 tác phẩm. Như vậy cứ trung bình mỗi năm một tác phẩm.

Vấn tôi không hay, chữ tôi không tốt, ý tôi không thâm trầm; nhưng tôi chủ trương rằng nghĩ sao viết vậy. Đó là cách

cầu tạo tư duy của mình; nên tôi đã cố gắng. Dẫu cho những tác phẩm ấy không có giá trị nghệ thuật hay giá trị văn chương đi nữa, thì những gì tôi đã làm cũng đánh dấu được một chặng đường 30 năm, có nghĩa là hơn một thế hệ, tôi đã miệt mài với sách đèn, với công phu kinh kệ vậy.

Tác phẩm thứ 30 có nhan đề là Kinh Đại Bi. Kinh này tôi đã dịch từ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh bằng chữ Hán sang tiếng Việt và Thầy Hạnh Tấn đang dịch sang tiếng Đức để ấn hành trong năm 2001 này.

Tác phẩm thứ 31 có tên là Phật Thuyết Bồ Tát Hành ***Phương Tiện Cảnh Giới Thân Thông Biến Hóa Kinh. Kinh này cũng được dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt và sẽ ấn hành nay mai.***

Riêng tác phẩm thứ 32 này tôi viết về chuyến đi Bhutan từ ngày 21 tháng 4 đến ngày 3 tháng 5 năm 2001 để giới thiệu cho quý độc giả một quê hương Phật Giáo tại Á Châu mà rất nhiều người chưa biết đến.

Sau khi đi Ấn Độ về lần đầu, năm 1989, tôi đã viết quyển Lòng Từ Đức Phật để giới thiệu về 4 Thánh Địa nơi Đức Phật Đản Sanh, Thành Đạo, Thuyết pháp lần đầu tiên và thị tịch Niết Bàn. Ai xem xong rồi cũng sợ ít dám đi Ấn. Vì lúc ấy phương tiện di chuyển và chỗ ăn ở còn tương đối giới hạn; nhưng sau này có nhiều Thầy, Cô tổ chức những chuyến hành hương có quy củ hơn và được nhiều người ưa thích.

Tiếp theo tôi viết quyển Giữa Chốn Cung Vàng để giới thiệu về Phật Giáo Tích Lan. Đặc biệt về nơi thờ rằng Phật tại Kandy, cổ đô của Tích Lan, và địa danh thứ 2 là Anuradhapura nơi Shangamita, Công chúa và cũng là Ni Cô con của vua A Dục, đã mang một nhánh của cây Bồ Đề từ Ấn Độ sang Tích Lan trồng vào thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch. Cây ấy vẫn còn sống cho đến ngày hôm nay.

Những năm sau đó tôi có dịp đi Trung Quốc 2 lần. Sau khi đi lần thứ nhất về viết quyển Theo Dấu Chân Xưa và lần thứ 2 viết quyển Vọng Cổ Nhân Lầu. Cả hai quyển này giới

thiệu về Tứ Đại Danh Sơn của Trung Quốc về những nơi thị hiện của Bồ Tát Quan Thế Âm, Bồ Tát Địa Tạng, Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền cũng như những cảnh trí khác của Trung Quốc.

Đến năm nay 2001 tôi đã có dịp hành hương sang Bhutan, nên cố gắng viết tác phẩm này để giới thiệu với quý độc giả xa gần về một xứ khó đến mà cũng rất khó về. Tôi chưa biết rằng tác phẩm này lấy nhan đề là gì? có lẽ nên lấy tên: **BHUTAN, Khó Đến Khó Về**. Hoặc giả: **Nụ cười Hoàng Hậu hay là gì gì nữa... thì có lẽ cuối cùng sẽ** chọn được một cái tựa.

Như thế là 5 tác phẩm giới thiệu về 4 xứ đặc biệt. Ngoài ra tác phẩm Đường Không Biên Giới của chúng tôi cũng đã giới thiệu tổng quát về các châu lục như: Âu, Á, Mỹ, Úc, Phi.

Có lần Hạnh Hảo, người đệ tử Đức của tôi, bảo rằng: Sư phụ ở Đức đã 24 năm rồi mà chưa có một tác phẩm nào viết về nước Đức và người Đức cả. Trong khi đó Sư phụ đi Bhutan chỉ có một tuần mà đã có một tác phẩm rồi.

Tôi trả lời kiểu nói gượng với Hạnh Hảo là: Đã ở Đức rồi thì còn viết về nước Đức làm gì nữa. Nhưng thật ra trả lời như thế cho có trả lời mà thôi. Lẽ ra tôi phải có một đại tác phẩm về nước Đức mới đúng; nhưng những lúc ở, ăn, làm việc, tu học ở xứ này lâu rồi, mình chẳng để ý đến nữa. Phải chăng đây là cái lỗi của tôi, hay mọi người cũng thế? Phần tôi, tôi nghĩ rằng tất cả 32 tác phẩm này hay trong tương lai còn nhiều tác phẩm khác tôi sẽ viết nữa là đại tác phẩm tôi viết về nước Đức vậy. Vì nơi này đã cư mang và đùm bọc tôi trong suốt mấy chục năm qua. Cảm ơn nước Đức và cảm ơn nhân dân Đức rất nhiều.

Viết sách không khó. Vì đọc nhiều sách là có thể viết sách được. Cái khó ở đây là làm sao khi người khác đọc sách của mình có thấu thập được phần nào những lý giải và những chỗ thâm sâu mà tác giả muốn gởi đến người đọc hay không?

ấy mới là vấn đề chính. Ngoài ra cũng còn những phương diện khác nữa, chứ không phải chỉ đơn thuần có vậy. Nhưng riêng tôi cũng như người xưa đã nói: "Tôi thích bán những gì người ta thích mua, chứ tôi không bán những gì mà tôi thích bán". Cũng như thế ấy, tôi sẽ cho những gì người khác thích nhận chứ không phải tôi sẽ cho những gì mà tôi thích cho. Tôi xem mọi người, chúng sanh là đối tượng; chứ tuyệt nhiên tôi không là đối tượng của chúng sanh. Vì tôi chẳng là gì cả. Một Như Điển này cũng chỉ là cỏ đá mà thôi. Ở tôi muốn thể hiện lòng từ bi; nên cố gắng xem mọi người và mọi loài có giá trị cao cả hơn mình nhiều. Có như thế tôi mới là hóa thân của đất và nước được.

Rồi đây tứ đại này của tôi cũng sẽ ra tro bụi. Có thể là ngày mai, hay 5, 10 năm nữa. Mà cũng có thể lâu hơn 20 năm sau; nhưng sau đó là gì cơ? Là cỏ xanh, là bia trắng. Còn ai nhắc đến mình. Hay mình cũng chỉ là một chúng sanh âm thầm như bao chúng sanh khác? Có thể là như thế. Vì tương lai nhân loại ở trên hành tinh này không dừng lại con số 6 tỷ người như trong hiện tại, mà là 8 hay 10 hoặc 20 tỷ v.v... rồi thế giới này sẽ chìm sâu vào khổ đau cũng như ngấm sâu vào những tị hiềm cũng như chia rẽ. Lúc ấy cõi Nam Diêm Phù Đề này nếu có những chúng sanh nào đó xuất hiện, nó cũng chỉ là và cũng sẽ là một giọt nước li ti trong muôn ngàn giọt nước khác mà thôi. Thật ra ta chẳng là gì cả.

Phật ngày xưa đã thị hiện làm nhiều thân khác nhau. Có lúc phải làm hùm beo, sư tử. Có khi làm chim muông, thú dữ; nhưng tâm lúc nào cũng từ bi. Như một vị Bồ Tát muốn cứu khổ cho đời. Còn chúng ta ngày nay có nhiều người mang thân lành đầy đủ; nhưng làm những việc thiếu lòng từ. Do đó khi chết chắc khó sanh lại vào đường lành. Do vậy phải làm một cái gì đó, không phải cho có tính cách cao thượng, mà hãy vì người hơn là vì mình, thì kết quả lại khác hẳn đi.

Thế giới ngày nay người ta chủ trương là kinh tế hóa toàn cầu. Mới nghe qua thì rất hay. Vì nhờ phương diện kinh

tế phát triển mà con người có nhiều phương tiện hơn. Điều ấy không sai; nhưng chưa đúng hoàn toàn. Vì có biết bao nhiêu người nghèo càng nghèo hơn chỉ vì sự phát triển kinh tế của một số nước lớn trên thế giới. Mới nghe qua thì vô lý. Nhưng lẽ công bằng của tạo hóa là người này được thì kẻ khác phải thua. Người này còn, kẻ khác phải mất. Do vậy mà Vua Bhutan trong hiện tại không chủ trương như thế, mà ông ta nói rằng: "Sự tăng trưởng kinh tế của nước tôi có *nghĩa là dân tôi mỗi ngày làm được một việc thiện. Vì việc thiện càng nhiều thì đời sống người dân sẽ có hạnh phúc. Hạnh phúc đó chính là một sự tăng trưởng kinh tế; chứ không phải kinh tế hiểu theo nghĩa là tiền bạc*". Đúng là một lời vàng. Có lẽ trên thế giới này ít có vị nguyên thủ của quốc gia nào có được một tâm hồn và một nghĩa cử cao đẹp như thế ấy.

Một hôm tôi ngồi nghe một vị Đại Sư Tây Tạng giảng về Phật Pháp cho những người Đức nghe tại Chánh điện chùa Viên Giác, bằng tiếng Anh, về tình yêu và lòng từ bi. Ông ta cũng đã giải thích rất nhiều về tự ngã, cố chấp và cá nhân chủ nghĩa và sau khi phân tích, ông ta nói như thế này: if you love him (her) as he (she) is then... *có nghĩa là nếu anh (chị) yêu cô (anh) ta như anh (cô) ta là... thì...* Câu nói rất đơn giản nhưng rất vi diệu. Vì lâu nay tất cả mọi thứ tình, chính mình muốn tình ấy phải thuộc về mình; nếu không lệ thuộc, sẽ sinh ra ganh tị, đố kỵ, nhỏ nhen, hẹp hòi, ích kỷ v.v... mà nếu đã thuộc về mình thì thuộc về cố chấp, ích kỷ; chứ không còn là tình yêu hay tình thương nữa. Do vậy nếu muốn yêu hay thương thì hãy thương như ông (cô) ta là... Có nghĩa là họ sao thì phải thương như vậy. Chứ đừng bắt buộc cái thương ấy thuộc về mình. Vì mình thật vô lý, mình chẳng là cái gì cả.

Thế mà trong cuộc sống này chúng ta đã gây ra không biết bao nhiêu sự khổ đau cho nhau cũng chỉ vì sự chấp ngã mà thôi. Sự chấp trước này do thức biến hiện mà thành. Nặng nề nhất là A Lại Da Thức cũng còn gọi là tàng thức. Thức này có 3 công năng chính chứa giữ là: hay chứa những sự

kiện mà tâm mình cho là hữu lý và cũng hay bị chứa những phân biệt bỉ thử. Rồi điều thứ ba quan trọng hơn có nghĩa là chỉ chứa đựng những gì thuộc về ngã chấp của mình mà thôi. Từ đó mới sinh ra sơn hà đại địa, bỉ thử hơn thua...

Do vậy tôi tập quán như thị như trong Kinh Pháp Hoa phẩm Phương Tiện thứ 2 có dạy. Có như thế, như vậy, như là, để mà sống, mà chiêm nghiệm với cuộc đời. Cũng đừng nên bắt nó phải là, nhất là nó phải thuộc về mình, quả là điều phi lý. Vì cái tôi này nó chẳng là gì cả.

Năm nay trong mùa An Cư Kiết Hạ này Chúng thường trú tại chùa Viên Giác là 24 vị. Thỉnh thoảng cũng có những vị khách Tăng từ nhiều nơi trên thế giới đến viếng thăm và mỗi lần như thế, tôi có cung thỉnh quý vị ấy giảng pháp cho giới xuất gia cũng như tại gia vào những giờ nhất định trong ngày. Năm nay thì có nhiều Thầy đảm đương thế cho tôi, như Đại Đức Thích Đồng Văn, mới vừa xong Tiến Sĩ Phật Học tại Ấn Độ, tôi đã bảo lãnh sang Đức và hiện phụ trách mỗi tuần 2 lần giảng cho chúng Sa Di và Sa Di Ni. Thầy Hạnh Tấn, Phó Trụ Trì Chùa Viên Giác là Phó Tiến Sĩ, cũng đang hướng dẫn mỗi tuần 2 lần cho Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni cũng như toàn chùa. Riêng tôi mỗi tuần chỉ còn lại một lần vào ngày thứ hai về Đại Trí Độ Luận cho tất cả chúng xuất gia. Mỗi lần như thế, đây cũng là cơ hội để gặp gỡ Tăng Ni trong chùa để có việc gì trọng đại thì cũng đem ra thảo luận để thực hiện chung.

Không khí sinh hoạt trong chùa rất hòa hài yên vui. Tuy mỗi ngày có lạy kinh Đại Bát Niết Bàn, mỗi chữ mỗi lạy. Cho đến nay đã lạy 430 trang của quyển một rồi. Tuy có hơi mệt sau 300 lạy mỗi đêm; nhưng mọi người chắc chắn ai cũng có một giấc ngủ an lành. Có nhiều Chú thừa với tôi rằng: Con không còn thì giờ gì cả. Tôi bảo rằng như thế là tốt. Vì Phật và chư Tổ cũng bảo rằng: Người tu nên luôn luôn bận rộn như thế để cho những tạp niệm đừng xen vào.

Trong chùa có thêm độ 10 đến 15 người làm công quả hằng ngày. Như vậy mỗi ngày tại chùa Viên Giác có độ 40 người phải chu toàn cho mọi sự. Đó là chưa kể đến khóa Tu Gieo Duyên từ ngày 1 đến 14 tháng 7 mỗi năm, có độ 50 Tăng Ni và 100 Phật Tử về tham dự. Rồi thì lễ lộc; hoặc Bát Quan Trai giới cuối tuần. Chùa Viên Giác vẫn luôn luôn bận rộn như thế. Nhưng trong cái bận rộn ấy ai cũng có được một niềm vui. Vì mình có cơ hội phục vụ cho người khác. Đó cũng là một chút ý nghĩa trong việc hành Bồ Tát hạnh vậy.

Tuy thời gian lại vô tình, thời gian lặng lẽ trôi; nhưng với tôi tất cả đều có ý nghĩa. Tất cả với tôi là những ân nghĩa nghìn trùng. Vì có bao nhiêu người phải hy sinh cho mình để mình được rảnh rỗi và ngay cả thời gian và không gian ở xứ Đức này đã cho tôi một khoảng trống để có thể chen vào những tư tưởng của mình để gởi đến quý độc giả khắp nơi về tác phẩm thứ 32 này.

Mong rằng quý vị sẽ giữ lại ý và quên đi lời.

Tác giả: Thích Như Điển

Chương I

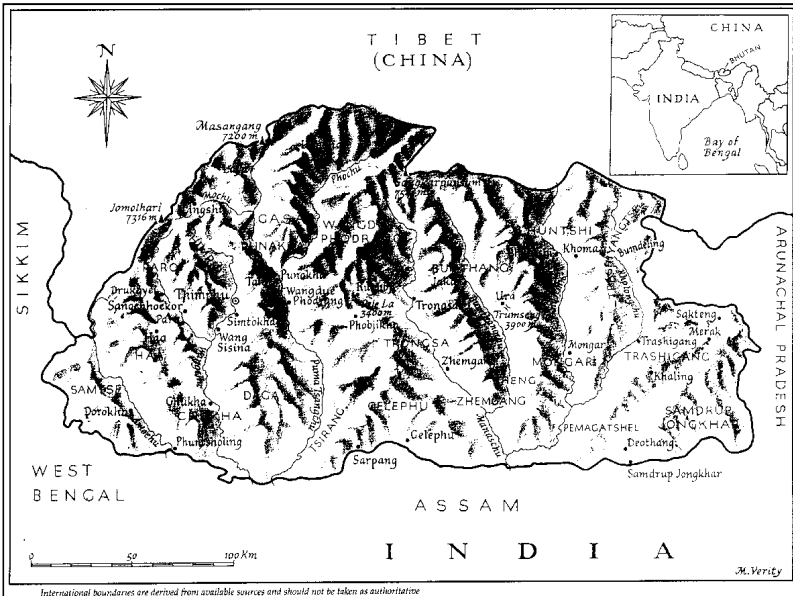
Phần Tổng Quát

Nhiều người trong chúng ta chẳng biết Bhutan nằm ở đâu, vì lẽ ít nghe nói đến. Ngay cả người Đức, vì trong hiện tại chính phủ Đức vẫn chưa có ngoại giao chính thức với Bhutan.

Bhutan có 300 cây số chiều dài; 150 cây số chiều rộng. Diện tích 46.500 cây số vuông. Phía Tây Bắc giáp Tây Tạng. Phía Đông giáp Ấn Độ. Phía Nam giáp Pradesch thuộc Ấn Độ. Phía Bắc giáp Sikkim. Nhìn toàn diện Bhutan có 90% là núi và ở độ cao từ 1.100 mét cho đến 3.000 mét. Có nơi núi cao hơn nằm ở phía Hy Mã Lạp Sơn chạy dọc theo biên giới Ấn Độ.

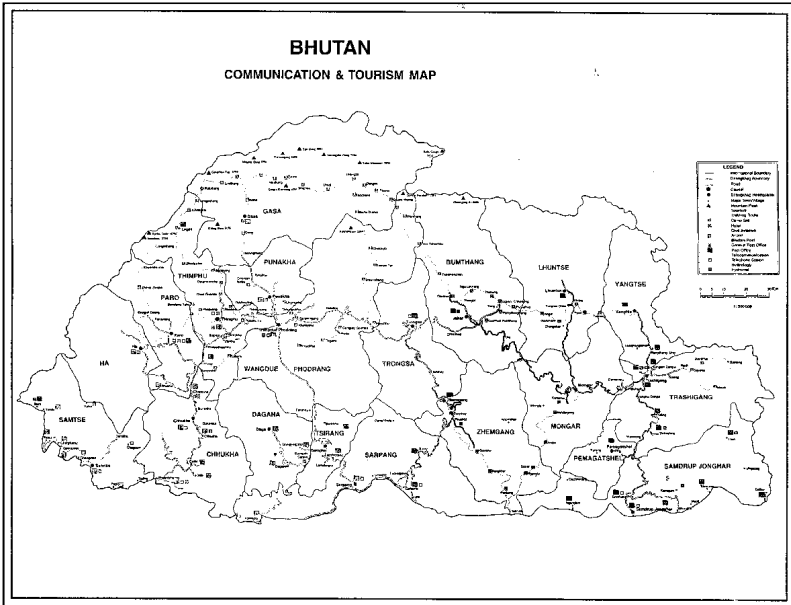
Khí hậu ở nước này cũng giống như Florida của Mỹ hay Cairo của Ai Cập. Phía Nam khí hậu giống như các nước khác tại Á Châu. Phía cao nơi gần Hy Mã Lạp Sơn có nhiều tuyết. Nhiệt độ trung bình ở phía Nam có 15 độ C về đông và 30 độ C về mùa hè. Tại Paro về mùa đông thường -5 độ C và vào tháng bảy độ 30 độ C. Mỗi năm như vậy lượng mưa trung bình là 350 ml. Núi cao thường 0 độ C vào mùa đông và 10 độ C vào mùa hè.

Những núi cao tuyết hay rơi thường và ở những độ cao 2.400 mét đến 3.000 mét tuyết hay giữ lại cho đến tháng 3 mới tan. Mùa mưa thường hay xảy ra suốt miền Tây Nam từ đầu tháng 6 đến tháng 9. Có những đợt mưa cao nhất thế giới hằng năm là 9m50. Có lúc nước mưa cao dâng lên chừng 6 tầng lầu.



Bhutan tiếng Sanskrit gọi là Bhotant có nghĩa là miền cuối cùng của Tây Tạng. Cũng có nghĩa khác là vùng đất rất cao. Người Anh gọi là Bootan hoặc Bhotan. Xứ này cũng được gọi là xứ của rồng. Tôi những tưởng chỉ có Trung Hoa và Việt Nam lấy rồng làm biểu hiệu mà ngay cả Đại Hàn và Nhật Bản cũng ảnh hưởng. Ngày nay lại phát hiện thêm xứ Bhutan nữa. Trên các nóc chùa; nơi cung điện của Vua hay nơi những ghế ngồi trong cung điện đều có chạm hình những con rồng châu hai bên. Rồng đối với các dân tộc Á Châu là những biểu tượng linh thiêng, sống động giúp vua cứu đời; nhưng ngược lại con rồng ở Âu Châu và theo tinh thần của

Thánh Kinh thì ngược lại. Cũng như chữ Vạn đối với người Phật Tử là một dấu hiệu thiêng liêng; nhưng đối với một số người Đức thì họ rất sợ. Vì liên tưởng đến chế độ độc tài của Hitler. Đúng là khó nói và khó diễn tả.



Bắt đầu từ thế kỷ thứ 13 người dân mới đến ở tại xứ này. Như vậy cũng có thể nói là khi dân tộc Việt Nam mình đã đến triều Trần, nghĩa là đã có khoa thi Tam Giáo đồ Tiến Sĩ ra làm quan rồi, người Bhutan mới lập quốc. Dĩ nhiên trước đó họ cũng đã có những người địa phương sống khắp đó đây tại lãnh thổ này; nhưng đến thế kỷ thứ 13 mới chính thức có tên gọi. Tôn giáo chính của Bhutan là Drukpa thuộc Đại Thừa Phật Giáo. Ở đây hầu như không có một tôn giáo ngoại lai nào bành trướng được ngay cả Hồi Giáo, Ấn Độ Giáo hay Thiên Chúa Giáo.

Dân số Bhutan thống kê vào năm 1994 là 600.000 người với 43% dưới 15 tuổi. Mức độ phát triển là 3,1% mỗi

năm. Đây là mức độ cao nhất của thế giới. Do vậy đến năm 2001 có thể nói Bhutan có độ 1 triệu người sống rải rác trên một lãnh thổ như Thụy Sĩ; nhưng đa phần núi cao ở đây không trồng trọt được. Thật ra trẻ em chết rất nhiều vì phương tiện y học còn thô sơ. Nếu phương tiện y học tốt thì sẽ bảo đảm được sức khỏe cho dân chúng tại đây rất nhiều.

Người Bhutan gồm có những dân tộc chính sinh sống tại đó. Đầu tiên là nhóm dân thiểu số, gọi là Sharchops; họ sống ở miền Đông Bhutan. Đây là cư dân căn bản của Bhutan; họ là những người được pha trộn giữa Ấn Độ và Mông Cổ. Không rõ di dân từ khi nào đến đây đất này.

Giống người thứ hai gọi là Lhotshampa. Đây là người Népal bắt đầu lập nghiệp tại Bhutan vào cuối thế kỷ thứ 19 và họ vẫn dùng tiếng Népal để giao dịch với nhau. Những người Népal này thường theo Ấn Độ giáo và có một số ít theo Hồi Giáo.

Nhóm thứ ba được gọi là Ngalong. Nguồn gốc giống người này đến từ Tây Tạng và họ đến Bhutan vào thế kỷ thứ 9. Họ ở về phía Tây, giáp giới với Tây Tạng. Họ theo Phật Giáo và cho đến ngày nay họ vẫn còn nói tiếng Tây Tạng.

Như vậy nước Bhutan cũng tương đối giống nước Thụy Sĩ. Vì lẽ Thụy Sĩ có hơn 60% dân số nói tiếng Đức. Có 15% nói tiếng Pháp; 15% nói tiếng Ý và 10% còn lại nói tiếng địa phương. Vì lẽ Thụy Sĩ cũng là một quốc gia mới độc lập sau này; cho nên quốc gia họ phải có nhiều tiếng nói và nhiều dân tộc đến sống nơi đó. Có lẽ cũng vì vị trí địa lý của Bhutan và Thụy Sĩ giống nhau; cho nên thể chế chính trị của Bhutan trong hiện tại họ cũng rập khuôn theo Thụy Sĩ. Mặc dầu tại Thụy Sĩ không còn vua nữa; nhưng địa vị Tổng Thống của Thụy Sĩ cũng chỉ có tính cách tượng trưng; trong khi đó Vua Bhutan vẫn còn một thực quyền đối với Quốc Hội và dân chúng.

Hội Đồng Quốc Gia của Bhutan có 154 Dân Biểu và chia ra làm 3 loại khác nhau. Loại một gồm 105 vị Dân Biểu

đại diện cho 20 quận và đều được bầu trong 3 năm một lần. Loại thứ hai gồm đại diện cho 12 Tu viện Phật Giáo và cũng duy trì trong vòng 3 năm. Nhóm thứ ba từ nhân dân và do nhà Vua bổ nhiệm. Gồm 20 viên chức Quận, Bộ Trưởng, Thứ Trưởng của chính phủ hoặc những nhân viên cao hơn để đảm đương việc nước.

Những người được bầu tuổi từ 25 trở đi. Nhà Vua trong hiện tại đã thay đổi hệ thống hành chánh này và đã được 2/3 dân chúng đồng ý. Vào tháng 6 năm 1998 nhà Vua cũng đã ban hành Hiến Pháp, cải thiện chính trị và lấy việc bỏ phiếu của dân bầu làm gốc.

Nhưng đặc biệt một điều là cho đến nay ở Bhutan vẫn chưa có đảng đối lập, mà họ chỉ có một đảng duy nhất. Đó là đảng của quốc gia Bhutan mà thôi. Không biết mai sau đây tình thế thay đổi ra sao thì chưa biết; nhưng trong hiện tại họ sống rất là yên bình dưới sự lãnh đạo của Vua và Hội Đồng Cố Vấn của Hoàng Gia cũng như các Bộ Trưởng và Dân Biểu.

Hội Đồng Cố Vấn của Hoàng Gia thành lập vào năm 1965 để cố vấn cho Vua cũng như cho Hội Đồng Bộ Trưởng trong những vấn đề quan trọng. Những vị này cố vấn cả những vấn đề chính trị trong Quốc Hội nữa. Vị Chủ Tịch của Hội Đồng này do Vua bổ nhiệm. Có tất cả là 6 vị; trong đó có 2 vị là Tu sĩ. Một trong 2 vị Tu sĩ này, phái đoàn chúng tôi đã gặp, sẽ đề cập tỉ mỉ hơn vào những chương sau.

Hội Đồng Bộ Trưởng của Bhutan trong hiện tại có tất cả là 8 Bộ. Nếu kể luôn Hội Đồng Cố Vấn của Hoàng Gia nữa, có nghĩa là hết thảy 9 Bộ. Gồm những Bộ như sau:

1. Bộ Thương Mại Kỹ Nghệ
2. Bộ Y Tế
3. Bộ Giáo Dục
4. Bộ Tài Chánh
5. Bộ Ngoại Giao

6. Bộ Thiết Kế Đồ Án
7. Bộ Nông Nghiệp, và
8. Bộ Giao Thương.

Năm 1998 nhà Vua đã chỉ định để thành lập Hội Đồng Bộ Trưởng này. Ông Bộ Trưởng Ngoại Giao lâu đời nhất thế giới là ông Lompo Dawa Tsering. Ông ta đã là Bộ Trưởng kể từ năm 1972 đến 1998. Kể từ năm 1998 vị Bộ Trưởng Ngoại Giao được chọn lựa bởi Hội Đồng Bộ Trưởng để điều hành việc ngoại giao với các nước bên ngoài.

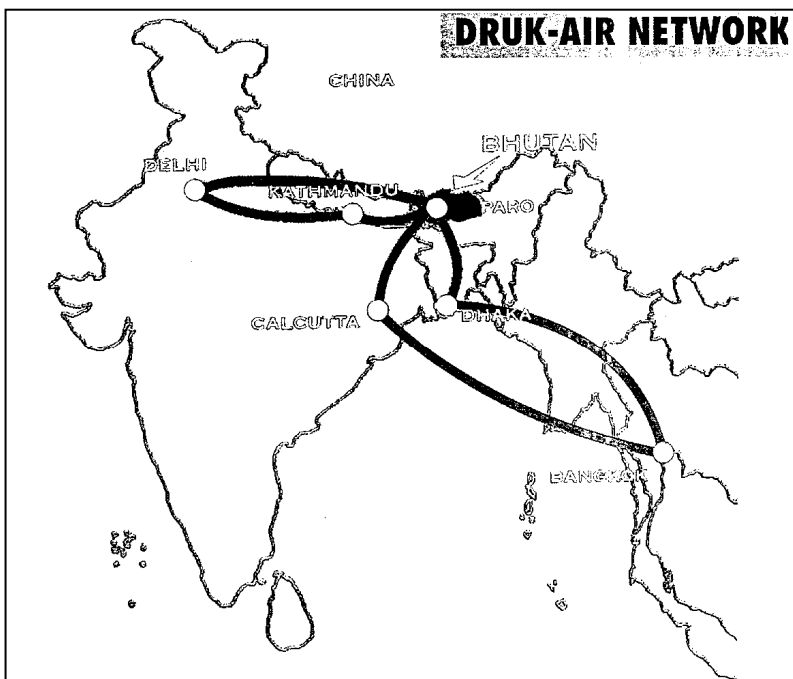
Trên thực tế, cho đến hôm nay (2001) Bhutan chỉ có ngoại giao chính trị với 18 nước; đa phần tại Á Châu. Đặc biệt những nước Bắc Âu như Thụy Điển, Đan Mạch, Na Uy, Phần Lan có ngoại giao rất sâu rộng với xứ Bhutan. Vì lẽ các xứ Bắc Âu đang chủ trương bảo vệ môi sinh hầu như hoàn hảo tại Âu Châu này và Bhutan cũng lại là nước tại Á Châu duy nhất chủ trương bảo vệ môi sinh tuyệt đối như thế. Cho nên họ có ngoại giao với nhau là phải. Ngoài ra Bhutan cũng được những nước Bắc Âu này viện trợ hằng năm để bảo vệ môi sinh.

Đặc biệt tại các khách sạn hay ngân hàng tiền Na Uy, Đan Mạch, Thụy Điển và Phần Lan được nhân viên ở đây biết đến nhiều hơn là tiền Đức, Anh, Pháp, Mỹ v.v... Quả thật ở trong đời có nhiều việc khó tin, mà có thật. Trong khi đó ở những xứ khác thì đồng tiền Bắc Âu ít được nhắc đến nhiều hơn là những đồng tiền thông dụng tại Âu Châu hay Mỹ Châu. Ngay như tại Đức nhiều lúc nhân viên ngân hàng không phân biệt được tiền nào là tiền của Na Uy và tiền nào là của Đan Mạch hay Thụy Điển; nếu họ không nhìn kỹ vào những ghi chú bên cạnh. Rồi đây 15 quốc gia Âu Châu sẽ sử dụng chung một đồng tiền; nhưng tiếng nói và phong tục tập quán thì xứ nào họ giữ của xứ ấy. Có lẽ cũng sẽ tiện lợi dần dần. Vì thế giới càng ngày càng gần gũi với nhau hơn.

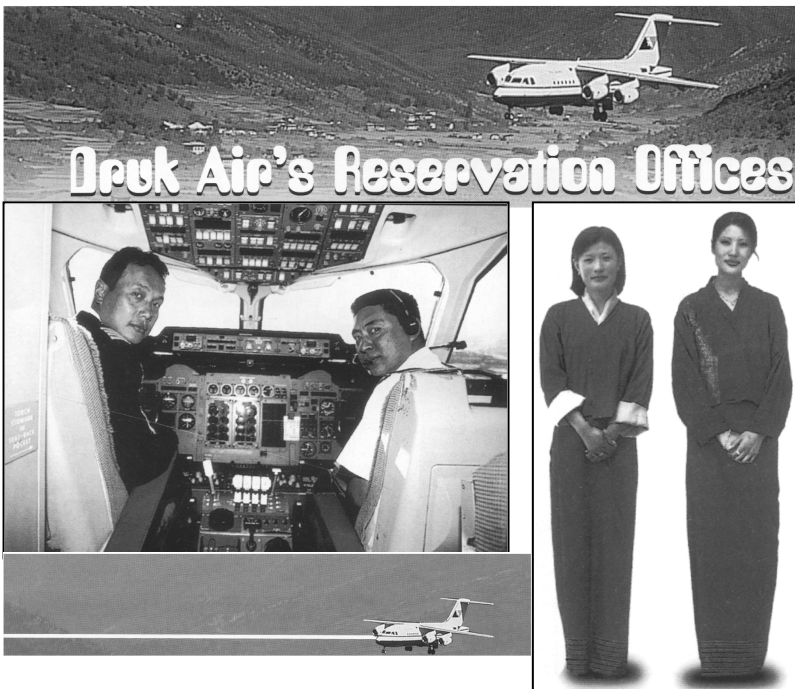
Năm 1994 Bhutan nhận được 77 triệu Mỹ kim tiền ngoại viện; đa phần là của Ấn Độ, Nhật Bản và các nước Bắc Âu. Nếu gặp những người ngoại quốc tại xứ này thì đa phần là người Ấn Độ, Nhật Bản và Bắc Âu chứ người Đức rất ít. Vì lẽ mỗi năm Bhutan chỉ nhận từ 7 đến 8.000 người mà thôi. Mỗi người vào lãnh thổ này mỗi ngày phải đóng 200 Mỹ kim để trả cho tiền ăn ở cũng như di chuyển. Trong số tiền này có 35% sung vào quỹ của quốc gia để lo cho vấn đề sức khỏe và giáo dục của dân chúng.

Nhà vua Jigme Dorji Wangchuck đã băng hà năm 1972; nhưng chính nhà vua này lần đầu tiên mới mở cửa cho người ngoại quốc vào Bhutan năm 1960. Nhóm đầu tiên du lịch vào Bhutan là năm 1974 do ông Lars Eric Lindblad tổ chức. Nhà vua đã khuyến khích chính phủ hạn chế việc du lịch và đánh tiền thuế cao vào người du lịch. Lúc ấy mỗi năm chỉ vào được Bhutan độ 200 người. Mỗi nhóm có 6 người hoặc nhiều hơn. Họ lúc ấy phải đóng 130 Mỹ kim mỗi ngày. Thời gian ấy chưa có phi trường; nên đa phần khách du lịch phải đến biên giới Ấn Độ, rồi từ đó mới đi bộ, đi ngựa hoặc có đoạn đường có thể sử dụng xe Bus để đi vào Bhutan. Riêng phái đoàn của chúng tôi 19 người không phải đóng một đô-la nào trong suốt 10 ngày ở tại Bhutan. Có lẽ đây cũng là một phái đoàn đặc biệt, sẽ trình bày ở những chương sau.

Phi trường Paro nơi chúng tôi đến, được xây dựng năm 1983 và đến năm 1990 Bộ Trưởng Bộ Giao Thông Ấn Độ mới sang đây dự lễ khánh thành và giúp đỡ tài chánh và kể từ đó phi trường Paro mới được mở rộng ra. Druk Air lúc mới bắt đầu bay chỉ có 72 hành khách. Nhưng trong hiện tại ở Bhutan cũng mới chỉ có một chiếc máy bay, một phi trường và một phi đạo. Cho nên tôi gọi là Bhutan khó đến mà cũng khó về là vậy; nếu máy bay có sự cố.



Druk Air chỉ bay từ Paro qua Dhaka, qua Bangkok. Trở về Calcutta và Paro. Đó là đường bay thứ nhất. Đường bay thứ hai từ Paro đi Kathmandu rồi qua Delhi rồi trở về lại Paro. Tuy là bay hai đường bay qua 4 nước; nhưng chỉ có một chiếc máy bay và một phi hành đoàn chưa đến 10 người. Quả là một hãng hàng không rất khiêm nhường nhất nhì trên thế giới. Do vậy mà đến Bhutan rồi mới hiểu Bhutan là gì?



Nhà vua trong hiện tại tên là Jigme Singye Wangchuck. Lúc Vua 16 tuổi thì Vua cha băng hà. Vua cha tên là Jigme Dorji Wangchuck. Ông ta mất vào năm 1972 khi nhà vua mới 44 tuổi. Nhà vua này cũng là một vị vua cải cách của xứ Bhutan. Chính ông ta đã cho mở cửa để đón khách nước ngoài vào từ thập niên 60. Còn trước đó thì hoàn toàn không có.

Nhà vua trong hiện tại cũng giống như cha mình được học ở Ấn Độ và Anh Quốc. Đức Vua cũng đã được tốt nghiệp trường Đại Học của Bhutan ở Paro. Ông ta cũng tiếp tục con đường giáo dục, kinh tế và ngoại giao giống như vua cha đã làm. Đó là việc bảo vệ môi sinh tốt cũng như giữ mức dân số nhỏ như hiện nay. Mức sống kinh tế tại Bhutan tuy không giàu như các nước Tây phương; nhưng dân chúng ở đây sống trong một quốc gia rất hạnh phúc.

Năm 1974 sau khi phong vương, nhà vua này chủ trương mở cửa cho Bhutan và đây là lần đầu tiên có các ký giả ngoại quốc vào quốc gia này. Có khoảng 287 vị khách được mời lúc đó. Vì lễ đó cho nên những khách sạn cũng đã phải mọc lên để cung ứng cho nhu cầu này và sau đó dùng để đón khách du lịch.

Nhà vua cũng đã hiện đại hóa nền giáo dục và nhất là hệ thống y tế của quốc gia cùng với vai trò phát triển cộng đồng của người Bhutan. Ông ta có thể nói là một Kiến trúc sư cho việc bảo vệ môi sinh của Bhutan. Ông ta cũng tiếp tục phát triển những thành quả tốt đẹp mà vua cha đã để lại, giữ gìn truyền thống văn hóa cổ truyền và chủ trương một quốc gia, một dân tộc.

Năm 1988 HoàngTộc đã làm lễ kết hôn cho nhà vua cùng với 4 chị em ruột của Ashi Dorji Wangmo, Ashi Tshering Pem, Ashi Tshering Yangdön và Ashi Sangay Choden. Nhà Vua và các Hoàng Hậu hiện có 5 Thái Tử và 5 Công Chúa, kể cả Thái Tử sắp nối ngôi.

Đây cũng là một điều ngoại lệ và cũng rất hiếm hoi cho các vị vua trên thế giới; mà cũng có thể nói rằng đây là phước đức của dòng họ Ashi. Cả 4 chị em ruột đều lấy một chồng và người chồng ấy là Vua của xứ Bhutan. Cũng có thể vì để tránh việc tranh giành ngôi thứ với nhau và cũng để khỏi có sự lật đổ một vương triều nên Hoàng tộc của Bhutan trong hiện tại đã chọn giải pháp như thế.

Tốt xấu, đúng sai hãy để cho hậu thế sẽ ghi vào sử sách; riêng về phương diện phước đức thì phải thấy rằng nếu không gây nhân bố thí, giúp đời ở kiếp trước, thì kiếp này khó có thể làm Vua và làm Hoàng Hậu.

Sau đây là biểu đồ gia phả của Hoàng Hậu cũng như việc kết hôn với nhà Vua. (Xem trang 26 & 27)

Đồng thời cũng nên biết qua về hình ảnh của nhà Vua và 4 Hoàng Hậu cũng như cha mẹ của Hoàng Hậu.



Scanne: (Trang 20C) và (Trang 20D)
Vua và 4 Hoàng Hậu



Cha Mẹ của Hoàng Hậu

Đến thế kỷ thứ 16 thì Bhutan chia ra nhiều địa phương khác nhau và đây cũng là cơ hội để năm 1644 quân Mông Cổ và Tây Tạng tấn công chiếm Bhutan. Vào năm 1644-1647 Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ V đã ngự giá đến Paro và năm 1648-1649 Tây Tạng đã chiếm trọn Bhutan. Ông Shabdrung Ngawang Namgyal đã chống lại Tây Tạng và đã thành công năm 1655. Ông ta sinh vào cuối thế kỷ thứ 16 (1594) và đến năm 1651 thì từ trần. Cuộc chiến mà ông đã lãnh đạo để chống lại Tây Tạng đã thành công rồi sau 4 năm ông mất. Do vậy hình ảnh của ông được xem như là một vị Thánh quan trọng của Bhutan. Hầu như chùa nào cũng có thờ.

Hình hoặc tượng của ông ta ngồi, đội mũ đỏ, có râu dài, mặc y áo nhà tu và trên tay có cầm một bình nước cam lồ. Người Bhutan cũng thờ lạy ông như là một vị Bồ Tát.

Đến năm 1705 thì Je Khenpo chết. Từ thân thể của ông có 3 tia sáng xuất hiện và điều ấy báo tin rằng sẽ tái sinh ra 3 hình thức khác nhau để lãnh đạo quốc gia. Thời gian yên bình này kéo dài chừng 200 năm, sau đó thì có nội chiến. Vì vậy cho nên năm 1729-1730 Tây Tạng đã lợi dụng sự bất ổn định của Bhutan nên đã xâm nhập lần thứ 3 và lần này người Tây Tạng cũng thua phải kéo binh về nước.

Tuy rằng kinh điển Phật Giáo cho đến ngày nay người Bhutan vẫn còn dùng tiếng Tây Tạng để tụng đọc và hành trì; nhưng hình thức cũng có đôi phần khác với Tây Tạng. Vì lẽ phong tục cũng như truyền thống và nghi lễ có nhiều điểm không giống nhau.

Có lẽ đau đớn sau 3 lần bị chiếm đóng, cho nên người Bhutan không thích người Tây Tạng mấy. Cũng giống như người Đại Hàn không thích người Nhật vậy. Do vậy cái gì không đúng hay xấu xa, người Bhutan thường hay nói: Tại sao giống người Tây Tạng quá vậy.

Dân tộc và đất nước Việt Nam của chúng ta cũng đã bị người Trung Hoa đô hộ 3 lần. Bị người Pháp, người Nhật mỗi xứ một lần. Mỗi lần như vậy cả hàng ngàn năm, hàng trăm năm hay mấy chục năm; nhưng người Việt Nam phóng khoáng hơn; không trả thù khi kẻ đến xâm lăng bị thua. Sau đó thì giao hảo tốt đẹp cũng như tay bắt mặt mừng, trao đổi văn hóa, kinh tế, chính trị, thương mại với nhau ngay cả những nước cừu thù. Còn Bhutan bị Tây Tạng chiếm tổng cộng 3 lần chưa tới 30 năm mà mỗi thù truyền kiếp ấy vẫn còn dai dẳng nơi lòng người Bhutan cho đến ngày hôm nay. Mặc dầu cả 2 nước đều là Phật Giáo; mà Phật Giáo của Bhutan ảnh hưởng không ít bởi Phật Giáo của Tây Tạng.

Hầu như tất cả những chùa của Bhutan đều thờ hình hoặc tượng của Ngài Padmasambhava. Ngài được xem như là

một vị Phật thứ 2 sau Đức Thích Ca Mâu Ni đối với người Bhutan. Chữ Padmasambhava có nghĩa là Liên Hoa Sanh. Có nghĩa là Ngài hóa sanh từ hoa sen. Ngài xuất thân từ Ấn Độ. Năm 746 Ngài đã dùng thần thông để bay qua Bhutan, Sikkim và Tây Tạng để xiển dương Phật Pháp nơi đây. Do vậy mà cả 3 nước này đều thờ hình ảnh của Ngài rất trang trọng.

Ngài cũng được hiểu như một biểu tượng Đại Sư của Mật Giáo; nên gọi là Je Khenpo. Có nơi cũng gọi là Greru Rimpoche. Hình hoặc tượng của Ngài tay mặt cầm hoa sen; tay trái cầm bình nước cam lồ. Ngài mặc áo đỏ đắp y vàng; đầu đội mũ đỏ viền xanh, dưới hình thức là một Tăng Sĩ. Vị này sau đó được đầu thai dưới nhiều hình thức khác nhau; có lúc địa vị của Ngài còn cao hơn cả vương quyền của Vua Bhutan nữa. Do vậy ở đầu thế kỷ thứ 20 mới có sự tranh chấp và tái sanh của Je Khenpo bị giết để chứng tỏ thế quyền cao hơn đạo giáo và vị Je Khenpo tái sanh tiếp theo bây giờ hiện đang ở tại Ấn Độ.

Ấn Độ là một quốc gia nơi phát sanh ra nhiều bậc giác ngộ, nhiều vĩ nhân trên thế giới; nhưng đồng thời Ấn Độ cũng là nơi tranh chấp nhiều giai cấp và nhiều hóa thân, để rồi mãi cho đến bao giờ Ấn Độ cũng còn nằm trong sự huyền bí, như Hy Mã Lạp Sơn cho đến bao đời cũng chẳng có ai có thể biết được trong đó có những gì?

Vị vua của Bhutan có liên hệ với Anh Quốc tên là Ugyen Wangchuck. Ông ta lên ngôi ngày 17.12.1907. Có lẽ vì lúc ấy do sự hiện diện của người Anh tại Ấn Độ; nên người Anh cũng muốn bành trướng thế lực của mình qua các xứ lân cận của Ấn Độ. Cũng vì lẽ Bhutan là một xứ núi non rất hiểm trở cho nên người Anh, ngay cả người Tây Tạng và Trung Quốc cũng đã chẳng thành công trong giấc mộng xâm lăng của mình vậy.

Về đạo Thiên Chúa hoàn toàn không có ảnh hưởng gì tại xứ Bhutan này. Mặc dầu năm 1627 nghĩa là cách đây 400

năm về trước có Giáo sĩ Bồ Đào Nha dòng Jesuit tên là Cacella và Cabral, họ đến từ Calcutta của Ấn Độ; nhưng sau 400 năm tại đây hầu như không có một nhà thờ và không có một người nào theo đạo Thiên Chúa giáo. Ngay cả Nhật Bản, mặc dầu các Giáo sĩ người Tây phương cũng đã đến đây vào thế kỷ thứ 16, 17 và cho đến nay sau 400 năm truyền giáo họ chỉ có con số tín hữu rất khiêm nhường là 0,001% so với trên 100 triệu dân số của Nhật Bản ngày nay.

Quân đội của Anh cũng đã tìm cách ảnh hưởng tại xứ Bhutan và Tây Tạng nên họ đã ký một hiệp ước vào năm 1774. Đây là thời kỳ mà người Âu Châu đi tìm các thuộc địa tại Á Châu và Mỹ Châu cũng như Phi Châu. Tuy nhiên với truyền thống lâu đời của Phật Giáo mà người dân đã hấp thụ; nên không thể một sớm một chiều mà có thể thay đổi tín ngưỡng của dân tộc họ cả hàng ngàn năm nay.

Phật Giáo giữ một vai trò quan trọng trong đời sống sinh hoạt hằng ngày của dân chúng. Người Népal và người Ấn Độ ở Bhutan thì theo Hindu. Có cả đạo Bon từ Tây Tạng truyền sang đang có mặt tại những vùng thuộc Hy Mã Lạp Sơn. Những vị Tu sĩ của Bhutan đang đóng vai trò chính yếu trong đời sống cộng đồng. Con nhỏ của người Bhutan lúc 10 tuổi hầu như được đưa vào ở Tu viện để học kinh và tu hành. Bây giờ thì truyền thống này không còn bị bắt buộc nữa. Tuy nhiên tôn giáo của quốc gia là Drukpa Kagyu là một nhánh của Mật Giáo, giống như Mật Giáo của Tây Tạng.

Trong Đạo Phật không phải là một tôn giáo còn tin Thượng Đế; nhưng Đạo Phật đã lấy hệ thống triết học và đạo đức học để răn dạy con người; nên đã ảnh hưởng rất sâu đậm trong quần chúng cũng như vua chúa. Phật Giáo cũng đã giải thích cuộc đời là vô thường, thế gian là giả hợp qua những bức tranh lụa của Phật Giáo nhằm chuyển hóa những biểu tượng này vào cuộc sống của mọi người, để ý thức được thế nào là sự hiện hữu của một kiếp nhân sinh vậy.

Đời sống chính trị tại Bhutan cũng như chính sách của chính phủ bị ảnh hưởng về Phật Giáo rất nhiều; nên đã bảo vệ thiên nhiên một cách toàn hảo và giữ lại những truyền thống tốt đẹp tự ngàn xưa. Việc bảo vệ thiên nhiên và bảo vệ văn hóa là hệ thống chính trị của Bhutan. Vì thế cho nên năm 1995 khi Quốc Hội họp và đã biểu quyết là giữ lại 60% rừng như xưa. Ai chặt cây bừa bãi sẽ bị luật pháp nghiêm trị.

Năm 1991 chính phủ có thành lập một quỹ bảo vệ môi sinh để duy trì những hoạt động này. Được bảo trợ bởi WWF (Tổ chức bảo vệ môi trường), gồm các nước như Thụy Sĩ, Hòa Lan, Na Uy và Phần Lan giúp đỡ. Quỹ này hiện có 25 triệu Mỹ kim để lo bảo vệ môi trường cho dân chúng Bhutan.

Nước Bhutan là một nước có môi trường thiên nhiên rất tốt. Rừng rậm vẫn còn nguyên vẹn. Vì dân số càng ngày càng tăng cho nên chính phủ đã ra lệnh cần phải bảo vệ môi sinh nhiều hơn nữa. Chính vì rừng còn nguyên thủy cho nên có nhiều loại cây và hoa quý vẫn còn tồn tại dưới chân núi Hy Mã Lạp Sơn này. Có nhiều cây là dược thảo và theo sự kiểm kê của Sở Kiểm Lâm có đến 5.000 loại cây và hoa khác nhau đang có mặt tại rừng núi Bhutan này. Cũng vì thiên nhiên còn tốt đẹp cho nên những động vật như khỉ, voi, báo tuyết vẫn còn hiện diện nơi đây. Vì có nơi nương tựa.

Do từ những lý do bảo vệ môi sinh một cách chặt chẽ có hệ thống như trên mà nhiều người đã quả quyết rằng: Nếu trong tương lai thế giới này có thể sụp đổ; nhưng xứ Bhutan vẫn còn là trong ý nghĩa này vậy.

Đời sống của người dân tại Bhutan rất bình thường. Năm 1995 theo thống kê, bình quân đầu người mỗi năm là 470 US\$. Đến năm 2001 có lẽ tăng thêm chút đỉnh. Tuyet nhiên không nhờ vào lượng khách du lịch tới lui Bhutan mà đa phần 80% dân số sống về nghề nông và họ cũng không có tiền mặt nhiều nơi mỗi cá nhân.

Chính phủ xuất cảng 25% tiền điện và than, gỗ, xi-măng. Đây là những nguồn cung ứng chính cho sự sinh hoạt của cơ quan nhà nước và nhân dân. Ngoài ra Bhutan cũng đã cung ứng 457 loại nấm khác nhau cho ngoại quốc. Nghe đâu Nhật Bản thường mua nấm Suitake của Bhutan. Lý do là tại Bhutan có rừng nhiều và rừng còn ở dạng nguyên thủy. Cho nên những loại nấm xuất hiện ở đây rất được ngoại quốc ưa chuộng. Ngoài ra cây sả ép ra tinh dầu cũng đem xuất cảng ra các nước ngoài.

Trung bình cứ 100 người dân Bhutan như thế có 20 người làm Tăng Sĩ và đâu đâu cũng thấy chùa. Khắp nơi đều đặt dưới sự kiểm soát của hệ phái Je Khenpo tức hóa thân của Ngài Padmasambhava (Liên Hoa Sanh) và ảnh hưởng rất mạnh vào đời sống của mọi người dân. Nhìn vào trình độ giáo dục của Tu viện tương đối cao so với đời sống thường nhật của dân chúng. Vì họ phải lam lũ làm ăn, ít có người đỗ đạt cao. Nếu có, đa phần xuất thân từ chùa chiền, tu viện. Điều này cũng dễ hiểu, ở những thế kỷ trước tại Việt Nam hay Trung Quốc và ngay cả Nhật Bản những danh Tăng, những nhà giáo dục đều xuất thân từ cửa chùa. Nơi ấy có đầy đủ điều kiện hơn, có thể đời sống tại đó kinh tế không quá khổ; nhưng đời sống tâm linh và đặc biệt là giáo dục phát triển rất mạnh.

Về việc giáo dục phổ thông cho quần chúng cho đến năm 1950 vẫn do các Tu viện nắm giữ và cho đến ngày nay cũng thế. Tuy nhiên ai muốn học thêm ở ngoài thì phải đến Darjeelivy. Khắp nơi người dân Bhutan đều biết đọc biết viết. Số lượng chính xác vào năm 1984 là 28% và năm 1996 là 54%. Đa phần đường hướng giáo dục tại đây đều rập theo khuôn mẫu của các nước phương Tây.

Về giáo dục ở cấp bậc Đại Học thì tại Bhutan hiện chỉ có một trường dạy về y khoa và kỹ sư. Đa phần những người trẻ được gửi ra nước ngoài để học Đại Học. Một số không có

cơ hội ra nước ngoài thì học tại Đại Học Sherubtse tại Kanglung nằm về phía Đông của Bhutan.

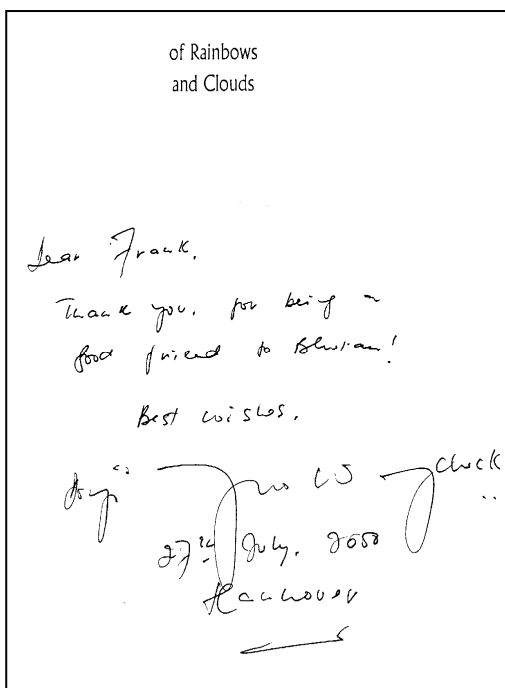
Ngay như Thimpu là thủ đô của Bhutan; nhưng tại đây hầu như không có một Đại Học nào cả. Ngay như Vua và Hoàng Hậu đương triều cũng đã học và tốt nghiệp tại Ấn Độ cũng như Anh Quốc; nên nói tiếng Anh rất thông suốt. Các vị Bộ Trưởng của Bhutan đa phần cũng được học tại Mỹ hoặc Âu Châu, cũng có một số vị học tại Á Châu và nhìn chung những người lãnh đạo của đất nước Bhutan là những người trí thức.

Tôi đã có dịp tiếp xúc với các vị Tỉnh Trưởng tại địa phương Punakha cũng như vị Giám Đốc Viện Bảo Tàng Quốc Gia tại Paro; tất cả đều dùng tiếng Anh để trao đổi. Họ là những người rất thông thái và hiểu sâu vấn đề. Lý do là họ có nhiều cơ hội để xuất ngoại du học và làm việc, trao đổi quan hệ ngoại giao với ngoại quốc.

Chương thứ nhất này được viết ra một cách tổng quát về đất nước Bhutan do nhu cầu chung. Chúng tôi đã tìm nguồn tài liệu từ quyển sách du lịch nha đề là: Bhutan của Stan Armington. Ông ta là một Kỹ sư người Mỹ đã ở Népal 20 năm và hiện ông ta vẫn còn ở Kathmandu, thủ đô của Népal. Ông ta viết được cuốn sách này vì do sự mở cửa của Bhutan từ năm 1974; nên Thầy Thông Trí đã cộng tác với tôi dịch từ Anh ngữ sang Việt ngữ một số mục cần thiết để giới thiệu đến quý độc giả xa gần.

Ngoài ra nhân chuyến viếng thăm Hannover và Hội Chợ Thế Giới vào ngày 27.7.2000, Hoàng Hậu Ashi Dorji Wangmo Wangchuck đã tặng cho Hạnh Hảo Frank một quyển sách nhan đề: of Rainbows and Clouds. *Trong sách này có nhiều hình ảnh rất đặc biệt và tôi đã sử dụng phổ hệ cũng như một vài hình ảnh đặc biệt đó. Chỉ trong Chương này mà thôi. Còn những Chương sau bài viết và hình ảnh đều do chính tác giả hay những người cận sự chụp lại và làm nên tác phẩm này.*

Mục đích duy nhất của việc ghi lại tác phẩm này là để tìm hiểu thêm về một quốc gia theo Phật Giáo tại Á Châu về phong tục cũng như tập quán cũng như đề cao vấn đề môi sinh tại Bhutan trong hiện tại. Tuyệt nhiên không có một ý gì khác. Ngoài ra nếu những người Việt Nam có cơ hội đọc được sách này cũng sẽ có một số ý niệm tổng quát về một quốc gia, mà biết đâu trong tương lai họ sẽ có cơ hội được đến thăm xứ sở huyền bí này.



Chương II

Nhân duyên hội ngộ với Bhutan

"Tất cả các pháp đều do nhân duyên sanh và tất cả *các pháp đều do nhân duyên diệt*" là đúng. Đó là chân lý ngàn đời của vạn pháp mà chư Phật trong quá khứ đã dạy. Chư Phật trong hiện tại đang dạy và chư Phật trong vị lai cũng chỉ dạy như thế mà thôi.

Năm 2000 là năm bận rộn của Hội Chợ Thế Giới tại thành phố Hannover, ai cũng biết như thế cả, mà cả thành phố như sống dậy vươn lên để sánh vai cùng thế giới; nên ở đây cái gì cũng chạy đua cả. Chạy đua với thời gian và chạy đua với mọi hoàn cảnh; không những trong năm 2000 mà trước đó một hai năm người dân của Hannover cũng đang có tâm trạng ấy. Đâu... vào giữa năm 1999 có một người Bhutan đến chùa và tự giới thiệu là Kunzang Thinley; người đứng đầu Viện Bảo Tàng tại Thimphu, thủ đô của Bhutan, muốn gặp tôi để trình bày một số vấn đề nhân EXPO năm 2000 tại Hannover. Hôm đó có Frank Sanzenbacher tức là Thầy Hạnh Hảo, người Đức. Ông ta nói tiếng Anh rất trôi chảy, mặc dầu ông ta cũng nói được tiếng Đức. Ông ta trình bày rằng: Để hoàn thành một tòa nhà của Bhutan tại khu triển lãm EXPO Hannover trong năm 2000 thì chính phủ phải gọi sang Đức 20 người thợ và chỉ dựng ngôi nhà này cũng như trang trí bên trong phải cần 6 tháng như thế, mà nơi ăn chốn ở lại chẳng có. Do vậy, ông ta có ý nhờ chùa Viên Giác giúp đỡ. Vì đường đi từ chùa đến khu triển lãm chỉ cần 10 phút đi bộ là đến. Dĩ nhiên là tôi rất vui mừng. Vì biết rằng Bhutan

không giàu có mấy, vả lại là một quốc gia Phật Giáo tại Á Châu rất ít người biết đến, ngay cả tôi. Do vậy mà tôi đã đồng ý không điều kiện là cứ tự nhiên đến ở và ngay cả ăn uống, tắm giặt suốt trong thời gian xây dựng ấy và chùa Viên Giác sẽ không lấy một lệ phí nào cả. Dĩ nhiên là ông ta rất vui mừng.

Qua trao đổi, tôi thường hay nhấn mạnh rằng: Tuy Phật Giáo của quý quốc có khác về lễ nghi và truyền thống với Phật Giáo Việt Nam; nhưng trong thâm tâm tôi thì không có sự phân biệt giữa Tiểu Thừa với Đại Thừa hay giữa Đại Thừa với Kim Cang Thừa, mà chỉ có một Thừa duy nhất - đó là Phật Thừa mà thôi. Ông ta có vẻ vui khi tôi đề cập như thế. Cũng chính từ quan điểm khởi đi từ lòng tôi như vậy, cho nên chùa Viên Giác tại Hannover đã đón tiếp rất nhiều chư Tăng Ni, Phật Tử khắp nơi trên thế giới không phân biệt Nam Bắc Tông hay Phật Giáo Nhật Bản, Đại Hàn v.v...

Cuối cùng thì tháng 11 năm 1999 đã có 20 người Bhutan đến ở chùa Viên Giác. Chỉ có một vài người nói tiếng Anh rành thì thông dịch lại cho những người còn lại. Họ sống rất kham nhẫn và làm việc rất tận tụy. Mặc dầu mùa Đông năm 1999 bước sang năm 2000 ấy rất lạnh. Nhiều khi họ chẳng ngại tuyết băng giá lạnh, ngày nào cũng như ngày ấy, có khi ngay cả ngày chủ nhật họ cũng đi làm. Họ là những nghệ nhân tạo nên những tác phẩm hữu hình ấy; nhưng hầu như họ đều vô danh, chẳng có một ai để lại tên tuổi của mình trên những tác phẩm có nghệ thuật cao như vậy. Có lẽ đây là quan điểm chung của những người Á Châu theo Phật Giáo chăng? Ngay cả những Thiên Sư, sống vang lừng một thuở mà khi ra đi lại chẳng để dấu vết nào. Đúng là:

Cuộc đời có cũng như không

Sớm còn tối mất bận lòng làm chi!

Mà bận lòng làm chi nữa khi tất cả đều bị vô thường chi phối. Nhìn họ, lúc nào họ cũng mỉm cười. Nhiều lúc nói họ không hiểu, tôi bảo Hạnh Tấn nói tiếng Tây Tạng, lại có một số người hiểu. Họ rất lịch sự, chỉ có một điều là ít siêng

năng tắm rửa mà thôi. Có lẽ họ bị ảnh hưởng bởi ở xứ cao chẳng? Vì lẽ giọt nước ngọt rất quý cho những trường hợp như thế.

Mỗi buổi sáng họ tự nấu ăn cho luôn cả buổi trưa. Sau khi dùng sáng xong, họ cho cơm vào hộp và mang theo để đến trưa dùng tại chỗ. Những ngày đầu tiên họ hoàn toàn dùng chay như ở chùa; nhưng có lẽ vì công việc nặng; nên những tháng sau đó buổi trưa họ ăn uống bên ngoài tự do hơn. Họ đi từ sáng sớm đến chiều tối mới về. Khi về thì họ dùng cơm chiều chung với chùa. Đặc biệt họ ăn rất cay; không thua gì người Đại Hàn mấy. Nghe đâu họ cũng có xuất cảng ớt cho Đại Hàn để làm Kim Chi đó.

Lâu lâu thì Hạnh Hảo thưa với tôi là: Sư Phụ nên cho họ đi thăm Hamburg hoặc Berlin hay tham dự những trận đá banh với các anh em Gia Đình Phật Tử. Họ rất vui, vì mỗi lần như thế có cơ hội để thi thố tài năng của mình cũng như xem phong cảnh địa phương cho biết để khi về lại quê còn kể lại cho thân nhân, bè bạn nghe nữa chứ!

Một hôm anh Kunzang dẫn ông Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng đến gặp tôi để cảm ơn và nhân danh Chính phủ Bhutan tặng những tấm Thangka có giá trị cho chùa. Nhân cơ hội này tôi cũng đã trình bày là Phật Giáo Việt Nam cũng như Phật Giáo Đức muốn có một gian hàng nhỏ tại chùa Bhutan ở khu EXPO để giới thiệu về những sinh hoạt Phật Giáo tại đây. Dĩ nhiên là ông ta bằng lòng và cũng đã chẳng có một điều kiện nào hết. Đây cũng là nơi mà cho Hạnh Hảo cũng như những người Đức Phật Giáo suốt trong 6 tháng triển lãm có cơ hội giới thiệu về sinh hoạt Phật Giáo của từng nhóm và từng Tông phái Phật Giáo khác nhau cho những người Đức đi tham quan.

Câu chuyện không dừng tại đó. Vì lẽ sau khi triển lãm xong ngôi chùa Bhutan này phải dời đi nơi khác. Do vậy họ cũng cần chỗ ăn ở cho 10 người làm trong vòng 2 tháng và xin ở lại chùa. Tôi cũng đã đồng ý luôn. Đây là những nhân

duyên chính để sau này tôi có được những sự liên hệ tiếp theo.

Ngày chờ đợi khai mạc Hội Chợ Thế Giới EXPO năm 2000 cũng đã đến. Hôm đó là ngày 1 tháng 6 năm 2000. Từ bên Pháp qua có chư Tăng Bhutan và người Pháp tu theo Phật Giáo Bhutan đến làm lễ. Đầu tiên họ dùng các nhạc cụ như kèn, tù và, trống, linh đi ra tận ngõ để đón rước vị khách quý đến từ Bhutan. Đó là ông Bộ Trưởng Ngoại Giao của xứ này.

Chư Tăng Bhutan đón rước ông Bộ Trưởng Ngoại Giao

Về nghi lễ ngoại giao thì tôi không biết rõ phải chào như thế nào; cho nên người phụ tá chỉ tôi là khi gặp ông Ngoại Trưởng nên cầm một dải khăn trắng túm lại một đầu, còn đầu khác thì bung dài ra và đưa lên trao qua ông Bộ Trưởng.



Nghi lễ đón ông Bộ Trưởng Ngoại Giao Bhutan

Sau khi tiếp chuyện bằng tiếng Anh với ông Bộ Trưởng, ông ta rất vui mừng và cảm động khi thấy Phật Giáo Việt Nam đã hỗ trợ hết mình cho Phật Giáo Bhutan như thế; nên trong bài diễn văn của ông đọc hôm đó, nhân danh Chính phủ cũng đã cảm ơn Phật Giáo Việt Nam chúng ta.

Khi nói chuyện với ông Bộ Trưởng thì ông Đại Sứ Toàn Quyền Bhutan tại Âu Châu cũng đến gần để tiếp chuyện.

Ông ta rất trẻ và lịch lãm. Ngôn ngữ ngoại giao vẫn là tiếng Anh. Chúng tôi nói chuyện về đủ mọi đề tài. Sẵn đó tôi có dịp đề cập rằng sang năm 2001 chúng tôi muốn sang thăm xứ Bhutan một lần cho biết. Ông Bộ Trưởng Ngoại Giao nói rằng tại đây có ông Đại Sứ. Mọi việc sẽ do ông Đại Sứ lo sắp đặt cho chuyến đi này. Thế là từ đó tôi tiếp chuyện với ông Đại Sứ. Được biết cả Âu Châu chỉ có một Tòa Đại Sứ của Bhutan và Tòa Đại Sứ này hiện đóng tại Thụy Sĩ.



Sau đây là tên của ông Đại Sư cũng như địa chỉ và số điện thoại. Nếu quý vị nào ở Âu Châu thì nên liên lạc nơi đây để được hướng dẫn thêm.

Mr. BAP KESANG

Ambassador of the Kingdom of Bhutan

Chancery: 17 - 17 Chemin du Champ d' Anier

CH - 1209 Genève

Tel. 022 - 799 0890 FAX. 022 - 799 0899

Đến tham dự lễ khai mạc chùa Bhutan hôm đó ngoài tôi ra còn có chư Tăng chùa Viên Giác, các vị Sư người Đức tu theo phái Thiền Nhật Bản ở Steyerberg cũng như vị Sư người Lào.



Chư Tăng chùa Viên Giác và Đức tham dự lễ khai mạc.

Hôm ấy chỉ đặc biệt làm lễ theo Phật Giáo Bhutan còn các truyền thống Phật Giáo khác thì không cử hành. Lý do có lẽ vì thời gian không đủ, mà nhân viên chính phủ thì phải tham dự nhiều nơi khác nhau; nên nghi lễ có phần giản lược bớt. Tuy nhiên thời gian cũng đã kéo dài đến 2 tiếng đồng hồ.

Sau khi dự lễ xong thì mọi người được mời đến quầy thức ăn để điểm tâm bằng nhiều loại thực phẩm khác nhau theo truyền thống Tây phương do người Việt Nam nấu. Những người khác thì tham gia đi xem các phòng triển lãm.



Tháp tùng với ông Ngoại Trưởng để đi xem triển lãm.

Trên chánh điện có thờ Phật ở giữa. Hai bên thờ Ngài Guru Rimpoche (Padmasambhava) và Ngài Shabdrung Rimpoche; người có công thống nhất đất nước Bhutan và giành lại độc lập từ người Tây Tạng. Hình ảnh 2 vị này ở bất cứ chùa nào của Bhutan cũng được thấy trưng bày.

Bên tầng dưới có treo những tấm hình thác nước, phong cảnh thiên nhiên cũng như đồ thủ công nghệ của Bhutan. Có phòng triển lãm nơi dệt vải. Có phòng trưng bày những loại thuốc gia truyền, cây cỏ của phương Đông. Trong tầng dưới cũng có một phòng lớn được ngăn ra để làm chỗ ngồi thiền, mà tôi đã có mấy lần đến đây để hướng dẫn người Đức khi tham quan chùa Bhutan.

Cùng với Thượng Tọa Thích Quảng Bình, ông Đại Sứ, ông Ngoại Trưởng và Thầy Shukhashito tham quan các gian hàng.

Mỗi ngày như thế có 4 hay 5 lần tham thiền. Mỗi lần độ 30 đến 45 phút. Trong 6 tháng ấy có rất nhiều trường phái Phật Giáo khác nhau của nước Đức đến đây hướng dẫn cho người Đức.

Một hôm tôi hỏi hai Thầy Gap Tshering và Kinga T. Dorji người Bhutan rằng:

- Tại sao quý Thầy không hướng dẫn người tham quan ?

Quý Thầy cười và trả lời rằng:

- Vì họ hỏi nhiều câu khó lắm.

Theo tôi nghĩ thì tiếng Anh của hai Thầy ấy đủ để giao dịch; nhưng khi đi vào chuyên môn, quả là vấn đề không đơn thuần chút nào. Mặc dầu quý Thầy cũng đã xong Cao Học tại Ấn Độ.



Toàn cảnh chùa Bhutan và khách tham quan.

Ban đầu hai Thầy này cũng cư ngụ tại chùa Viên Giác; nhưng sau đó thì họ dọn ra ở luôn ngoài chùa Bhutan này cho tiện đi lại cũng như ăn uống.

Đã có lúc báo chí loan tin rằng: Thành phố Hannover là thành phố chùa Phật Giáo. Mà quả thật thế, ở đầu đường Karlsruher là chùa Viên Giác. Kế tiếp trong khuôn viên EXPO là chùa Népal. Kiến trúc một nửa theo Ấn Giáo và một nửa theo Phật Giáo. Sau đó là chùa Bhutan. Chùa này mặc dầu triển lãm xong vẫn còn nguyên vẹn chứ không phải bị dỡ

đi. Rồi chùa Tích Lan, Thái Lan, Lào v.v... đúng là một thành phố... Chùa. Nhưng sau tháng 10 năm 2000 các chùa này lần lượt thiên di đi nơi khác. Những tượng đầu chùa Bhutan sẽ về ngự trị tại Steyerberg; nhưng vì đầu giá chưa xứng giá; nên cuối cùng Phật Giáo bên Pháp đã thắng và chùa Bhutan đã thiên di về đó. Còn chùa Népal nghe nói vì kêu giá quá đắt, chẳng có ai đoái hoài đến; nhưng cuối cùng rồi cũng phải dỡ đi; chẳng biết đem đi đâu. Còn các chùa khác thì làm trong khu triển lãm; nên việc xếp đặt lại không khó khăn gì mấy.

Chùa Bhutan được quần chúng đi xem đánh giá và cho điểm là chùa đẹp nhất trong khu triển lãm. Vì ngôi chùa đã nói lên hết được ý nghĩa của đề tài triển lãm năm 2000 là: Con người, thiên nhiên và kỹ thuật. Cả 3 khía cạnh này ngôi chùa Bhutan đều có đầy đủ cả.

Tôi đang bận rộn bao nhiêu chuyện cho EXPO và khóa học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 13 dự định tổ chức tại Amiens - Pháp Quốc, từ ngày 20 đến 30 tháng 7 năm 2000, thì nghe Hạnh Hảo nói rằng: Bên chính phủ Bhutan báo tin ngày 27.7.2000 sau khi Hoàng Hậu ghé thăm chùa Bhutan muốn ghé thăm chùa Viên Giác. Tôi ngỡ ngàng và lo lắng. Vì lẽ những ngày ấy tất cả chùa, ngay cả tôi cũng như Phật Tử tại Đức đều ở tại Pháp để tham gia khóa học; không thể đón tiếp Hoàng Hậu mà không chuẩn bị kỹ càng được.

Do vậy mà tôi nói với Hạnh Hảo rằng: Hãy bảo với người Đại Diện là Thầy phải có mặt ở Pháp. Vì chương trình đã định sẵn và ở đó có nhiều vấn đề quan trọng cần phải làm. Còn ở nhà Hạnh Hảo nên tiếp Hoàng Hậu đi. Cuối cùng rồi ngày ấy cũng đã đến. Hạnh Hảo và Thầy Shukhashito đã tiếp Hoàng Hậu tại chùa Bhutan này.



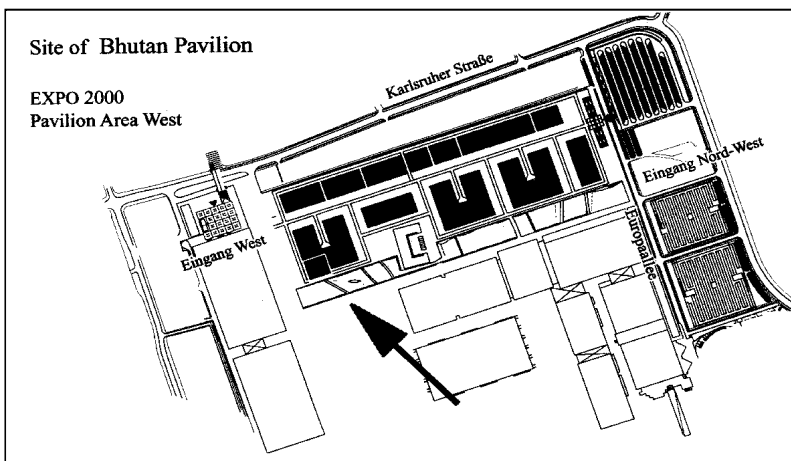
Hoàng Hậu Ashi Dorji Wangmo Wangchuck, Thầy Shukhashito và Thầy Hạnh Hào vào ngày 27.7 tại Hannover.

Hạnh Hào thì như quý vị đã biết, sau khi tốt nghiệp Thạc Sĩ (Cao Học) tại Đại Học Hamburg thì lo cho chùa Viên Giác hai năm về người Đức. Sau đó lo cho EXPO và sau EXPO thì tôi cho đi Népal và Bhutan để tham cầu học đạo. Sau khi ở Nepal và Bhutan 5 tháng thì

về lại Đức và hiện tại đang nhập thất tại Hòa Lan nơi Niệm Phật Đường của Thượng Tọa Thích Minh Giác.

Còn Thầy Shukhashito là người Đức, xuất gia theo truyền phái Tiểu Thừa của Thái Lan, rành tiếng Anh và cũng đã có dịp ở chung với Chúng lý tại chùa Viên Giác một thời gian. Sau 7, 8 năm lưu học tại Á Châu, bây giờ Thầy ấy về lại Đức và làm một cái cốc nơi vườn nhà của cha mẹ để tu tịnh. Thỉnh thoảng vẫn ghé thăm chùa và hỗ trợ một số công tác có liên quan đến người Đức.

Vào lúc 20 giờ ngày 27 tháng 7 năm 2000 tại chùa Bhutan có tổ chức chiêu đãi và xem văn nghệ, có sự hiện diện của Hoàng Hậu. Cả Hạnh Hào và Thầy Shukhashito đều có tham dự buổi chiêu đãi này.



Địa điểm chùa Bhutan trong khuôn viên EXPO 2000

Reception hosted at 18.00 hrs. at the Bhutan Pavilion, Expogelände West, M 20

Cultural programmes staged at the Expo Plaza at 20.00 hrs. by the artistes from the Royal Academy of Performing Arts, Thimphu, Bhutan

The occasion will be graced by Her Majesty the Queen
Ashi Dorji Wangmo Wangchuck.

Dress : National / Formal

RSVP

Phone (0511) 22866003

Fax (0511) 22866004

Vé mời tham dự văn nghệ.

Sau khi ở Pháp về, tôi có hỏi Hạnh Hảo là cuộc tiếp rước như thế nào và Hoàng Hậu ra sao? thì Hạnh Hảo chỉ cho tôi một số gói quà to tướng đang chờ tôi khai ra, do Hoàng Hậu tặng đây. Tôi nhìn những gói quà mà lòng tự thấy hơi khó xử. Vì đã không tiếp đón Hoàng Hậu mà còn nhận quà nữa xem sao được. Tuy nhiên tôi cũng đã cho người mở ra. Đầu tiên là một ghế trầm hương để ngồi thuyết pháp, mà ghế này cho mãi đến bao giờ tôi cũng chẳng dám ngồi. Vì sợ giống chuyện trong kinh Thủy Sám đã kể về Viên Án và

Triệu Thố lắm. Và lại cá nhân mình chẳng xứng đáng gì cả; nên lại để nguyên như vậy.

Riêng tấm thảm thì rất đẹp, dệt bằng tay, chiều dài độ 2 thước, chiều ngang 1 thước. Trên ấy có thêu 3 hoa mẫu đơn màu sắc rất tuyệt vời. Xanh, vàng, đỏ là 3 màu chính của thảm này. Tôi hiện để tấm thảm này nơi phòng làm việc của tôi.

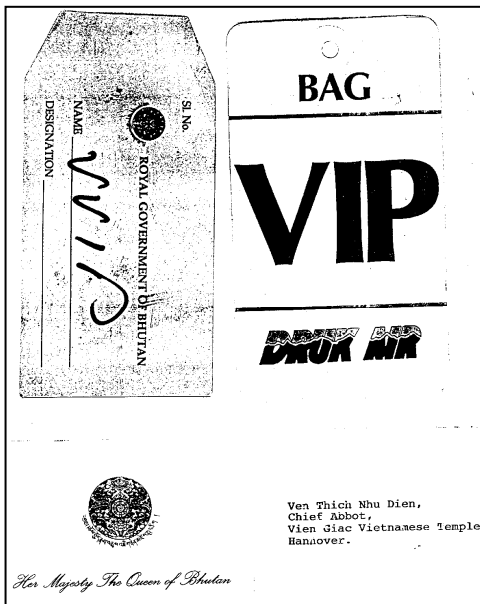
Trên hai kiện hàng này tôi thấy 3 tờ giấy nhỏ:

Tờ thứ nhất có dấu hiệu của Hoàng Gia "Royal Government of Bhutan" và tên là VVIP. Nghĩa là *very very important person*. Có nghĩa là "của người rất rất quan trọng". Hay Việt Nam mình nói gọn là VIP.

Nhãn thứ 2 cũng đề bằng VIP và có ghi phía dưới là Druk Air. Đây là Air line của Bhutan chuyên chở kiện hàng này. Có dịp tôi sẽ đề cập vào cuối sách này về Hàng Không này vậy

Cuối cùng là một Carte Visit cỡ nhỏ, trên có ấn dấu của Hoàng Gia Bhutan; phía dưới đề: Her Majesty The *Queen of Bhutan* - có nghĩa là Hoàng Hậu Bộ Hạ của Bhutan kính tặng Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện Chủ chùa Viên Giác Việt Nam tại Hannover.

Thật ra việc này tôi chẳng đợi chờ; nhưng biết trả lễ làm sao đây? thôi thì chờ thời gian sẽ tính. Có lẽ phải đi Bhutan một chuyến mới có thể giải quyết được những vấn đề này.



Những ngày sau đó thì có ngày gọi là: Tag der Weltreligion. Ngày Tôn Giáo Thế Giới. Tất cả các Tông phái Phật Giáo tập trung tại chùa Bhutan để cầu nguyện.



Trên đường đi đến chỗ cầu nguyện chung

Gồm có Phật Giáo Nhật Bản, Tây Tạng, Bhutan, Việt Nam, Đức, Lào v.v... ai ai cũng hớn hờ vui mừng cho ngày trọng đại ấy.



Mọi người đang chuẩn bị cho lễ cầu nguyện.

Tại chùa Bhutan chúng tôi đã tụng kinh Bát Nhã tiếng Việt, tiếng Đức và tiếng Nhật. Sau đó tôi nói một bài pháp thoại ngắn bằng tiếng Đức, nhằm nói lên ý nghĩa của Ngày

Lễ Tôn Giáo này. Hôm đó có ít nhất là 100 người tham dự tại chùa Bhutan.

Thiên Chúa Giáo và Tin Lành thì cầu nguyện tại nhà thờ trong khu nhà EXPO của họ. Hồi Giáo thì cầu nguyện tại Mosche trong phố. Ấn Độ giáo thì cũng thế. Do Thái giáo cũng vậy. Tất cả Đại Diện của 5 tôn giáo lớn này đều tập trung tại một nơi gọi là Plaza để cầu nguyện theo nghi lễ tôn giáo của mình.



Chư Tăng Việt Nam và Phật Tử Đức tham dự lễ cầu nguyện tại chùa Bhutan.



Đức Tổng Giám Mục Hofmeier và các Tôn giáo bạn.

Đại Diện cho Phật Giáo Đức có đọc một vài phẩm trong kinh Pháp Cú bằng tiếng Đức và một vài em bé lên tặng quà cho những người đại diện tham dự lễ.

Mỗi tôn giáo đều có một sắc thái riêng và cuối cùng thì có một bài hát chung cho 5 tôn giáo nhân ngày trọng đại ấy.

Đại diện 5 Tôn Giáo lớn của Thế Giới.

Có nhiều người tham dự hôm đó rất cảm động. Họ chảy nước mắt. Vì biết rằng một cơ hội như thế rất khó xảy ra tại Hannover này.

Số người tham dự hôm đó tại buổi lễ cầu nguyện chung này độ chừng 2.000 người, đủ các sắc dân và đủ mọi thành phần của Tôn Giáo.

Ngày hôm đó cũng là ngày đẹp trời, rất đẹp trời. Nhằm ngày 12 tháng 9 năm 2000.

Tôi cho đăng vào sách này nguyên văn 5 bài cầu nguyện về Hòa Bình bằng các thứ tiếng nhân Ngày Tôn Giáo của Thế Giới để mọi người lãm tường(Xem trang) . Đây là một dấu hiệu tốt, một bước tiến nhảy vọt của tôn giáo thế giới ngày nay. Do vậy phải cảm ơn Hannover. Cảm ơn nước Đức. Cảm ơn chùa Bhutan. Cảm ơn tất cả mọi người. Vì nếu không có cái này sẽ không có cái kia và nếu không có cái kia sẽ không có cái nọ. Tất cả đều do nhân duyên đề thành tựu, rồi tất cả cũng do nhân duyên biến thể đi mà thôi. Đó là lời Phật dạy. Đó là pháp trong muôn pháp và giáo lý này vẫn còn mãi mãi giá trị đến tận ngàn sau nữa.

Hinduismus

யாதுமாகி நின்றாய் தேவி எங்கும் நீ நிறைந்தாய்
தீது நன்மையெல்லாம் உந்தன் செயல்கள் அன்றி
இல்லை

எமக்கென்றோர் தனிவரம் நாம் கேட்கவில்லை
எம்மினத்தோர் வாழ்வென்றே கருதவில்லை
உனக்கெல்லா உயிர்களுமே சொந்தமென்ற
உண்மையை நாம் ஒரு போதும் மறத்ததில்லை

யாதுமாகி நின்றாய் தேவி எங்கும் நீ நிறைந்தாய்
போதுமிங்கு மாந்தர் வாழ்ந்த பொய்மை
வாழ்க்கையெல்லாம்

சினம் கொண்டு தீங்கிழைக்கும் தீயர் தாமும்
சீலமுற வேண்டுகின்றே வேண்டுகின்றோம்
தனக்கொரு ஒப்பில்லா தாயே இந்த
தரணிக்கு சாத்தியினை தருவாயென்றோ

யாதுமாகி நின்றாய் தேவி எங்கும் நீ நிறைந்தாய்
ஆதி சக்தி தாயே எம்மீது அருள் புரிந்து காப்பாய்
முன்னாளில் முருகனுக்கு சக்தி ஈந்தாய்
பின்னாளில் சங்கரர்க்கு பெருமை ஈந்து
பேரின்பக் காதல் வழம் பெருக வைத்தாய்

யாதுமாகி நின்றாய் தேவி எங்கும் நீ நிறைந்தாய்
எந்த நாளும் நின்மேல் தாயே இசைகள் பாடி
வாழ்வோம்
இவ்வுலகில் சொந்தமெனும் ஈரினத்தார் இணங்கி
வாழ்ந்திடச் செய்தல் அரிதோ தாயே

வாழ்க வையகம்

Buddhismus

Na hi verena verani sammant' idha kudacanam,
averena ca sammanti: esa dhammo sanantano.

Pare ca na vijananti: 'mayam etha yamamhase.
Ye ca tattha vijananti, tato sammanti medhaga.

Na paresam vilomani, na paresam katakatam,
attano va avekkheyya katani akatani ca.

Sahassam api ce vacā anattha-pada-sanhita,
ekam attha-padam seyyo yam sutva upasammati.

Yo sahaṣṣam sahaṣṣena sangame manuse jine,
ekan ca jeyya-m-atthanam sa ve sangamajuttamo.

Atthaḥ have jitam seyyo Ya c'ayam itara paḥa,
atta-dantassa posassa niccam sannata-carino.

*Dhammapada Verse*5, 6, 50, 100, 103 und 104*

Na paro param nikubbetha, natimannetha katthaci na kinci,
byarossana patigasanna nannamannassa dukkhamichheyya

Mata yatha niyam puttam ayusa ekaputtam-anurakkhe,
evampi sabbabhutesu manasam bhavaye aparimanam.

Mettanca sabbalokaṣṣuṇi manasambhavaye aparimanam
uddham adho ca tiriyanca aśambadham averam-asapattam.

Aus dem Metta-Sutta

Verse aus dem Pali-Kanon

Durch Hass fürwahr kann nimmermehr zur Ruhe bringen man den Hass,
durch Nichthass kommt der Hass zur Ruh': Das ist ein ewiges Gesetz.

Die Andern aber seh'n nicht ein, dass man sich hierin zügeln muss.
Doch wer da rechte Einsicht hat, in dem kommt aller Streit zur Ruh'.

Sieh nicht des anderen Verstösse, nicht was er tat und unterliess;
Sieh, was du selber hast getan und was du unterlassen hast.

Und seien's tausend Reden auch aus Worten ohne Sinngefügt,
besser ein einzig'sinnvoll Wort, durch das dem Hörer Frieden wird.

Ob man zu Tausenden auch da die Mannen in der Schlacht besiegt,
wer eines nur, sein Selbst besiegt, der wahrlich ist der höchste Held.

Sich selbst besiegen besser ist
als diese andern Menschen all.
Dem Mann der selbst bezähmet ist
und jederzeit gezügelt lebt.

Dhammapada Verse 5, 6, 50, 100, 103 und 104

Niemand betrüge oder verachte, weshalb auch immer, einen anderen.
Aus Ärger oder Übelwollen wünsche man keinem irgendwelches Unglück.

Wie eine Mutter mit ihrem Leben ihr einzig Kind beschützt und behütet,
so möge man zu allen Lebewesen ein unbegrenzt gütiges Gemüt erwecken.

Voll Güte zu der ganzen Welt, entfalte ohne Schranken man den Geist,
nach oben, unten und nach allen Seiten ohne Hass, ohne Feindschaft
und ohne Beschränkung.

Aus dem Metta-Sutta

Judentum

29 מזמור לְדָוִד

הָבֵנוּ לַיהוָה בְּעַלְמֵינוּ הָבֵנוּ לַיהוָה כְּבוֹד וְנָאֵם:
הָבֵנוּ לַיהוָה כְּבוֹד שְׁמוֹ הַשְׁמִיטֵנוּ לַיהוָה בְּהַדְרַת־קִדְשׁ:
קוֹל יְהוָה עַל־הַמַּיִם יַאֲלֹה־הַכְּבוֹד הַרְעִים יְהוָה עַל־טָמִים
קוֹל יְהוָה בְּצֶחַח קוֹל יְהוָה בְּתִפְפֹּרֶת: [נְרִיזִים:
קוֹל יְהוָה שֹׁכֵן אֲרָנִים תִּשְׁכַּר יְהוָה אֶת־אֶרֶץ הַלְבָּנוֹן:
בְּרִקְבֵּם כִּמְדַּעְגֵּל לִבְנוֹן וְשִׁלְחַן כֶּמֶס בְּרִיאָדִים:
קוֹל יְהוָה חֹצֵב לִהְבֹּחַ אֵשׁ:
קוֹל יְהוָה יִחַל מִדְּבַר יִחַל יְהוָה מִדְּבַר קִדְשׁ:
קוֹל יְהוָה יִחַל־לֵל אֵלֹהֵי בְּחֻשֵׁי יִשְׂרָאֵל
וּבְחִיכָלָם קָלוּ אִמֹר כְּבוֹד:
יְהוָה לִפְנֵי הַשֵּׁב וְהָשֵׁב יְהוָה מִלֵּף לַעֲוֹלָם:
יְהוָה שׁוֹ לַעֲמֵי יִתָּן יְהוָה וְיִבְרַךְ אֶת־עַמּוֹ בְּשָׁלוֹם:
ס.

Psalm von David, Gebet dem Ewigen

Söhne der Mächtigen, gebet dem Ewigen Ehre und Huldigung.
Gebet dem Ewigen die Ehre seines Namens,
bückt euch vor dem Ewigen in heiligem Schmucke.
Die Stimme des Ewigen ist über den Wassern,
der Gott der Ehre, der Ewige lässt den Donner
erdröhnen über mächtigen Wassern.
Die Stimme des Ewigen ist voll Kraft,
die Stimme des Ewigen voll Schönheit.
Die Stimme des Ewigen bricht Zedern,
der Ewige zerbricht die Zedern des Libanon.
Lässt sie hüpfen gleich einem Kalb,
Libanon und Sirjon gleich jungem Reem.
Die Stimme des Ewigen spaltet des Feuers Flammen.
Die Stimme des Ewigen macht die Wüste erbeben,
der Ewige macht die Wüste Kadesch erbeben.
Die Stimme des Ewigen macht Hindinnen
kreißen und entblättert Wälder.
In seinem Heiligtum über spricht alles Hoheit.
Der Ewige thronte über der Sintflut,
der Ewige thront als König in Ewigkeit.
Der Ewige gibt Kraft seinem Volke,
der Ewige segnet sein Volk mit Frieden.

Psalm 29

Islam

بسم الله الرحمن الرحيم
الحمد لله رب العالمين، الرحمن الرحيم، ملك يوم الدين،
إليك نعبد وإليك نستعين، اهتنا الصراط المستقيم،
صراط الذين أنعمت عليهم
غير المغضوب عليهم ولا الضالين.

Im Namen Gottes, des Allerbarmers, des Barmherzigen
Alles Lob gehört Allah, dem Herrn der Welten,
dem Allerbarmer, dem Barmherzigen,
dem Herrscher am Tag des Gerichts.
Dir allein dienen wir, und zu Dir allein flehen wir, um Hilfe.
Leite uns den geraden Weg,
den Weg derjenigen, denen Du Gnade erwiesen hast,
nicht derjenigen, die Deinen Zorn erregt haben, und nicht der Irgehenden!

Koran; Sura 1

اللهم اجعل في قلبي نورا، وفي سمعي نورا، وفي بصري نورا، وفي لساني نورا.
اللهم اجعل عن يميني نورا وعن شمالي نورا، واجعل من فوقني نورا ومن تحتي نورا، ومن
أمامي نورا ومن خلفي نورا، واجعل لي نورا.

O Gott, bringe in unsere Herzen Licht, in unsere Ohren Licht,
in unsere Augen Licht und in unsere Zungen Licht!

O Gott, bringe zu unserer Rechten Licht und zu unserer Linken Licht!

O Gott, bringe über uns Licht und unter uns Licht;
vor uns Licht und hinter uns Licht!

O Gott, bringe uns in unsere Seele Licht!

Bittgebet des Propheten Muhammad

اللهم صلى وسلم على أنبيائك ورسلك وعبادك الصالحين

O Gott, laß Deinen Frieden und Dein Heil all Deine Gesandten, Deine Propheten
und Deine rechtschaffenen Deiner erreichen!

Bittgebet des Propheten Muhammad

اللهم أنت السلام ومنك السلام فحينا لله السلام

O Gott, Du bist der Friede! Von Dir kommt der Friede.
Gib, daß wir im Frieden leben!

Bittgebet des Propheten Muhammad



Chương III

Chuẩn bị một cuộc hành trình

Thông thường thì ai trong chúng ta khi làm bất cứ một điều gì cũng phải có một chương trình, một kế hoạch hết cả. Nhất là nếu muốn cho chương trình ấy được hoàn bị. Ở đây cũng thế, chuẩn bị cho một cuộc hành hương không chỉ toàn là số người, cách đi đứng v.v... mà phải liên hệ với ai trước; nơi nào cần phải liên lạc trước và những gì cần phải làm trước, những gì cần phải làm sau v.v...

Tôi cũng chẳng phải là một người hoàn toàn chu đáo. Vì nhiều khi vẫn còn sơ hở như thường, mặc dù đã cố gắng hết mình; nhưng cũng có nhiều điều xảy ra ngoài ý muốn. Lần này thì không phải từ phía chúng tôi, mà từ phía Chính phủ Bhutan, hay nói đúng hơn là văn phòng Bộ Ngoại Giao của Bhutan có gởi cho chúng tôi một công hàm có quốc huy của chính phủ vào ngày 24 tháng 1 năm 2001, gởi đi từ vị Chánh Văn Phòng và có nội dung như sau:

*Chính Phủ Hoàng Gia Bhutan
Bộ Ngoại Giao
Gyulyong Tshokhang
Thimphu Bhutan
Ngày 5 tháng 1 năm 2001*

Kính thưa Ngài,

Tôi được hân hạnh báo tin cho Ngài biết rằng: Bệ Hạ Ashi Dorji Wangmo Wangchuck, Hoàng Hậu của xứ Bhutan đã hân hạnh nhận được thư của Ngài và được biết rằng Ngài sẽ thăm viếng Bhutan trong tương lai gần. Tôi được biết chắc rằng Hoàng Hậu Bệ Hạ sẽ gặp Ngài tại Bhutan nếu Hoàng Hậu ở tại Thimphu trong thời gian Ngài thăm viếng.

Ngài cũng thừa biết rằng Bệ Hạ hoạt động rất tích cực cho việc từ thiện cho người Bhutan và hay du hành liên tục trong quốc gia, kể cả những vùng xa xôi nhất.

Xin vui lòng cho biết để tôi có thể giúp Ngài trong chuyến viếng thăm Bhutan được dễ dàng hơn.

Xin nhận nơi đây, thưa Ngài, sự xác tín về lòng tôn kính cao nhất của tôi.

Tôn kính,

Kesang Wangdi

Chánh Văn Phòng

Kính gửi Thượng Tọa Thích Như Điển

Viện Chủ Chùa Viên Giác

Karlsruherstr. 6

30519 Hannover

Đức Quốc

Đây là văn thư chính thức từ Bộ Ngoại Giao Bhutan gửi, mà tôi cũng đã chẳng biết là trước đó tôi có gửi thư không. Vì bản chính không còn nữa. Chỉ còn những thư liên lạc sau này mà thôi. Có lẽ rằng tôi sơ ý. Hay qua một cuộc nói chuyện với các vị ở cấp cao Bộ Ngoại Giao mà tôi đã quên rồi.

Điều này phải biết rằng mình có lỗi. Khi nhận được bức thư như thế, nghĩa là tôi đã vui rồi; nhưng nếu đến Bhutan mà không gặp được Hoàng Hậu để cảm ơn Hoàng Hậu những gì đã tặng cho tôi khi đến Hannover vào tháng 7 năm 2000, mà lúc ấy tôi không có mặt thì quả là điều thiếu sót. Do đó tôi đã nhờ Thầy Hạnh Tấn viết một thư với nội dung như sau:

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Chi Bộ Đức Quốc

Chùa Viên Giác - Karlsruherstr.6 - 30519 Hannover - Đức Quốc

Tel. 0511-879630 - Fax 0511-8790963. Email: viengiactu@t-online.de

Hannover, ngày 13 tháng 2 năm 2001

Kính gửi: Bộ Ngoại Giao

Qua Bà Kesang Wangdi

Thưa Bà,

Tôi rất cảm ơn về việc đón chào nồng nhiệt về chuyến đi Bhutan của tôi từ Bộ Hạ, Hoàng Hậu của Bhutan. Tôi mong rằng sự bận rộn của Hoàng Hậu sẽ không bị ảnh hưởng đến việc tiếp đón phái đoàn của chúng tôi.

Với lá thư này tôi muốn xác định với Bà rằng chuyến thăm viếng của chúng tôi kéo dài từ ngày 23 đến ngày 30 tháng 4 năm 2001 tại Bhutan. Xin vui lòng giúp đỡ cho chúng tôi những phương tiện cũng như ăn ở tại quốc gia của Bà. P phái đoàn của chúng tôi dự định là 20 người, gồm 10 Tu sĩ Việt Nam và những đệ tử; 10 người khác là Đức và bạn bè của họ. Họ là những người đã cộng tác suốt trong thời gian EXPO 2000 với chúng tôi. Chúng tôi phải chuẩn bị hành lý như thế nào ? và quy định nào chúng tôi phải tuân giữ ?

Tôi sẽ gửi danh sách và chuyến bay trong thời gian sớm trong điều kiện có thể.

Xin cảm ơn về sự trợ giúp của Bà và hy vọng rằng chúng tôi sẽ gặp được Hoàng Hậu Bhutan cũng như Bà bên cạnh đó.

Kính chào
Thích Như Điển
Viện Chủ Chùa Viên Giác

Đó là những văn thư và lời lẽ của ngoại giao, mà sau này khi đến Bhutan mới biết là Kesang Wangdi không phải là Bà mà là Ông. Mặc dầu trước đó cũng đã hỏi Hạnh Tấn cho chắc chắn. Vì Thầy ấy đã học ở Ấn Độ lâu năm mà. Nhưng không sao. Có lẽ họ cũng sẽ lầm mình như vậy. Chẳng biết ai là bà, ai là ông nếu phía trước tên không ghi chú cho rõ ràng. Ngay cả tên của tôi nhiều người Việt Nam viết mà không bỏ dấu thì nó sẽ ra nghĩa khác. Thỉnh thoảng cũng có nhận được một bức thư, viết rất trịnh trọng; nhưng mở đầu đã kính thưa Thầy Tự Điển chứ không phải là Như Điển nữa. Rõ ràng là tên mình đã bị đặt lại lúc nào chẳng hay.

Nhưng nhiều lúc tôi cũng phải khen cho ông nhà Bưu Điện của Đức và ngay cả Úc nữa. Đã nhiều lần tôi nhận được những bức thư rất xa lạ gửi đi từ Việt Nam, từ Mỹ hay ngay cả từ Đức là Kính gửi Thầy Như Điển, hoặc chùa Viên Giác, Hannover, Đức. Chỉ như thế thôi, không tên đường, không số nhà, không số bưu điện mà thư vẫn tới. Quả thật là tài tình. Có lẽ vì Chùa Viên Giác tại Hannover thì ông Bưu điện nào mà chẳng biết.

Điều ấy thì cũng dễ hiểu thôi, nhưng có một hôm tôi càng khó hiểu hơn nữa khi nhận được một lá thư gửi từ Việt Nam, ngoài bì thư chỉ để như thế này: Kính gửi Thầy Như Điển, Australia. Thế mà cuối cùng thư vẫn đến Đức. Theo tôi nghĩ có lẽ người Việt Nam nào đó làm việc trong Bưu Điện Úc; mà khi bắt gặp tiếng Việt thì nhân viên bưu điện lại chuyển sang đây. Quả thật ngôn ngữ nó có một giá trị lạ lùng của nó và tất cả cũng chỉ là nhân duyên thôi.

Tôi đi hơi xa đề một chút; nhưng ở đây xin kể một câu chuyện vui về ngôn ngữ để hầu quý vị. Có lẽ là tôi đã đọc

được trong Quê Mẹ, hoặc Nhân Bản xuất bản tại Paris chừng 15 năm về trước. Chuyện kể rằng:

"Có một người Úc đi du lịch sang Pháp, khi đến Lyon thì bị đau bụng thình lình nên được xe cấp cứu đưa vào nhà thương. Mấy cô y tá vốn vã hỏi tiếng Pháp thì ông ta trả lời tiếng Anh. Ông nói gà, bà nói vịt, chẳng ai hiểu cả. Vì người Pháp có rất ít người chịu nói tiếng Anh và người Úc, người Anh, người Mỹ họ cũng chẳng muốn học một ngoại ngữ nào cả. Vì họ nghĩ rằng chỉ tiếng Anh là đủ rồi. Nhưng trong trường hợp này thì chẳng biết nói sao, thông dịch tiếng Anh ra tiếng Pháp lúc đó ở đâu có mà tìm. Con đau lại đến, ông ta la lên bằng tiếng Việt: Ôi! Tôi đau bụng quá! Bỗng dưng có người y tá Việt Nam đang làm bên phòng đó nghe và qua kịp thời. Thế là ông ta qua đi một cơn thập tử nhất sinh".

Đó là tiếng Việt và phải nói rằng nhờ tiếng Việt mà mạng sống được cứu ở một xứ văn minh như xứ Pháp vậy. Do vậy học một ngôn ngữ nào cũng được cả. Miễn sao sành sỏi là được rồi.

Nếu đi Trung Quốc mà không biết tiếng Trung Quốc hoặc đi Nhật mà không nói được tiếng Nhật thì chuyến đi nó mất đi ý vị hết 50%. Tôi đoán chắc điều này là đúng. Vì bao nhiêu người đã khổ sở lắm rồi. Vì chỉ dùng tiếng Anh khi đến xứ họ, mà ở đó thì họ chẳng cần dùng tiếng Anh.

Tuy thế ở phần ngoại giao ngày nay tiếng Anh rất cần thiết. Ai cũng nên và phải học tiếng Anh để giao dịch với nhau, có lợi vô cùng.

Sau đó tôi nhờ Thầy Hạnh Tấn điện thoại thẳng cho ông Đại Sứ Bhutan tại Genève thì được biết rằng ông ta đã rõ việc chúng tôi sẽ đến Bhutan, khỏi cần phải lấy Visa từ Thụy Sĩ, mà khi đến phi trường Paro ở Bhutan thì họ sẽ cấp cho. Ngoài ra việc ăn ở đã có chính phủ lo rồi. Nhưng sau đó gọi nói miệng không thấy chắc nên tôi nhờ Thầy Hạnh Tấn gửi một thư khác qua Thụy Sĩ để rõ ràng hơn; nhất là có 2 thành viên trong đoàn không đi chung cùng từ Âu Châu mà đi từ

Népal. Từ đó nếu không có sự xác nhận của chính phủ Bhutan thì hãng máy bay Druk Air sẽ không bán vé. Đúng là cái khó nó bó cái khôn là vậy.

Thư viết rằng:

Hannover, ngày 2 tháng 4 năm 2001

*Kính gửi Ông Sonam Tobgay
Đệ nhị Tham vụ, Tòa Đại Sứ Bhutan
17-19 Chemin du Champ d'Anier
CH - 1209 Genève*

Thưa Ông,

Xin cảm ơn lần gọi của Ông. Bây giờ tôi gửi cho Ông tên của những người tham dự với những chi tiết; đồng thời tôi cũng sẽ gửi một bản khác qua đường bưu điện.

Tôi hy vọng rằng Ông sẽ viết cho tôi một thư xác nhận từ Tòa Đại Sứ của Ông hoặc Bộ Ngoại Giao về việc nhận Visa đặc biệt cho 2 thành viên trong nhóm của tôi mà họ hiện tại đang ở Népal. Bởi như Ông biết rằng: vé của họ chỉ được bán khi có sự thị thực Visa.

Xin cảm ơn về lòng tốt và sự cảm thông của Ông cho việc này của chúng tôi.

Tôi đang chờ đợi sự trả lời nhanh chóng của Ông.

*Kính thư
Thích Như Điển
Viện Chủ Chùa Viên Giác*

Sau đó có gởi thêm một thư nữa cho Ông Đại Sứ về việc khó khăn không đủ chỗ đi chung khi về lại Âu Châu. Tất cả đều được trả lời lịch sự, nhã nhặn và cảm thông; nhưng sự thật thì có phần hơi khác nên phái đoàn ai cũng lo. Mà điều khác này là do chị Mỹ Anh Hanisch Pfaff phát hiện. Chị này thường hay lo giấy tờ Visa và vé máy bay cho phái đoàn chúng tôi khi đi xứ này xứ khác. Chị ấy bảo rằng cứ gọi điện thoại cho hãng hàng không Druk Air ở Bangkok cũng như Thimphu hoài mà mỗi ngày chỉ được trả lời một vài tiếng và không đầu vào đầu ra. Thà rằng họ nói ngay từ đầu là nước chúng tôi chỉ có một chiếc máy bay thôi, mà máy bay lại hết chỗ cho nên quý Ngài không có cách nào khác hết. Hoặc cho biết rằng ngoài hàng không Druk của Bhutan không có hãng hàng không nào hạ cánh nơi này cả. Cứ nói như vậy cho ai nấy được yên tâm đi. Ở đây thì hoàn toàn trống vắng cho nên ai cũng lo.

Đến ngày 5.4.2001 nhận được một thư của chính ông Đại Sứ viết, nội dung như thế này:

***Cơ Quan Đại Diện Thường Trực của Chính Phủ
Bhutan
tại Hội Quốc Liên***

*Kính gởi Thượng Tọa Thích Như Điển
Viện Chủ Chùa Viên Giác
Karlsruherstr.6
30519 Hannover*

Kính thưa Ngài,

Tôi hân hạnh báo tin cho Ngài biết rằng Hoàng Gia Bhutan sẵn sàng nghênh tiếp sự thăm viếng của Ngài và phái đoàn của Ngài gồm có Tăng, Ni, đệ tử của Ngài.

Chiếu khán cho những thành viên sẽ được cấp tại phi trường.

Ngoài ra Hoàng Gia sẽ cung cấp cho Ngài mọi phương tiện cũng như sự di chuyển trong thời gian Ngài ở tại Bhutan. Bộ Ngoại Giao sẽ can thiệp với hãng máy bay của quốc gia để xem cách nào tốt nhất và giúp Ngài về việc vé cho cả nhóm. Được biết rằng tháng 4 và tháng 5 là mùa du lịch nở rộ tại Bhutan.

Ngoài ra trong tương lai mọi sự liên lạc cho việc thăm viếng này xin vui lòng gửi đến Chánh Văn Phòng của Bộ Ngoại Giao ở Thimphu với số Fax 975-2-323056.

Tôi cầu chúc cho Ngài và phái đoàn hài lòng khi ở tại Quốc thổ của chúng tôi.

Trân trọng kính chào.

Bap Kesang

Đại Sứ Thường Trực

Bản sao gửi đến Chánh Văn Phòng Bộ Ngoại Giao tại Thimphu.

Khi ngoại giao mà nhận được một loại thư như thế quả là: được lời như cỏi tấm lòng là thế đấy. Sau khi nhận được văn thư ấy tôi rất mừng có báo cho tất cả thành viên biết; nhưng đồng thời cũng báo cho cả đoàn biết về giá vé máy bay đi về. Ai cũng thất kinh; nhưng bù vào đó ở tại Bhutan 10 ngày không tốn đồng nào cũng có phần an ủi.

Đến ngày 14 tháng 4 năm 2001 nghĩa là cách ngày đi còn có mấy ngày nữa mà cũng có 3 vị không đi. Lý do là Bác Phát bị bệnh. Cô Tuệ Đàm Nghiêm bận thi và cô Từ Khánh lý do bất khả kháng khác. Do vậy tôi đã đề nghị Hạnh Định nên đi, để làm thị giả cho tôi cũng như giúp đoàn quay phim và chụp hình. Cuối cùng thì Chú được đi ngoài dự định của Chú.

Ở Đời hay Đạo gì cũng thế có những cái xảy ra rất bất ngờ mà ai cũng không hay được. Lúc ấy ta chỉ nói hên quá, may quá v.v... nhưng kết quả bất ngờ đó là do bao nhiêu sự bất ngờ khác đã huân tập lâu rồi, bây giờ mới thành tựu như vậy đó.

Đây là những nguyên nhân xa và gần để rồi cuối cùng phái đoàn chúng tôi cũng đã đến Bhutan vào ngày 24 tháng 4 từ Bangkok. Riêng việc thăm chùa Việt Nam tại Bangkok thì tôi đã có dịp viết trong báo Viên Giác số 123 tháng 6 năm 2001 với tiêu đề là "Mây Trắng Chập **Chùng**". ***Quý độc giả xem sẽ hiểu thêm. Nơi quyển sách này*** chỉ dành riêng viết về Bhutan; cho nên tôi không lặp lại những gì xảy ra tại Thái Lan nữa.

Chương IV

Bhutan có gì lạ ?

Thật sự ra thì mỗi xứ trên quả địa cầu này đều có cái hay cái lạ riêng cả; nhưng ở mỗi nơi lại có những phong tục tập quán khác nhau. Do vậy mà đặc trưng của nền văn hóa xứ đó mới sáng giá và đáng chú ý. Nếu nước nào cũng giống nước nào thì hóa ra nền văn hóa ở đó đã bị đồng hóa rồi.

Tôi đã có cơ may hay nói đúng hơn là có nhiều nhân duyên để đi nhiều nơi và đến nhiều chỗ trên thế giới. Có lẽ cũng không dưới 60 quốc gia, mà mỗi nơi như thế đều có một sắc thái riêng của mình. Rồi đây những ngày còn lại trong đời tôi sẽ có cơ hội làm quen với nhiều miền đất mới lạ hơn nữa. Nhiều người không thích đi thì bảo rằng ở đâu nó cũng giống nhau hết: điều ấy hẳn không sai nhưng không hoàn toàn đúng. Vì lẽ ngày nay hơn 6 tỷ người hiện diện trên quả địa cầu này rồi; nhưng chỉ tay của mỗi người mỗi khác, không ai giống ai cả. Cho nên đi và đến một nơi nào đó rất cần **thiết vậy**.

Người Phật Tử thì 2 nơi phải và nên đi, đầu tiên là Ấn Độ và Trung Quốc. Chúng ta về Ấn Độ là về lại quê xưa; nơi của chư Phật đã bao đời thị hiện. Về Trung Quốc là về lại với chôn Tổ với bao cảnh giới đã phong sương cùng tuế nguyệt. Về với Việt Nam hay với nội tâm của mình là về với bản lai diện mục của chính mình. Ở đời có nhiều chuyện đi có ý nghĩa; nhưng đồng thời cũng có những chuyện đi rất vô vị; nhưng cũng đã có lắm kẻ đã tốn biết bao nhiêu tiền bạc và công sức dùng phung phí vào những trận cười thâu đêm suốt sáng hay sát phạt nhau trên những sàn bạc, để rồi kết quả là gì, chắc ai trong chúng ta cũng đều rõ. Thế mà cũng đã có lắm người theo. Thật cuộc đời có rất nhiều đáp số. Mỗi một bài toán như thế đúng sai là tùy người đối diện vậy.

Người ta còn lại nơi tâm cũng rất nhiều mà đánh mất đi bản chất vốn thanh tịnh của mình cũng không phải là ít, để đổi lấy một cái gì đó được gọi là ảo ảnh của cuộc đời; nhưng kết quả đó vẫn còn làm cho nhiều kẻ đắm say. Chung quy lại thì cũng danh, lợi, tiền, tài, địa vị, v.v... Thế nhưng Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 cũng đã nói rằng: "*Chúng tôi đã mất tất cả; nhưng không lẽ sự an lạc của nội tâm chúng tôi cũng làm cho mất sao?*". Điều ấy chứng tỏ rằng: Cái gì người khác cũng có thể lấy được; nhưng sự an nhiên tự tại qua việc tu học và hành hạnh giải thoát thì chắc chắn rằng không ai có thể tước đoạt của mình được cả.

Tôi phải diễn tả như thế nào cho quý vị hiểu về tâm trạng của một người Phật Tử đến được dưới gốc cây Bồ Đề nơi Đức Phật thành đạo, để rồi cảm động khóc sụt mướt như một trẻ thơ bên mẹ hiền. Vì lâu ngày xa quê và xa gia đình, mới về lại bên người thân. Điều ấy chính quý vị mới cảm nhận và thể hiện được. Còn diễn tả qua phim hay lời nói, chỉ là những hình thức bề ngoài mà thôi. Cũng như thế đó, bạn nhìn một mâm cơm bảo rằng ngon quá; nhưng nếu không bắt đầu cầm đũa và gấp thức ăn cho vào miệng thì cảm giác của sự ngon, sự dở, chua, cay, ngọt, mặn như thế nào khó mà hình dung được. Tôi không phải quảng cáo về các chuyến hành hương, mà đó là sự thật. Người nào có đi, hẳn có đến. Nếu không lên xe thì làm sao biết được xe sẽ ngừng và đỗ ở bến nào? Đây là chuyến xe khứ hồi của Ta Bà và Tịnh Độ, xin mời các hành giả chuẩn bị sẵn sàng hành trang để bước lên chuyến xe phương tiện mà nhàn du về cảnh giới an lành vậy.

Máy bay Druk Air cất cánh tại phi trường Bangkok vào lúc 7 giờ 50 sáng ngày 24 tháng 4 năm 2001. Sau 2 tiếng đồng hồ bay thì đáp xuống phi trường Calcutta của Ấn Độ để cho xuống và nhận thêm hành khách lên. Đến 11 giờ 25 thì máy bay hạ cánh tại phi trường Paro của Bhutan. Chiếc máy bay này là một loại máy bay phản lực của Anh chế. Trông rất

lịch sự; nhưng chỉ có chừng 60 chỗ ngồi. Hôm ấy tất cả máy bay đều chật chỗ. Khi đến phi trường rồi chúng tôi mới biết rằng phi đạo rất ngắn và chỉ có một đường bay thôi. Sau khi hạ cánh máy bay giảm tốc độ và đến cuối phi đạo thì quay đầu để chạy lại bên đầu.

Tuy nhiên cảnh trí và phòng ốc ở phi trường rất lịch sự. Phái đoàn chúng tôi vào đến cửa thì gặp anh Kunzang và một vài vị đại diện cho Bộ Ngoại Giao có mặt tại đó. Có cả Thầy Gap Tshering, người đã có mặt tại Hannover trong thời gian 6 tháng Expo của năm 2000 nữa. Sau khi chờ một vài giây thì anh Kunzang bảo rằng nên theo anh ta lên phòng VIP để chờ đợi và đưa giấy tờ lãnh hành lý cũng như Passport để cho anh ta lo Visa nhập cảnh.

Trong thời gian ấy thì mọi người nghỉ ngơi và ăn bánh mì Sanwisch, uống trà bơ của Bhutan để lót dạ. Vì được biết rằng đường đi từ phi trường về thủ đô Thimphu không xa lắm, chỉ 50 cây số thôi; nhưng là đường đèo. Vì vậy phải cần ít nhất là 2 tiếng đồng hồ. Sau một hồi chờ đợi thì anh Kunzang mang tất cả 17 cái Passport lại với giấy nhập nội không phải đóng tiền lệ phí. Khi thấy như vậy thì Hạnh Hảo và Jen phân bì. Vì hai người này đến Bhutan cách 2 ngày trước đây từ Kathmandu phải đóng mỗi người 20 US\$ cho việc này.



Phái đoàn ngồi tại phòng VIP tại phi trường Paro. Thầy Gap Tshering và anh Kunzang đón tiếp phái đoàn.

Bước ra khỏi phòng lạnh thì bầu trời thật nóng bức. Không khí ở đó hơi khô, vì khí hậu miền núi. Nước ít mà cát nhiều. Chung quanh đây chỉ có những cây thông là vì vút gió suốt thời gian xuân hạ thu đông mà thôi. Ngoài ra ít thấy loại cây nào đặc biệt. Tôi nhìn thấy 2 xe đến đón. Một xe Bus chở lãnh lý và một xe của Bộ Ngoại Giao hạng sang của Nhật, cò cuốn lại. Trong xe có tôi, Thượng Tọa Thích Quảng Bình và Thầy Thông Trí. Số người còn lại thì lên xe Bus. Tại Bhutan cũng chạy xe bên tay trái như Ấn Độ vậy; nên nhiều khi tôi lầm, chạy qua bên phía ghế của tài xế để ngồi.

Ngồi trong xe tôi suy nghĩ, ông cụ Uyên Như Nguyễn Trọng Thắm ở Canada nói trong lá sớ Tử Vi có lẽ đúng đấy. Ông cụ bảo rằng sau này tôi sẽ là một vị quan trọng Phật Giáo; nhưng khi đi lọng không bung ra mà lại được lọng cúp che. Lọng cúp cũng có nghĩa là cò cuốn lại đó. Không phơi bày một địa vị lộ liễu của một người tu như tôi thì phải? Ông cụ lâu nay không có tin, vì đã mấy năm rồi tôi không đi Canada. Có lẽ ông cụ cũng già lắm. Đã 90 tuổi rồi còn gì? Trong cuộc đời 90 tuổi đó, ông cụ ăn chay trường đã 70 năm. Lúc trẻ làm thầy khoán. Lúc già đọc kinh Kim Cương và truy tầm Phật điển. Ông cụ giống như một Ông Tiên, sống an

phận một mình; không cháu con hay người hầu kẻ hạ. Tuy cũng là quyền cao tước trọng và gia thế một thời. Mấy năm trước đây mỗi lần tôi qua Canada ông cụ thường hay điện thoại đến chùa Quan Âm hỏi thăm tôi còn ở Canada bao lâu và mời lại thăm chơi.

Anh Bàng, pháp danh Thị Pháp, người đệ tử tại gia của tôi, trước năm 75 có dạy tại Đại Học Phú Thọ - Sài Gòn, và sau này hỗ trợ chùa Quan Âm tại Canada một cách rất đặc lực, thường hay chở tôi đi đến chỗ Cụ, mỗi lần tôi đến Canada như thế. Có lúc thì anh ta cùng ghé thăm. Có lúc thì anh để tôi ngồi đó nói chuyện say sưa với Cụ cả mấy tiếng đồng hồ để anh ta đi công chuyện; sau khi xong việc lại ghé đón về chùa; hoặc đi ăn cơm chay ở một nhà hàng chay nào đó.

Kể ra thì ở đời hay đạo gì cũng thế. Cái gì nó cũng có nhân duyên cả. Có duyên thì hợp, không duyên thì tan. Vậy thôi! Có kẻ gặp nhau với những tia quang phổ giao thoa; nên thông cảm hiểu biết nhau nhiều hơn; nhưng những người không có nhân duyên thì không được vậy. Phật ngày xưa cũng thế, hướng là chúng sanh như chúng ta ngày nay. Ông Cụ cách tôi 40 tuổi mà nói chuyện vẫn hợp như thường. Thông thường thì ông hay rót trà đặc biệt đãi khách và đem chuyện đời xưa, văn thơ, chữ nghĩa trong nhà Phật ra nói. Nhiều lúc cụ bảo rằng Kinh Lăng Nghiêm cụ đọc 5 phút là xong. Tôi ái ngại không hỏi lại. Vì nhiều lẽ khác nhau. Nhưng nhiều khi nể cụ nên im lặng. Vì như tôi, cho đến nay tụng Lăng Nghiêm gần 40 năm mỗi sáng. Có bao giờ toàn thời kinh mai dưới 1 tiếng đồng hồ đâu. Có lẽ cụ nói mấy câu chú chẳng? Nhưng cho đến nay tôi vẫn chưa hỏi cụ.

Ngồi trên xe như thế, tôi dõi mắt nhìn hai bên lề đường, trâu bò qua lại thông thả, đường như vô tư lự. Chuyện xảy ra chung quanh chẳng đáng quan tâm là mấy. Những luống khoai lang chạy dọc theo hai bên đường, trông theo mà nó tròn con mắt. Xa xa là một dòng sông uốn khúc, nước lững lờ trôi. Đâu đó một vài thửa ruộng, mạ xanh mơn mơn. Có chỗ

thì người ta trồng lúa mì, lúa mạch. Có nơi thì trồng ớt, trồng đậu; nhác trông như một tấm thảm xanh trải dài đến tận chân núi.

Đi qua lại nhiều vòng trên nhiều triền núi như thế; cuối cùng rồi phái đoàn chúng tôi cũng đã đến khách sạn Jumolhari tại thủ đô Thimphu. Đây là một khách sạn trung bình, không có sao. Hay nói đúng hơn là nhà khách của chính phủ để đón tiếp những nhà ngoại giao cỡ trung. Tất cả nhân viên phục dịch đều biết nói tiếng Anh. Điều làm tôi đáng chú ý là đàn bà thì khuôn vác vali nặng nề; trong khi đó đàn ông làm những việc nhẹ khác. Không biết xã hội như thế có bất công không; chứ dường như ở đây họ xem như thế là một sự bình thường.

Khi đến khách sạn chúng tôi được ông Bộ Trưởng Văn Hóa và ông Chánh Văn Phòng của Bộ Ngoại Giao tiếp đón. Quốc phục của đàn ông là một áo dài hơi ngắn; chỉ xuống quá đầu gối thôi. Còn đàn bà là một áo dài thật dài, tận đến mắt cá vậy. Ông Chánh Văn Phòng hỏi chuyện với tôi và xem ai là Thư Ký. Lúc ấy tôi không trả lời, mà đưa mắt về Hạnh Hảo và Thầy ấy hiểu ý.

Bình thường ở chùa thì tôi có nhiều thị giả và nhiều thư ký khác nhau. Một thị giả lo chuyện bên trong phòng như giặt giũ, hút bụi. Một thị giả ra đi bên ngoài khi tiếp xúc với người Việt. Một thị giả ra đi bên ngoài khi tiếp xúc với người Đức và người ngoại quốc. Thư ký thì có thư ký tiếng Việt, thư ký tiếng Đức, Anh và thư ký các ngôn ngữ khác. Nhưng hôm đó thì chỉ có Chú Hạnh Định theo làm thị giả, còn thiếu thư ký tiếng Anh; nên Hạnh Hảo đã đảm trách việc ấy.

Hạnh Hảo tiếng Anh rất sành sỏi. Vì là người Đức và đã tốt nghiệp Cao Học tại Đức nữa; nên điều ấy cũng dễ hiểu thôi. Còn tiếng Trung Quốc Phổ Thông thì nói rất chính. Còn tiếng Việt, khi người mình nói tiếng lóng Thầy ấy cũng hiểu như thường. Gặp người Quảng Nam thì nhại theo giọng Quảng. Gặp người Huế thì nhại theo tiếng Huế. Kể cả những tiếng khó nhất Thầy ấy cũng có thể qua cầu được. Chỉ hơi tiếc là phát âm không chính lắm mà thôi. Tương lai thì chưa

biết thế nào? Có lẽ về Việt Nam một thời gian để tu học.
Hoặc giả ra làm việc Phật sự; chắc sẽ được nhiều người Việt
Nam và người Đức hỗ trợ.



Cùng với ông Bộ Trưởng Văn Hóa tại khách sạn Jumolhari.

Ông Chánh Văn Phòng Bộ Ngoại Giao trao cho tôi
cũng như phái đoàn mỗi người một tờ chương trình cho
những ngày ở lại Bhutan như sau:

Ngày thứ ba : 24 tháng 4

- 11:25 - Đến phi trường quốc tế Paro
- Được đón tiếp bởi người đứng đầu Viện Bảo
Tàng Nhân Dân
- 11:45 - Rời Paro về Thimphu
- Đến khách sạn Jumolhari
- Dùng cơm
- 16:00 - Tiếp kiến Bộ Ngoại Giao
- 17:00 - Tiếp kiến những vị Bộ Trưởng lo về vấn đề
EXPO thế giới năm 2000

09:30 - Tiếp kiến vị Bộ Trưởng của Bộ Văn Hóa
10:30 -Thăm viếng Tu viện Phật Giáo Dechenphodang
11:30 - Thăm viếng Thư Viện Quốc Gia
- Dừng trưa
14:00 - Thăm viếng Viện Zorig Chusum nơi làm thủ công
nghệ
15:00 - Thăm viếng Học viện Y khoa truyền thống
16:00 - Di Cên kiwon với Hoàng Hậu BQE Hã Ashi Dorji
mo Wangchuck
19:00 - Chiều Cãi bái Bq Trưang lo vS EXPO 2000

09:00 - Di chuyển đi Donena
- Thăm viếng Tu viện Tango
- Cơm trưa ngoài trời tại Donena
- Thăm Tu viện Cheri
19:00 - Đêm văn hóa với cơm tối

Buổi sáng:

- Thăm Tashichhodzong nơi có nhục thân Bồ Tát
- Cơm trưa

- Đi Punakha
- Tiếp kiến với Dasho Dzungda
- Tiếp kiến với Drabi Lopen
- Thăm Punakha Dzong
- Đến khách sạn Pelri

08:00	- Đến Nyinzer gang
	- Thăm vị Khamsum Yuley Namgyel Chorten
	- Tiếp kiến vị Dorji Lopen
12:30	- Ăn trưa tại Dasho Dzongda
14:00	- Về Paro
	- Đến khách sạn Olathang

Ngày chủ nhật : 29 tháng 4

09:00 - Thăm Viện Bảo Tàng Quốc Gia

- Thăm Rinpong Dzong

- Thăm Kyichu Lhakhang

- Cơm trưa

14:00 - Di chuyển ra phi trường

16:50 - Đi Bangkok

- Tiễn đưa bởi người đứng đầu Viện Bảo Tàng Nhân Dân

Sau đó là danh sách của những người trong phái đoàn cùng đi chung với tôi. Một chương trình như thế thật không có nhiều so với những chuyến hành hương khác; nhưng đây là một chuyến hành hương ngoại giao nên khác hơn những nơi khác rất nhiều. Đầu óc tôi lúc nào cũng mệt. Một phần phải lo cho phái đoàn, mặc dầu đã có Hạnh Hảo, Hạnh Định, Thầy Thông Trí lo giúp. Về ăn giặm thêm thì đã có Sư Bà Bảo Quang, Ni Sư Diệu Phước và Sư Cô Tâm Viên lo; nhưng với tôi còn phải sửa soạn ngôn ngữ ngoại giao làm sao cho thích hợp của mọi hoàn cảnh nữa. Như gặp ở Bộ Ngoại Giao thì phải nói những gì. Gặp Hoàng Hậu thì phải làm sao? Khi gặp những chính khách; những chính trị gia thì phải tiếp đãi như thế nào v.v... và v.v... thôi thì mọi thứ. Vì từ xưa đến nay tôi chưa làm như thế bao giờ. Đây đúng là một chuyến ngoại giao lịch sử của một người tu xuất thân từ chốn nông thôn của tôi. Ngôn ngữ tôi nói được, vốn không hay; nhưng được một cái là gồm nhiều ngôn ngữ như: Pháp, Anh, Đức, Nhật, Quan Thoại, Việt Nam và một ít tiếng Nga nên cũng không khó khăn lắm khi giao tế; nhưng đây là ngôn ngữ ngoại giao mà. Con dao hai lưỡi đây !

Sau khi đã tắm rửa, nghỉ ngơi tại khách sạn, phái đoàn chúng tôi lên xe để đi đến Bộ Ngoại Giao. Đầu tiên gặp ông Chánh Văn Phòng đón từ ngoài sân với quốc phục và gươm báu đeo bên mình. Sau đó vào bên trong Bộ, được ông Thứ Trưởng Bộ Ngoại Giao tiếp kiến và trao quà lưu niệm và

chụp hình. Ông ta người nhỏ thó, xinh xắn và rất mềm mỏng dịu dàng trong lời nói ngoại giao.



Trao quà lưu niệm cho ông Thứ Trưởng Bộ Ngoại Giao.

Nhìn lên tường, chúng tôi thấy có treo một tấm Thangkha rất lớn, có vẽ nhiều hình của ông Shabdrung Rimpochi tức Ngawang Namgyal (1594-1651), người có công thống nhất Bhutan và lấy Bhutan lại từ người Tây Tạng. Đi đâu hầu hết tại xứ này cũng đều thấy hình ấy. Sau đó có nhân viên của Bộ mang trà sữa ra đãi

Uống trà Bhutan tại Bộ Ngoại Giao.

Nhìn cách phục sức của người Bhutan chúng ta càng thấy được sự ảnh hưởng của Phật Giáo Tây Tạng và Ấn Độ đối với người dân không ít. Vì lẽ ngoài bộ quốc phục ra rồi; trên người họ còn giắt thêm một mảnh vải nữa, giống hệt như chiếc y chur Tăng vậy. Có điều y của chur Tăng màu vàng hoặc nâu. Còn y của Cur Sĩa thì đủ mọi màu. Đa phần người Bhutan ngồi trên ghế, chứ không ngồi trên chiếu như người Nhật hoặc Đại Hàn; nhưng bàn của họ không giống như bàn của Á Châu, Âu Châu và Việt Nam. Vì lẽ cái bàn để thức ăn và nước uống nó tựa tựa như một cái bàn kính vậy. Phía trước có áng che và phía sau có chỗ để chân vào.

Ông Thứ Trưởng cho biết là ông Bộ Trưởng Ngoại Giao đang ở Hòa Lan; nên không thể tiếp đón phái đoàn được, mà ông này tôi đã gặp tại Hannover vào ngày 1 tháng 6 năm 2000 vừa qua. Nếu gặp lại lần thứ 2, chắc là quen thuộc hơn. Ông Thứ Trưởng nói về mọi đề tài và sau đó tôi cũng đã đáp lễ bằng tiếng Anh cũng như ông Thiền Sư Reiho người Đức tu theo Thiên Phật Giáo Nhật Bản nói thêm một số ý chính để cảm ơn Bộ Ngoại Giao của Bhutan đã lo cho phái đoàn một cách chu đáo trước, trong cũng như sau chuyến đi này.

Sau đó ông Thứ Trưởng hướng dẫn chúng tôi đến Quốc Hội; nơi các Dân Biểu thường hay hội họp.



Quốc Hội Bhutan.

Những máy hình và máy quay phim thì nhau chụp đủ kiểu; nhưng sau này mới biết là có những nơi du khách không được phép như vậy. Nhìn lên phía trước của Quốc Hội ở giữa là Ngai vàng; nơi ngự trị của Nhà Vua; tượng trưng cho thể quyền. Phía bên tay trái của Nhà Vua, cao hơn là nơi thờ Phật và phía tay phải của Vua thờ vị Shabdrung Rimpoche, người có công thống nhất đất nước Bhutan vào đầu thế kỷ thứ 17. Phía trước mặt Vua là diễn đàn của các Dân Biểu và phía dưới là 154 ghế xây theo lối hình tròn, đại diện ở đây là các vị Dân Biểu do địa phương hoặc Vua chọn lựa nên. Như thế đủ biết rằng đây là một Quốc Gia Phật Giáo theo chế độ quân chủ; nhưng cũng rập khuôn theo cách tổ chức của Thụy Sĩ là một nước dân chủ nhất nhì của Âu Châu.

Sau đó ông Thứ Trưởng Bộ Ngoại Giao cùng với ông Chánh Văn Phòng đưa chúng tôi ra xe để đi đến thăm ông Chủ Tịch Bộ Trưởng về việc triển lãm EXPO năm 2000. Đến đây thì tôi đã gặp lại ông Bộ Trưởng này. Vì lẽ trước đó ông ta có đến chùa Viên Giác chừng 2 lần để lo cho việc EXPO



Chụp chung hình với ông Thủ Tướng Bhutan và anh Kunzang.

Lại uống trà bơ của Bhutan nên mọi người đã bắt đầu chỗi từ một cách lịch sự. Sau những lời xã giao qua lại giữa hai bên để cảm ơn nhau về cuộc Hội Ngộ cũng như giúp đỡ cho nhân viên Bhutan ở lại Chùa Viên Giác Hannover trong khi xây dựng chùa Bhutan suốt 7 tháng trường và ngược lại tôi cũng như Thiền Sư Reiho cũng đã cảm ơn ông Chủ Tịch Bộ Trưởng về cách thức tổ chức để nghênh đón phái đoàn của chúng tôi một cách vô cùng trọng thể như thế.

Chừng nửa tiếng đồng hồ sau thì ông Thủ Tướng cùng với phái đoàn ra phía trước Hoàng Cung để chụp chung một tấm hình lưu niệm.

Hình này cũng sẽ là hình bìa của quyển sách này. Vì tất cả những người tham dự đều có mặt. Sau đó một mình tôi ra chụp một tấm hình mà phía sau là Hoàng Cung với mây trắng, còn con sông lớn uốn khúc chảy quanh qua bao bọc cung điện này. (xem hình trang 97)

Từ xa nhìn về Hoàng Cung với mây trắng chập chùng.

Đây có thể nói là một ngày đẹp trời và tối đó chúng tôi về lại khách sạn dùng cơm cũng như ngồi lại bên nhau để bàn thảo về chương trình của những ngày sắp tới và để chuẩn bị cho một ngày trọng đại của ngày mai. Đó là việc tiếp kiến Hoàng Hậu của Bhutan.

Chương V

Nụ cười hoàng hậu

Chương này vẫn còn tiếp tục với Chương Bốn; nhưng tôi cố ý cách ly ra như vậy để thấy rằng phái đoàn của chúng tôi hôm nay ngày thứ tư 25.4.2001 có một số công việc trọng đại vậy; nhưng trước khi đi thăm Hoàng Hậu vào buổi chiều, sáng hôm ấy chúng tôi có một số chương trình cần phải thăm viếng như sau:

Vào lúc 9 giờ 30 sáng ngày 25.4 phái đoàn của chúng tôi đã đến Văn phòng của ông Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa. Ông ta tên là Sangay Wangchug. Địa chỉ Post Box Nr. 233 Thimphu, Bhutan. Tel. 02/322001 - 325116 - 322694 - Fax: 00975 - 2 - 323040. Ông ta lo về vấn đề văn hóa. Tuy nhiên trong tương lai nếu có ai đó muốn đi Bhutan đều phải qua ông này và không phải qua Bộ Ngoại Giao Bhutan nữa.

Hôm ấy Thầy Kinga T. Dorji cũng có mặt nữa. Thầy này cũng là một trong hai Thầy đã ở tại Hannover trong vòng thời gian 6 tháng; nên đã biết chúng tôi. Khi gặp thì ai cũng vui mừng.

Tại văn phòng của ông Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa.

Mới đầu thì ông Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa nói tiếng Bhutan, rất đúng phép xã giao và rất lịch sự. Đoạn để cho một trong hai Thầy Bhutan dịch ra tiếng Anh. Hai Thầy này cũng đã cùng với ông ta đi sang Hà Nội vào năm 1994; nên quý Thầy ấy cũng biết ít nhiều về Việt Nam trước khi đến Đức.

Được biết ông ta là một học giả tiếng Pali và nhiều ngôn ngữ khác tại Á Châu cũng như Anh văn. Sau một hồi thông dịch thì ông lại tự nói tiếng Anh một cách lưu loát. Ông ta đã du học tại Tích Lan và ông rất rành về Phật Giáo. Nghe đâu ông ta cũng là một Tu Sĩ và không tu tiếp tục được nữa; nên đã ra đời. Tương người cao ráo, lịch thiệp và rất hiểu về người ngoại quốc.

Cung Văn Hóa của ông nằm trong cung điện của nhà Vua, có lính gác hầu hai bên cửa vào và cũng là nơi làm việc của chư Tăng nữa. Như phần tổng quát chúng ta thấy các Hội Đồng Cổ Ván Hoàng Gia và các Bộ đều có sự hiện diện của Tăng Sĩ. Do vậy nơi cung điện này được chia ra 3 phần chính:

- Phần ở ngoài có chánh điện trang nghiêm, là nơi để cho Vua, Hội Đồng Bộ Trưởng và chư Tăng lễ Phật trước khi hội họp.

- Phía bên phải là văn phòng của chư Tăng.

- Phía bên trái từ ngoài nhìn vào là nơi làm việc của các Bộ.

Cả hai bên khi vào cổng đều có lính hầu và được kiểm soát rất chặt chẽ. Ví dụ như tất cả mọi người ra vào đều bị kiểm soát qua tia quang tuyến như các máy rà tại phi trường vậy. Nơi đây cũng không được chụp hình hoặc quay phim. Nếu có, chỉ ở phía bên ngoài, chứ bên trong thì tuyệt đối. Xe ngoại giao chở chúng tôi đi thẳng vào cửa chính, đỡ tốn công đi bộ và vì thế cho nên có nhiều người để ý, hình thức thì giống như một Tăng Sĩ; nhưng thực tế là một Tu Sĩ ở cấp bậc ngoại giao. Bởi vậy có lúc những người Đức đi cùng gọi tôi là Minister Ehrwürdiger cũng có nghĩa tương đương như vậy. Đây chỉ là ngôn ngữ ngoại giao mà. Sau khi dùng trà sữa Bhutan thì chúng tôi được ông Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa tiễn biệt ra cổng và sau đó chạy xe đến thăm Tu viện Dechenphodrang ở gần đó.

Tu viện đã được xây dựng tại Thimphu cách đây 350 năm, nên rất cũ kỹ. Trong hiện tại tại Tu viện này có 350 vị Tăng Sinh. Họ học từ Sơ cấp đến Trung cấp. Lên Trung cấp thì học nhiều môn học khác nhau như: Thiên văn học; Kinh tạng; Luật tạng và Luận tạng. Còn những lớp nhỏ bên dưới học lễ nhạc cũng như học Anh văn, tiếng Tây Tạng và tiếng Bhutan.

Thăm và cúng dường cũng như tặng quà cho Tu Viện

Các Chú Tiểu đang học Lễ nhạc Phật Giáo.

Đa phần ngôi học không có bàn ghế và có môn học không có bảng đen để viết, mà mỗi Chú Tiểu như thế có một tấm bảng nhỏ, chỉ lớn hơn quyển tập, đồ cát có pha màu đen vào đó. Sau khi lấy cọ vẽ chữ rồi, lại xóa đi và viết tiếp

những dòng chữ khác. Trông rất tội nghiệp và khổ hạnh. Vì thế Sư Bà Diệu Tâm có đặt câu hỏi là: Tại sao không ngồi trên bàn mà ngồi dưới đất vậy cho cong lưng? Thì được trả lời rằng: Chính những Chú Tiểu này phải vượt qua những cám dỗ về tiện nghi đó và đây chỉ là những thử thách nhỏ ban đầu của một người tu trên đoạn đường sanh tử ấy.

Lớp Trung đang học về Luận học.

Phòng học cũng là phòng ngủ và đôi khi cũng làm cả phòng ăn luôn. Do đó vấn đề vệ sinh tại nơi đây phải nói rằng không được khả quan lắm. Hầu như các Tu Viện hoặc Phật Học Viện lớn tại Việt Nam ngày xưa cũng như thế; nhưng ít ra mỗi người cũng có một cái đơn, tức là chiếc giường nhỏ vừa đủ nằm; nhưng ở đây thì hầu như không có. Trông các Chú Tiểu rất hồn nhiên và như thế tôi đã nhớ về thời quá khứ xa xưa gần 40 năm về trước khi còn hành điệu ở Chùa Phước Lâm và Viên Giác tại Hội An có lẽ cũng chỉ đỡ hơn chút xíu thôi.

Một lớp học khác

Phái đoàn cũng đã mang theo kẹo và Chocolat từ Đức; cho nên ở đây có cơ hội để phát cho mỗi Chú Tiểu một cây. Chú nào cũng cười và giơ hai tay ra đón nhận. Biết đâu trong những người ấy sẽ có người là những bậc Đại Sư danh tiếng trong tương lai, sẽ phổ độ quần sanh; cho nên mọi người đã cúng dường một cách rất trịnh trọng và không phân biệt người nào cả.

Tôi nhớ lại ngày xưa khi còn hành điệu tại Chùa Tổ Phước Lâm ở Hội An cũng cực không ít. Nguyên Phước Lâm là một đồi cát mà trong chùa thì trồng rất nhiều cây cảnh và rau quả để dùng. Do vậy các Chú Tiểu chúng tôi mỗi ngày phải gánh nước tưới cây 2 lần như thế. Mỗi lần đổ nước xuống, chỉ thấy một cái vèo thôi, nước thấm đi đâu hết. Còn phân thì cũng chẳng có. Do vậy cây cối lên không xanh mượt như những vùng đất màu mỡ khác.

Để tạo kinh tế tự túc cho chùa, Thượng Tọa Thích Như Vạn, tức Bốn Sư của Thầy Hạnh Tuấn ở Mỹ, đã có một nhà làm nhang để phát hành. Mỗi một tuần như vậy mỗi một Chú Tiểu như chúng tôi phải làm 10.000 cây nhang như thế. Ai muốn làm lúc nào cũng được, miễn đủ 10.000 cây nhang thì

thôi. Thuở ấy Chú Hạnh Thu làm Chúng Trưởng, Chú Hạnh Đức, mà bây giờ là Thượng Tọa Thích Hạnh Đức trụ trì Chùa Sơn Linh ở Bà Rịa đó, là những người phác họa chương trình cho học chúng chúng tôi. Chùa Tổ Phước Lâm tại Hội An trùng tu vào năm 1964, thuở ấy tôi mới vào xuất gia, tâm hồn còn rất thơ ngây trong trắng ở lứa tuổi 14 tuổi rưỡi như thế, cho nên mọi việc cực nhọc rồi cũng qua đi. Đến năm sau thì tôi lại về Chùa Viên Giác.

Khi còn ở Chùa Phước Lâm, trong khi còn làm chùa, học chúng chúng tôi kéo xe bò lên Cẩm Hà để chở gạch và cát về làm chùa. Suốt đoạn đường đi thôi thì hò hát vui nhộn; nhất là những đêm có trăng. Cũng có nhiều người làm công quả và sau này xuất gia như chú Quảng tức Thượng Tọa Thích Hạnh Thiền ngày nay đang làm chánh đại diện Hội An; chú Huân tức Thượng Tọa Thích Thị Tập, hình như là Hạnh... gì đó tôi quên đi rồi. Vì những vị này xuất gia sau tôi và sau này ít còn liên lạc nữa.

Ngày ấy sao mà vui quá; bây giờ hình ảnh tuổi thơ cứ còn lớn vồn trong đầu óc của mình khi có một dịp nào đó thì nó hiện lên liền; nhất là lúc này đây đang thăm Tu Viện Phật Giáo tại Bhutan này. Thế rồi ngày lại tháng qua gần 40 cái mùa xuân thu mưa nắng như thế; riêng tôi thì đã ở ngoại quốc đã vào năm thứ 30 rồi; hồi ấy anh em học chúng rất đông, mấy chục vị. Bây giờ chỉ còn lại bốn năm người cùng trang lứa mà thôi. Quả là đời tu như bông xoài trúng cá là thực tế.

Từ năm 1966 đến 1968 tôi làm điệu tại Viên Giác - Hội An. Thuở ấy Viên Giác chỉ có Sư Phụ và 3 chú Tiểu với tôi là bốn. Sau này có một bà tịnh hạnh nhân nữa làm công quả. Như vậy chùa cũng không có gì là đông; nhưng mỗi tháng 4 lần như thế; tôi và chú Ngô phải xay đậu hủ; sau đó là "boòng" đậu hủ và nấu đậu hủ cũng như ép đậu hủ để cho vị tịnh hạnh nhân này đem ra chợ Hội An bán lấy tiền mua tương chao cho chùa. Đó cũng là một kế hoạch kinh tế tự túc nhỏ của Thầy tôi.

Cối đá càng nặng bao nhiêu, tôi càng phải trườn theo độ nhảy của nước và đậu khi chú Ngô cho đậu vào miệng cối. Nhiều lúc thân tôi phải trải dài lên cần xay như thế để tạo lực cân bằng. Sau này tôi chưa có dịp về lại Viên Giác; nhưng Sư Phụ tôi trước khi viên tịch, Người có bảo rằng hãy giữ cái cối đá ấy để sau này tôi có về lại nước, thấy đó mà hồi tưởng lại kỷ niệm của những ngày làm đậu của thuở còn học trò.

Nhiều người thấy bàn tay tôi dài và thân hình tôi cao lớn hỏi tôi tại sao ăn chay mà được như vậy? Tôi bảo rằng: Đó là nhờ gánh nước tưới cây tại chùa Phước Lâm và xay đậu làm đậu hũ ở chùa Viên Giác tại Hội An đấy! Ai cũng nhăn mặt cười và có lẽ họ không tin tôi hay đó chỉ là cái cười xã giao để đáp lễ mà thôi.

Từ 1968 đến 1972 thì tôi ở Sài Gòn chẳng có gì vui, chỉ lo vùi đầu học và tu, cốt lấy bằng Tú Tài để đi ngoại quốc. Rồi thời gian cứ như thế mà trôi, từ thuở xuân xanh đến lúc bạc đầu như thế này mới thấy được những kỷ niệm rất nhỏ của ngày xưa, bây giờ lại quý giá vô vàn như thế đó.

Kỷ niệm nó không là vàng bạc châu báu; nhưng nó giúp người ta có một cái nhìn về quá khứ một cách trìu mến dễ thương. Dễ ai lấy quyền hay lấy tiền mua hay chiếm đoạt những ký ức hồn nhiên ấy. Bởi thế có nhiều người lúc về già rồi mới ngồi viết hồi ký là vậy. Lúc ấy kho tàng của tuổi thơ sẽ sống dậy và có nhiều người đã trở thành văn sĩ lúc tuổi về chiều là vậy. Có nhiều người bảo tôi tại sao Thầy không viết hồi ký của tuổi thơ? Tôi bảo rằng: Tuổi thơ của tôi chẳng có gì để đáng viết; chỉ là một chú mục đồng mà thôi. Hay lúc ấy tôi cũng chỉ là Chú Tiểu vô danh, đâu có gì để mà viết; nhưng biết đâu sau này lại cần đến những dữ kiện nhỏ nhặt này.

Sau khi thăm Tu Viện Dechenphodrang, chúng tôi được xe đưa đến Thư Viện Quốc Gia. Người Giám Đốc Thư Viện đã giới thiệu cho chúng tôi nghe về những loại sách, kinh mà Thư Viện hiện có.

Thăm Thư Viện Quốc Gia

Sau đó ông ta đưa chúng tôi đi xem từng khu một. Ví dụ như nơi chụp phim Microfilm để bảo quản tốt hơn là giữ lại những bảng kính bằng gỗ như thế. Cũng có một số nơi các nghệ nhân đang tu bổ lại những bảng gỗ mà đã khắc kinh lâu đời bỏ vào trong những hòm thiếc để bảo quản, tránh đi cái khí hậu khắc nghiệt tại xứ này.

Ông Giám Đốc Thư Viện Quốc Gia giới thiệu tổng quát về Thư Viện.

Trong Thư Viện này có một số bộ kinh đã có mặt cả ngàn năm, đa phần bằng tiếng Tây Tạng và tiếng Phạn. Chỉ có một ít kinh sách tiếng Anh và chữ Hán. Chữ Nhật thỉnh thoảng có vài quyển. Còn tiếng Việt hầu như hoàn toàn không có một quyển nào. Trông thật đáng thương cho dân tộc như dân tộc Việt Nam vậy. Một dân tộc có 4.000 năm văn hiến và 2.000 năm lịch sử Phật Giáo mà sự giao lưu văn hóa với các nước cận Á như thế, còn giới hạn quá chừng. Quả là điều đáng lưu tâm vậy.

Sau đó phái đoàn chúng tôi trở về khách sạn để ăn trưa và chiều hôm đó còn đi thăm 2 nơi nữa mới đến lượt diện kiến Hoàng Hậu. Vào lúc 14 giờ phái đoàn đến một trường dạy nghề tên là Zoriz Chusum để xem những nghệ nhân họ vẽ và tạc tượng Phật. Có nhiều lớp học khác nhau. Mỗi lớp như thế có một Thầy giáo chuyên môn hướng dẫn. Ở đây đa phần là Cư Sĩ, thỉnh thoảng mới thấy một vị Tu Sĩ ngồi tạc tượng Phật.

Khi chúng ta nhìn một hình tượng như thế, chúng ta nghĩ rằng đơn giản hoặc chúng rập khuôn với nhau; nhưng điều ấy không phải, cứ mỗi một hình tượng như thế phải có một chiều bình hành, hoặc lục giác hoặc hình tam giác cân, để người họa có thể căn cứ vào đó mà vẽ chân mày, mắt, mũi hoặc môi miệng. Đúng là một kỹ thuật tạo hình vậy. Có một số người trong đoàn muốn mua một số quà kỷ niệm; nhưng ở đây không còn bán lẻ nữa; nên phái đoàn phải di chuyển sang một tiệm khác ở đối diện bên đường.

Trời bắt đầu vùn vù mưa, chúng tôi đang lo ngại nhất là những người mặc áo dài đẹp dễ chuẩn bị vào Hoàng Cung. Cảnh đó có người Bhutan nói rằng cứ mỗi một việc tiếp đón quan trọng như thế mà có mưa thì quả là rất tốt. Theo truyền thống của Bhutan chỉ có những bậc Đại Sư mới tạo nên được khung cảnh ấy. Tôi chỉ nghe và biết vậy thôi; chứ với tôi trường hợp này chỉ là ngẫu nhiên mà thôi.

Đến thăm trường thuốc y-học truyền thống của Tây Tạng có nhiều người cũng thích. Vì hợp với nghề nghiệp của mình trong đó có Đạo Hữu Diệu Đông. Vừa tốt nghiệp Hóa-học vừa tốt nghiệp Dược nên những danh từ xem qua là Đạo Hữu hiểu rành. Những cây cỏ tại đây đa phần được tuyển chọn từ vùng Hy Mã Lạp Sơn. Các máy móc trang thiết bị tại đây hầu như do Ấn Độ cung cấp. Tương đối sạch sẽ và ngăn nắp. Có lẽ vì là một trường thuốc. Nếu nhiễm trùng thì quả là một đại họa cho người tiêu dùng.

Sau khi viếng trường thuốc xong; bây giờ phái đoàn chúng tôi chia ra làm 2 nhóm. Một nhóm 8 người trở về lại khách sạn nghỉ ngơi và nhóm 11 người chuẩn bị đi đến Hoàng Cung để diện kiến Hoàng Hậu. Tất cả chúng tôi đều muốn đi hết; nhưng vì chỗ nơi có giới hạn. Hoặc giả phải khổ công nhọc sức cho những người phục dịch hầu hạ, cho nên chúng tôi chỉ được phép như vậy mà thôi. Có người buồn mà cũng có kẻ vui trong chuyến đi này. Nhưng vui buồn tất cả rồi nó cũng chóng qua thôi.

Thị tỳ của Hoàng Hậu đến tận khách sạn để liên lạc bằng điện thoại không dây cho biết là phái đoàn đã chuẩn bị, phái đoàn đã vào ngõ, phái đoàn đã xuống xe v.v... đúng là cung cách của Hoàng Gia. Những nhân viên Bộ Ngoại Giao cũng đã túc trực trước cửa cung và những quà biếu thì đi qua một ngõ khác để được qua máy rà kiểm soát.

Trời hôm ấy mưa nên những cây dù bây giờ trở nên đắc dụng. Khi đến cửa chúng tôi trông thấy mọi người ở đó tất cả đều có một cử chỉ rụt rè cung kính. Đây là cảm giác lần đầu khi tôi bước đến cung son này. Lễ nghi ấy chắc mọi người phải học. Người ta phải học cách ăn làm sao, cách nói làm sao, cách nhìn làm sao và nhất là cách cười phải làm sao cho chủ và khách có được một cái cảm thông, thì đó, tôi gọi là cung cách của triều đình vậy.

Hôm đó Hoàng Hậu ra tận cửa để nghinh đón. Tôi đi đầu và cầm một khăn trắng để trao qua Hoàng Hậu và Hoàng Hậu chấp tay lại chào với cái mỉm cười sơ ngộ. Hoàng Hậu

mặc áo quốc phục màu tím hoa cà. Trông dáng Hoàng Hậu chỉ vào tuổi ngoài 40, rất trẻ và phải nói rằng duyên dáng, dịu dàng, đẹp tự nhiên. Nhất là nụ cười mà sau này người nào cũng để ý đến. Hoàng Hậu có một nụ cười thật tươi và thật xinh.

Trước khi vào đây, tôi được các vị bên Bộ Ngoại Giao lưu ý là chắc chỉ được tiếp 15 phút mà thôi. Nghĩa là sau khi nhận quà cũng như chào hỏi là phải đoàn trở về; nhưng hôm đó có lẽ ngoại lệ gần đúng 2 tiếng đồng hồ, chúng tôi mới rời chôn cung son này. Căn phòng khách bày trí rất hài hòa. Đầu tiên Hoàng Hậu tiếp chúng tôi ở một gian phòng khách rộng rãi đủ chỗ cho 16 người, có bàn ghế và sau khi chụp hình thì ở một phòng khác.

Căn phòng nào cũng trang hoàng bằng lụa là bản xứ, từ ghế ngồi cho đến màn cửa, nhất nhất đều uy nghi để chứng tỏ là uy quyền của Hoàng Đế vẫn có ở đâu đó.



Cùng với Hoàng Hậu Bhutan Ashi Dorji Wangmo Wangchuck.

Nhìn thấy cung cách chào của những người Bhutan cũng khác. Vì họ biết Hoàng Hậu của họ là ai và là địa vị gì của dân tộc Bhutan cho nên họ rất khúm núm, ngay cả những Tu Sĩ của họ đi nữa cũng thế. Còn chúng tôi thì rất tự nhiên. Tuy cũng có giữ lễ ít nhiều vì chúng tôi biết rằng chúng tôi đang đối diện với một bậc được gọi là mẫu nghi của thiên hạ.



Hoàng Hậu cùng với Thầy Hạnh Hảo, Thầy Gap và Thầy Dorji.

Tôi trân trọng đưa bài diễn từ của tôi cho anh Kunzang xem trước khi đọc trước Hoàng Hậu; nên đoạn văn này có vài chỗ được thêm vào sau. Vì những người bên chính phủ, nhất là những người có trách nhiệm với EXPO 2000 họ cũng muốn Hoàng Hậu biết đến họ. Bài này do Thầy Hạnh Tân soạn bằng tiếng Anh qua sự góp ý của tôi.

Tôi ngồi cùng ghế chánh với Hoàng Hậu và đọc một bài diễn văn ngắn với nội dung như sau:

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa Hoàng Hậu Bệ Hạ và các vị Bộ Trưởng

Thưa tất cả quý vị,

Tôi thật lấy làm sung sướng có mặt tại Vương Quốc của quý vị ngày hôm nay. Đây là một việc bất khả tư nghị của giáo lý Đức Phật. Vì chỉ có người Phật Tử mới hiểu được rằng; những người tỵ nạn Phật Tử Việt Nam chúng tôi tại Đức mới có thể nhận được những sự tiếp đón cao quý của Hoàng Hậu và các vị Bộ Trưởng cũng như sự tiếp đón những người thợ từ Bhutan tại Chùa của chúng tôi khi mà họ đến Đức để xây dựng Chùa Bhutan tại khu EXPO

Ngôi Chùa Bhutan nó không những chỉ là một biểu tượng của Vương Quốc Bhutan mà còn là một giá trị toàn hảo của người Phật Tử. Tôi rất lấy làm tiếc rằng đã không thể tiếp đón Hoàng Hậu, bởi vì tôi đã có những việc quan trọng tại Pháp, khi Hoàng Hậu đến Đức. Tuy nhiên tôi cũng rất vui mừng vì nhờ cơ hội tốt này mà tôi xin cảm ơn sự thăm viếng đó của Hoàng Hậu khi có ý thăm viếng Chùa của chúng tôi và còn tặng cho nhiều tặng vật giá trị nữa.

Ở đây tôi cũng xin cảm ơn một cách công khai những người của chính phủ mà họ đã xây dựng Chùa Bhutan tại EXPO 2000. Ngoài ra tôi cũng muốn đề cập đến ông Phüntsho và ông Kunzang Trinley là những người họ đã đến đầu tiên tại xứ Đức và chẳng bao lâu trở thành những người bạn của cộng đồng người Việt Nam của chúng tôi.

Với cơ hội này phái đoàn của chúng tôi rất là hân hạnh để thăm viếng quê hương của Hoàng Hậu và tôi cũng sẽ được hướng dẫn đi thăm nhiều nơi chốn của Bhutan. Vì tôi nghe rằng có nhiều nơi và nhiều việc tốt đẹp tại quê hương này vẫn còn gìn giữ.

Tôi biết rằng Bhutan là một quốc gia Phật Giáo. Nên với người Phật Tử tôi muốn biết nhiều về hoạt động Phật Giáo tại xứ này. Đặc biệt trong phạm vi giáo dục, tôi hy vọng

rằng có thể giúp một vài việc cho những người Tăng Sĩ của Bhutan.

Xin đại diện cho phái đoàn của chúng tôi, xin chân thành cảm ơn sự tiếp đãi một cách nồng hậu của Hoàng Hậu.

Tôi nguyện cầu Đức Phật và ba ngôi Tam Bảo gia hộ cho mọi người và cho quốc gia của Hoàng Hậu đặc biệt giữ lại những truyền thống cao đẹp đó.

Trân trọng kính chào.

Namo Shakya Muni Buddha

Respected Your Majesty, Ministers,
Ladies and Gentlemen:

I am really glad to be in your Kingdom today, this is due to a mystery of Buddha's Dharma. Then only through the Buddhist connection we, the refugee Vietnamese Buddhist in Germany, were able to receive your Highness' Ministers and to accommodate the Craftsmen in our monastery, when they came to Germany to build the Temple in the Expo ground.

The Bhutanese Temple was not just the symbol of the Kingdom of Bhutan, but also a pride of the entire Buddhist people. I extremely regret not to be able to receive your Majesty, The Queen, by myself due to an important work in France, when you were in Germany. Therefore I would like to use this opportunity to express my thanks for visit to my monastery and for your valuable presents.

At this time I wish to thank those officials who were responsible for the building of the Bhutanese pavilion for Expo 2000. Particular, I want to mention Mr. Phuentshok and Mr. Kuenzang Trinley, who were our partners when they came first to Germany and soon became friends to our Vietnamese community.

In this occasion my delegation and I are of great interest in visiting your country and would like to request for a guide throughout the interesting places of Bhutan. I have heard many nice things about the country and its splendid custom.

We know the Kingdom of Bhutan as a Buddhist country, and a Buddhist I also would like to know more about the Buddhist activities in Bhutan, especially in the field of education. I hope, we could be of some help to our brothers in Dharma.

In the name of the whole group I would like also to express my thanks for your kind reception.

I wish you all the blessing of Buddha and the triple Gems may always bless your country that it would remain in its extraordinary condition.

Thank You very much.

Sau khi tôi đọc xong bài diễn văn đó thì mắt Hoàng Hậu như ngời lên ánh sao và Hoàng Hậu cười thật tươi như hoa xuân đang rạng nở. Vì thế sau này mọi người mới bảo rằng: Đúng là nụ cười Hoàng Hậu là vậy. Tôi đảo mắt nhìn xem quý vị Bộ Trưởng và hai Thầy người Bhutan ngồi xa xa phía trước, thấy họ cũng tỏ vẻ hài lòng.



Hoàng Hậu chụp hình chung với Thầy Thông Trí.

Bây giờ thì chúng tôi đàm đạo thoải mái và trà nước cũng như xôi đặc biệt cũng đã được dọn lên. Hoàng Hậu hỏi chuyện từng người và Hạnh Hảo đã giới thiệu một cách không mệt mỏi. Người nào không nói rành tiếng Anh thì cũng có Hạnh Hảo thông dịch lại. Hôm ấy tôi đã thấy rõ đĩa

vàng chén ngọc là gì. Tất cả đồ đem ra dọn đãi khách đều là những gì quý giá của Hoàng Gia. Mọi người đều uống trà của Bhutan và dùng xôi màu vàng có tính cách truyền thống.

Hoàng Hậu chung hình chung với Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm.

Phái đoàn nói chuyện rất lâu, tôi rất sốt ruột nhìn đồng hồ và trông sang các vị trong Bộ Ngoại Giao ngồi xa phía trước đó; nhưng quý vị này ra dấu hiệu hài lòng và cứ tiếp tục nói chuyện không có gì phải lo cả. Vì Hoàng Hậu đang vui. Có lẽ nơi cung son Hoàng Hậu ít có người nói chuyện chẳng? Hay với người Bhutan lúc nào cũng dạ dạ thưa thưa, khúm núm rụt rè. Còn chúng tôi một phái đoàn đến từ Âu Châu, ăn nói tự nhiên nên Hoàng Hậu không còn nghĩ đến thì giờ nữa. Nhiều lúc còn phá cười lên khi có một vài người nói lạc điệu. Ví dụ chú Hạnh Định nói tiếng Anh và giới thiệu về nước Na Uy, nơi mà Chú đã có cơ hội định cư ở đó nhiều năm. Nước Na Uy về môi sinh tốt như Bhutan. Nào là có thác nước, có cảnh đẹp và cuối cùng thì Chú bảo rằng: Nếu Hoàng Hậu đi sang đó thì Chú sẽ là người hướng đạo cho Hoàng Hậu. Do vậy mà Hoàng Hậu cười và mọi người đều cười theo. Theo phép ngoại giao thì không nên nói những lời như thế. Vì giữa

các quốc gia có giao hảo với nhau, đều có các cơ quan ngoại giao lo vấn đề này làm sao mà cho tới mình làm được việc đó.

Sau khi dùng trà nước, xôi, thì chúng tôi xin phép chụp hình chung với Hoàng Hậu. Hoàng Hậu rất tự nhiên, không có gì khách sáo cả. Nếu là người nữ thì Hoàng Hậu ngồi sát vào và còn cụng đầu gần nhau nữa. Nếu là người nam thì có một chút khoảng cách. Nếu là người Âu Châu thì Hoàng Hậu càng tự nhiên hơn.

Quà biếu hôm đó là 4 tấm tranh sơn mài lớn tạo thành tấm chắn gió để trong nhà và một hoa sen bằng pha lê tuyệt đẹp. Đây là món quà từ xa xôi mang đến để tặng Người. Một món có xuất xứ từ Đức và một món có xuất xứ từ Việt Nam chuyển sang Pháp, rồi từ Pháp sang Đức; để sau đó từ Đức bay qua Thái Lan và Bhutan. Đúng là một chặng đường dài cả mấy chục ngàn cây số vậy.

Trước khi ra về thì Hoàng Hậu chấp tay cúi đầu và còn đem đầu mình cụng vào đầu tôi nữa. Thật là một việc làm mà tôi không ngờ; nhưng đồng thời tôi cũng không né tránh. Vì đó là việc tự nhiên. Vả lại cũng là truyền thống của Bhutan khi đã trở nên quen thuộc. Tôi có hỏi những người sau đó có làm như vậy không? thì bảo có chuyện ấy vậy sao? Có lẽ tùy theo từng người mà Hoàng Hậu chia tay như vậy chẳng? Đến nỗi sau này có lần nói chuyện tại chùa Vạn Hạnh ở Hòa Lan, Thầy Thông Trí còn bảo rằng: Thấy Thượng Tọa và Hoàng Hậu ngồi chung một ghé và được đối xử như một bậc quân vương, khiến ai thấy cũng ghen lây. Không biết điều ấy có thật không; nhưng với tôi lúc ấy tâm chẳng có gì giao động. Mà lạ thay! Sau khi đi chuyến Bhutan về có nhiều người và nhiều Thầy đau tim. Theo Thầy Thông Trí nói thì vì Hoàng Hậu quá đẹp cho nên ai cũng cảm. Nhưng điều ấy không phải, ai cũng đau tim vì leo núi quá cao. Nơi ở bình thường đã là cao 3.000 mét rồi. Càng leo cao hơn nữa thì không khí

càng mỏng đi. Do vậy mà khó thở; chứ tuyệt nhiên không phải vì Hoàng Hậu đâu.

Tối đó tại một khách sạn gần bên có tổ chức một buổi chiêu đãi Self-Service rất trang trọng. Đầu tiên thì nói chuyện bên lề. Sau khi mọi người đến đông đủ thì ông Thủ Tướng bắt đầu nói lên những lời cảm ơn phái đoàn và tặng quà lưu niệm. Hôm đó tôi cũng nói; nhưng vì không có soạn sẵn trước; nên đã phát âm sai một vài chữ, mà khiến ra nghĩa khác. Do vậy có người cười. Ngày hôm sau tôi xin lỗi ông Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa; nhưng ông ta nói rằng: Đôi khi tôi cũng vậy. Vì tiếng Anh đâu có phải là tiếng mẹ đẻ của chúng ta. Đó đúng là một câu an ủi có tính cách ngoại giao vậy.



Chiều đãi tại khách sạn cùng với các vị Thủ Tướng, Bộ Trưởng và Thứ Trưởng của Bhutan.

Ông Thứ Trưởng Ngoại Giao đến trễ và ngồi bên tay trái tôi. Còn ông Thủ Tướng thì ngồi bên tay mặt. Mọi người nói chuyện rất tâm đắc. Họ hỏi về việc gặp Hoàng Hậu ban chiều ra sao; nhưng thật ra thì họ đã biết hết rồi. Xứ Bhutan này rất nhỏ, mà thủ đô hình như cũng chỉ 30.000 dân nên đâu

có nhiều hơn thành phố Laatzen ở gần chùa. Do vậy mà chuyện gì trong sân ngoài ngõ người ta cũng dễ rõ thôi. Nhiều lúc chúng tôi còn thấy họ theo dõi mình nữa là đằng khác. Vì mọi chuyện của chúng tôi làm họ đều biết cả. Kể cả những dự định chưa có làm. Đúng là "bức tường có tai" như cách ngôn Pháp đã hay dùng. Tóm lại thì cuộc ngoại giao ban chiều tại Hoàng Cung cả Bộ Văn Hóa và Bộ Ngoại Giao rất hài lòng. Còn hai Thầy bên Tôn Giáo thì dĩ nhiên là vui rồi. Vì ít khi vào đến chốn ấy; mà lần này còn ngồi chụp hình với Hoàng Hậu nữa. Quả là điều hy hữu mà có lẽ quý vị ấy cũng chẳng đợi chờ mong.

Đồ ăn của Bhutan cũng ngon lắm; nhất là những măng tây cũng như các rau cải địa phương; nhưng ngược lại trái cây thì còn hiếm lắm; những trái chuối, trái táo rất nhỏ, trông thảm thương. Trong khi Âu Châu những loại như thế chỉ có bỏ. Còn ở tại xứ núi đồi này là vàng là của quý đấy.

Mấy ngày đầu thì ai dùng cũng ngon; nhưng những ngày sau ai cũng thêm tởm mị gói và những lát bánh mì ăn với mứt theo kiểu Tây phương trông có vẻ nhẹ nhàng hơn. Ở đây được một cái là núi cao; nên khí hậu rất mát về đêm. Nhiều khi cần phải sưởi nữa; nhưng không có muội và không có những sinh vật nhỏ ở xứ nóng như những nước Á Châu khác.

Ông Thứ Trưởng Ngoại Giao ngồi bên tôi ông cũng nói rằng ông đang ăn chay. Trước đây ông học tại Mỹ và cũng đã nhiều năm ăn chay như thế. Ông khoe rằng con ông còn nói được tiếng Thái và tiếng Lào nữa. Cả nhà cũng ăn chay. Do vậy khi phái đoàn đến từ Âu Châu mà ăn chay như chúng tôi, nên ông cũng không ngạc nhiên mấy. Có điều là họ chiền bơ hơi nhiều nên có nhiều lúc tôi rất mệt và ăn không còn thấy ngon nữa. Nhiều lúc chỉ cần chén cháo là đủ rồi. Đúng là mỗi dân tộc có một đời sống và thói quen khác nhau, chẳng ai giống ai được. Mà cái gì đã trở thành truyền thống rồi thì người ta khó thay đổi lắm; nhất là những gì mà người ta đã chấp nhận lâu đời rồi.

Ông Thứ Trưởng Bộ Ngoại Giao cáo từ về trước vì có tiệc khác và chúng tôi cũng như một số vị Bộ Trưởng khác thì còn ở lại lâu hơn, để cuối cùng rồi cũng phải ra về với bao niềm vui. Vì mỗi người đã trao đổi với nhau về một câu chuyện có ý nghĩa nào đó. Buổi tiệc hôm đó do chính phủ khoản đãi nên các thực khách toàn là những người đại diện cho dân. Tuy không đông lắm; nhưng hầu như những nhân vật quan trọng tôi đã gặp qua. Mọi người ra về để đi một giấc ngủ ngon. Vì ngày mai còn phải đi một chuyến xa hơn như thế nữa.

Chương VI

Viếng thăm Tu Viện

Thế là tôi đã thoát được những câu chuyện đôi đũa và ngoại giao rồi. Toàn là những câu rất hay, rất nặng ký; nhưng đồng thời cũng rất có giá trị. Kỳ này đi Bhutan có lẽ tôi là người mệt nhất. Vì phải ngoại giao cho bao nhiêu chuyện. Do vậy ngày 26 tháng 4 cả phái đoàn lên xe đi Dodena, cách Thimphu chừng 30 cây số, là ai nấy cũng vui rồi.

Xe của Bộ Ngoại Giao Bhutan với cán cờ cuốn lại.

Đường đi gập ghềnh nhiều nỗi truân chuyên. Thỉnh thoảng chúng tôi phải dừng lại để nghỉ. Đi đến một chỗ đẹp chúng tôi hỏi người tài xế đó là gì? Anh ta bảo rằng đó là nơi ở của Thái Hậu, mẹ của Vua. Chung quanh có nước chảy thông reo, trông thật hữu tình. Đúng là chỉ có Vua mới được thế. Cho nên Thượng Tọa Thích Trí Minh, trụ trì chùa

Khuông Việt tại Na Uy, lúc nào cũng muốn làm Vua có lẽ cũng có nhiều lý do khác nhau là vậy.

Đường lên Tu Viện Tango hôm đó sao mà xa diệu vợi. Kể đi trước người đi sau; nhưng phải mất cả 2 tiếng đồng hồ chúng tôi mới lên đến đỉnh núi. Dọc đường biết bao cảnh đẹp như hoa rừng và lắng nghe tiếng hót của chim muông. Xa xa thấy mây trời sà thấp xuống như đón khách trần ai nhẹ gót vân du; nhưng có lẽ thân tứ đại còn nặng nề quá nên đã chưa



có ai theo mây về nơi thượng giới. Đến gần đỉnh thì Rattay, người Đức, ngộp thở, cũng chỉ vì áp suất còn lại trên 3.000 mét chỉ còn thoang thoảng mà thôi. Thế mà nơi đây đã đang và sẽ có không biết bao nhiêu con người tu luyện tại đó.

Khi phái đoàn chúng tôi vào cổng thì thấy 2 bên khói thông xông nghi ngút. Được biết rằng truyền thống này có tự ngàn xưa và chỉ để đón những bậc Đại Sư tôn quý. Chùa này có tất cả 150 vị đang tu học, hầu hết là cấp bậc Đại Học. Nơi này cũng là nơi của

Thầy Gap và Thầy Dorji đang ở. Hôm ấy tuy Sư phụ của quý Thầy ấy không có ở chùa; nhưng việc tiếp đón rất chu đáo.

Đầu tiên chúng tôi vào phòng khách dùng trà cũng như cúng dường Tu Viện. Ở đây có 2 phần để cúng dường. Một phần cúng cho chùa và phần còn lại phổ đồng cúng dường. Nghĩa là 150 vị không kê lớn nhỏ. Mỗi vị nhận 30 Nu ở đây. Số tiền không lớn; nhưng đó là tấm lòng của tôi và đoàn.

Sau một hồi kể báo động, 150 vị Tăng lên hết chánh điện tụng kinh cầu nguyện chúc phúc cho phái đoàn. Trong khi tụng kinh Thầy Dorji mang đi phát cho mỗi vị 30 Nu như thế. Sau thời kinh thì việc cấp phát cũng xong. Chúng tôi lần lượt tụng kinh Bát Nhã bằng tiếng Việt và tiếng Đức. Tu Viện này rất xưa nên cấm chụp hình. Do vậy mà chương này nếu quý vị lưu tâm hầu như không có một hình nào về Chùa Viện cả. Thời kinh vừa chấm dứt, vị Sư trụ trì dẫn chúng tôi vào bên trong Phật điện để đánh lễ xá lợi của chư Phật. Ở đây còn quá nhiều tượng Phật cổ và những ngà voi cũng rất lớn. Đoạn đến một miếng đá có dấu chân người, vị Sư trụ trì bảo rằng đây là dấu chân của vị khai sơn cách đây 350 năm về trước và hiện tại vị Tulku đó đang ở đây. Chính bàn chân của vị tái sinh này để vừa vẹn và những chỉ chân rất giống nhau.

Nghe như vậy tôi như mở tấm lòng nên buột miệng thưa liền với vị Sư trụ trì rằng chúng tôi có được đánh lễ vị Tulku ấy không? Vị Sư trụ trì trả lời rằng phải đi hỏi Ngài trước đã; nếu Ngài bằng lòng. Thông thường thì mỗi tuần vào ngày thứ bảy Ngài có gặp Phật Tử; nhưng bình thường thì không. Hôm đó chúng tôi đi ngày Thứ Năm; nên ít có hy vọng. Tuy nhiên sau một hồi chuẩn bị, vị Sư trụ trì trở ra bảo rằng vị Tulku này bằng lòng tiếp phái đoàn. Chúng tôi rất mừng vui.

Tương truyền rằng 350 năm về trước vị Tulku này đã thành lập nên Tu Viện này và sau đó Ngài viên tịch. Thời gian cứ thế mà trôi. Vị này đã đi đầu thai qua nhiều lần sanh tử và lần này sanh ra trong một gia đình bình dân tại miền Đông Bhutan, cách đây khoảng 300 cây số; nhưng khi lên 5 tuổi lúc nào Ngài cũng đòi về lại Tu Viện xưa. Do vậy các vị Trưởng Lão mới gạn hỏi Ngài và đã trả lời rất rõ ràng là

trong 100 gian phòng của Tu Viện ấy nơi đó có thờ gì, kiến trúc theo kiểu gì Ngài đều mô tả rõ, mặc dầu mới 5 tuổi Ngài chưa đến đó bao giờ. Không những thế mà bàn chân của Ngài trong hiện tại để vừa vịn với bàn chân của vị Đại Sư đã khai sơn chùa này hơn 350 năm về trước. Thật là hy hữu, hy hữu. Cho nên cả Tu Viện mới tôn Ngài lên ở ngôi vị Tulku. Nghĩa là một vị Lama tái sanh. Năm nay thì Ngài đã 7 tuổi. Trông nét mặt Ngài rất hiền từ và thông minh rực sáng. Phái đoàn chúng tôi chung tiền cùng nhau để cúng dường và đặc biệt là Chocolat, vì Ngài còn nhỏ mà, vẫn là đứa trẻ với thân vật lý 7 tuổi; nhưng trí tuệ thì siêu phàm. Sau này khi gặp ông Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa ở dưới chân núi, ông ta cũng nói rằng: đây là một vị Tulku đặc biệt.

Đầu tiên Ngài nói một số lời đã được dặn trước, trông có vẻ hơi khổ sở, nhất là nói tiếng địa danh Hannover. Ngài thỉnh thoảng ngồi yên nhìn hết người này tới người khác. Trong khi đó Thượng Tọa Quảng Bình nghĩ rằng nếu Ngài giỏi thì điểm mặt từng người để nói quá khứ vị lai đi. Lúc ấy chắc Thầy phải lay sát đất. Mặc dầu điều ấy không xảy ra; nhưng mọi người cũng đã đưa đầu cho Ngài sờ tay lên để làm lễ chúc phúc.

Quà tặng của Ngài cho phái đoàn là một số bản kinh bằng tiếng Bhutan. Ngoài ra một số người cũng muốn nghe một cái gì đó từ Ngài nên còn nán lại lâu hơn. Tuy nhiên sự kiện ấy không xảy ra hôm đó. Có lẽ trí tuệ của Ngài và sự hiểu biết kia mới còn giới hạn nơi xứ Bhutan chứ chưa ra ngoài biên giới ấy. Dầu sao đi nữa truyền thống tái sanh này vẫn là một điều hay, nhằm nhắc nhở cho mọi người biết rằng việc chết chưa phải là hết, mà sau sự chết kia còn không biết bao nhiêu sự sống nữa. Đó là điều kỳ diệu trong nhiều điều kỳ diệu khác vậy.

Phái đoàn từ giả vị trụ trì cũng như chư Tăng để xuống núi. Vì còn phải dùng trưa tại một công viên công cộng nữa. Đường đi xuống núi thì rất nhanh. Hôm ấy có mưa hoa cúng

đường, như để nhắc nhở cho chúng tôi biết rằng hôm ấy cũng là một đại sự nhân duyên vậy.

Picnic ngoài trời

Xuống cho đến khỏi núi là một giờ chiều rồi. Do vậy tất cả phái đoàn đều phải dừng chân để dùng cơm. Khung cảnh thiên nhiên ở đây rất đẹp. Vì lẽ có núi cao và có sông, có thác, có ghềnh. Tuy nước rất lạnh nhưng nghe đâu cũng có người tắm nơi ấy. Chúng tôi đang ngồi chờ chuẩn bị dùng trưa thì ông Bộ Trưởng Văn Hóa từ trên núi nơi tu kín của các vị Đại Sư đi xuống và ông ta báo tin rằng chờ lâu quá không thấy phái đoàn lên; nên ông ta lại phải xuống núi. Ông ta đâu có biết rằng chúng tôi là những người sanh ra ở đồng bằng và nơi biển cả ở độ thấp làm sao leo núi thoăn thoắt như những người bản xứ được. Cho nên mới chậm là thế. Nếu ông ta tính trừ hao cho phái đoàn chúng tôi thì đỡ biết mấy.

Dùng cơm ngoài trời tại Dodena

Bữa cơm đã được chuẩn bị sẵn từ lâu nên có phần bị nguội lạnh. Tuy nhiên lòng người chủ nhà thì lúc nào cũng nồng nàn; nên chúng tôi phải cố gắng dùng nhiều cho họ vui. Mặc dầu có một số thức ăn không hợp khẩu vị mấy.

Sau khi dùng cơm xong thì chia ra làm 2 toán. Một toán trở về lại khách sạn để nghỉ ngơi. Vì leo tiếp tục lên núi không nổi nữa, trong toán này có tôi. Còn toán khác tiếp tục leo núi, trong đó có Hạnh Hảo. Đây là một dòng tu kín mà Hạnh Hảo cô tìm gặp để trình giải một số công việc đã làm được.

Từ dưới đất nhìn lên trên núi cao thấy những cái cốc của những vị ẩn tu trông giống như những cái tổ yến nằm ép mình vào hang đá. Nghe đâu ở đây các vị Sư không tiếp xúc với thế trần trong chừng 3 năm 3 tháng 3 ngày như thế. Sau khi xả thất mới gặp gỡ nói chuyện và có người lại vào thất tiếp. Vì trong thất an lạc hơn và vui hơn với niềm vui đạo hạnh. Còn ở ngoài trần thế vui đầy chứ; nhưng đối với những vị này nội tâm bị cào xé từng hồi. Trên núi cao kia có độ 50 cái am như thế. Tôi không hiểu bằng cách nào mà họ có thể xây trên những triền núi cheo leo như thế được. Đúng là lính

đòi như không còn chỗ nào lánh được nữa. Ở đây có lẽ chỉ làm bạn với gió mây, với trăng, với sao chứ chẳng còn gì nữa. Nhưng nếu ai đó đã quyết chí thì có ngày ánh sáng chơn lý sẽ tỏ ngộ.

Sau khi phái đoàn leo núi trở về lại khách sạn có kể cho tôi nghe rằng núi này còn cao hơn núi trước nữa và đặc biệt là rất khó đi. Nếu mà tôi có đi chắc có lẽ cũng chùn bước là cái chắc. Và hình như tôi cũng bắt đầu đau tim, hay cũng đã cảm nhận rằng với cái tuổi 53 này mình không còn trẻ trung như ngày xưa nữa. Nghe đâu vị Đại Sư trưởng môn phái dòng tu kín ấy cũng không tiếp phái đoàn còn lại vì biết rằng Trưởng phái đoàn bên này là tôi không có mặt. Tôi xin sám hối với Đại Sư. Vì lẽ hôm ấy không thể nào tiếp tục đi nổi nữa. Mặc dầu thế Ngài đã cho phái đoàn của chúng tôi nhiều tấm Thangka và nhiều kinh điển giá trị. Có một số bài kinh đã được chính Ngài trì chú rất nhiều lần. Do vậy mà phái đoàn ai cũng muốn thỉnh một bài kinh như thế để được sức gia trì. Chỉ có Hạnh Hảo là hơi thất vọng, vì không gặp được Đại Sư; nhưng rồi đâu cũng vào đấy cả. Tu Viện đó gọi là Tu Viện Cheri mà quy luật ở đây rất nghiêm khắc; nên nghe đến Tu Viện này ai cũng biết cả. Nghe đâu năm 1995 có một vị Sư người Việt Nam từ Hawaii sang cũng đã thăm viếng Tu Viện này.

Đêm hôm đó tại một khung cảnh thiên nhiên, chính phủ Hoàng gia đã tổ chức một đêm lửa trại cho chúng tôi có các vị Bộ Trưởng đến tham dự. Không khí thật vui nhộn khi lửa được đốt lên lại có nhiều người nhảy múa. Dưới ánh sáng chập chờn của đêm thanh cảnh vắng ấy tôi liên tưởng đến quê tôi vào những thuở xa xưa khi mùa gặt đã đến và trai gái của dân làng tụ tập ở một nơi công cộng nào đó để đập lúa và hát hò.



Ban dân ca đêm lửa trại

Chúng tôi được chia nhau ra từng nhóm nhỏ. Cứ một người Việt hoặc một người Đức, là mấy người Bhutan để nói cho nhau nghe và nghe nhau nói thật nhiều đề tài. Những ai còn trai trẻ thì hòa chung cùng cái vui của tiếng sáo, tiếng đàn, tiếng kèn, tiếng phách gõ nhịp để múa hát chung quanh đống củi mà lửa đã cháy lên cao sưởi ấm biết bao nhiêu tâm hồn của người xa xứ.

Lửa đã cháy cao

Lửa cháy cao rồi cũng đến lúc lửa cũng phải tàn. Mọi người cảm thấy thấm lạnh nên có kẻ vào lều ngồi uống trà nói chuyện hoặc vào bên trong nhà hàng thì ấm cúng hơn. Tôi ngồi đó như giữa ba quân tướng sĩ của trận tiền mà sự vô thường của ánh lửa và củi kia khiến tôi suy nghĩ về sự thịnh suy của cuộc thế. Tất cả chúng ta cũng chỉ như gió, như mây, như đất, như nước, như củi, như lửa chứ có khác gì đâu. Vì mới đầu hôm cả một đồng củi cao ngất, sau ánh lửa làm mỗi đầu tiên được châm vào thì tất cả củi đều bị đốt. Chúng đã thành than. Lửa đang trở về trạng thái uyên nguyên của nó. Như vậy là hết hay còn ? Có thể nói rằng không hết mà cũng không còn. Vì trong củi sẵn có lửa và lửa ẩn tàng nơi củi ấy. Nếu ta cọ xát mạnh lửa sẽ xẹt ra; nhưng củi thì đi về đâu ? Dĩ nhiên là ngấm sâu vào lòng đất, bón thành phân để nuôi dưỡng cỏ cây, rồi một ngày nào đó cỏ cây lớn lên người ta đốn đi để làm củi; rồi trăm kiếp luân hồi về sau củi cũng sẽ là môi của lửa để đốt lên những buổi lửa trại như hôm nay. Chỉ có thể thôi. Vì con người vẫn còn luân hồi sanh tử là thế.

Sau đó chúng tôi vào bên trong cùng ông Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa. Tôi đã nói câu của Phật đã dạy rằng: Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành. Nhân cơ hội đó ông ta

giảng nghĩa chữ Tathagatha một hồi lâu để chứng tỏ về sở học cũng như sự nghiên cứu của mình. Theo ông thì chữ gatha có nghĩa là giác ngộ; nhưng mà giác cái gì thì đồ ai mà biết. Còn Tatha là kẻ hay người; nhưng người nào ? người đã đủ nhân duyên với Phật Pháp, làm tròn đầy những hạnh nguyện lợi tha thì mới thành được. Còn bao nhiêu chúng sanh khác mới bắt đầu tu làm sao có thể thành.

Hạnh Hảo mà nghe đến đó rồi thì không chịu. Vì Thầy này đệ tử của tôi muốn thành Phật ngay trong kiếp này kia. Nhưng điều ấy tôi cũng bảo là không đúng. Vì trong kinh điển Phật Giáo chưa có nơi nào nói có một người Đức thành Phật trong hiện thế cả. Mà nhất là giáo lý của Đức Thích Ca Như Lai còn tồn tại trong đời này thì làm sao có thể có việc hy hữu đó được. Kỳ này Hạnh Hảo quyết chí làm Phật nên mới vào Hy Mã Lạp Sơn, mà thật ra trong núi cao ấy không có Phật thực sự. Vì đã bao phen tìm kiếm nhưng Hạnh Hảo đâu có thấy gì. Không biết bây giờ Hạnh Hảo đã tin chắc thật điều ấy chưa, chứ lúc còn hăng say mà nói điều đó quả là một chướng nạn. Nhưng sự luận bàn hôm nay với một số quan chức của Hoàng Gia, Hạnh Hảo sẽ rõ thêm một vấn đề là sự thành Phật còn xa lắm. Tôi bảo ít nhất là 2 triệu năm nữa mới có một người Đức thành Phật. Mặc dầu Đức Phật nói rằng ai cũng có thể thành Phật cả.

Cùng ông Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa luận đàm về Phật Pháp.

Việc luận bàn nào rồi cũng đến lúc kết thúc. Có khi căng thẳng; có lúc vui tươi. Có khi cũng đi đến một kết luận, mà nhiều lúc cũng chỉ là một câu hỏi còn để trống và chẳng bao giờ có một mẫu số chung để trả lời được cả. Vì vô biên thế giới đâu có thế giới nào tận cùng, ngay cả thế giới của chư Phật đang giáo hóa.

Đêm hôm đó chúng tôi đã ngủ một giấc an lành để chuẩn bị cho một ngày mai có một chuyến đi còn xa xôi diệu vợi hơn nữa.

Chương VII

Nhục thân bồ tát và cổ cung

Ngày 27 tháng 4 năm 2001 đó, trước khi đi về chốn cổ cung, phái đoàn được hướng dẫn bởi anh Kunzang và 2 Thầy Bhutan đi thăm nhục thân Bồ Tát trong chốn Hoàng Cung. Nơi này gọi là Tashichhodzong. Chử Dzong đứng sau cùng theo nghĩa tiếng Bhutan là Tu Viện. Tu Viện này nằm ngay chỗ Vua và các vị Bộ Trưởng làm việc.

Chúng tôi leo lên những tầng gác có cầu thang dựng đứng để vào chánh điện. Sau khi vào chánh điện lễ Phật thì mọi người được hướng dẫn vào nơi Tổ Sư Đường để tụng kinh, dâng lễ và nhận nước gia trì. Có kẻ thì uống, có người thì xoa lên đầu. Chúng tôi được biết rằng vị Đại Sư này sau khi thị tịch, xác thân không bị rửa trôi, cho nên Vua Chúa và quan lại cũng như nhân dân mới mang vào đây thờ và kính trọng Ngài như là một vị Thánh hiền linh.

Điều này cũng dễ hiểu thôi. Vì những bậc Đại Sư sau khi thị tịch thường hay để lại một cái gì đó cho hậu thế chiêm ngưỡng và từ đó phát khởi nên lòng tin. Ví dụ như Đức Phật, các vị Bồ Tát, các vị A La Hán để lại Xá Lợi. Không những chỉ ở Ấn Độ mà ở Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Việt Nam cũng đều có như thế.

Tại Việt Nam chúng ta nơi Chùa Đậu thuộc tỉnh Hà Tây cách Hà Nội 24 cây số về phía Nam hiện có tôn trí 2 nhục thân của 2 vị Thiền Sư tên là Vũ Khắc Minh pháp danh là Đạo Chân và Thiền Sư Vũ Khắc Trường pháp danh là Đạo Tâm. Hai vị này là hai chú cháu cùng tu tại một chùa và cùng chứng đạo cách đây 300 năm về trước. Chùa này được xây dựng từ thời nhà Lý, thế kỷ thứ 11. Ban đầu có tên là Thành Đạo Tự và trải qua nhiều giai đoạn lịch sử tên chùa lần lượt

thay đổi như sau: Pháp Vũ Tự, Chùa Vua, Chùa Bà, Chùa Đậu. Chùa này hiện đang trùng tu. Nếu quý Phật Tử nào có cơ duyên về thăm quê, nên đến đây để đánh lễ nhục thân của 2 vị Bồ Tát này. Chứng tỏ rằng Việt Nam chúng ta cũng có vị tu chứng, chứ không nhất thiết phải là Tây Tạng hay Trung Hoa.

Tại tỉnh Quảng Đông thuộc thôn Thiều Quang nơi Nam Hoa Thiền Tự hiện còn thờ 3 nhục thân của 3 vị Bồ Tát. Đó là: Ngài Lục Tổ Huệ Năng, Ngài Đan Điền và Ngài Hám Sơn. Tất cả những chơn thân này đã trải qua trên dưới 1.000 năm rồi, nhưng thân thể ấy vẫn còn ngời kiết già nguyên vẹn như thế.

Đúng là bất khả tư nghì. Chỉ có pháp Phật mới giải thích được, chứ ngoài ra thì không có một hiện tượng gì của thế gian mà giải thích nổi. Nhưng một điều cũng không kém phần quan trọng mà chúng ta nên hiểu rằng tất cả mọi pháp đều bất định. Có nghĩa là không có gì chắc thật cả. Hôm nay là như thế mà ngày mai lại thay đổi. Hôm nay tốt, ngày mai xấu hoặc ngược lại. Có kẻ hôm qua là sát nhân; nhưng hôm nay sau khi hối hận ăn năn là Bồ Tát. Cho nên chúng sanh và Bồ Tát không khác nhau là vậy. Hãy đừng kẹt vào nhị nguyên và vào sự chấp trước thì chúng ta sống thoải mái vô cùng. Còn ai đó nếu không hiểu giáo lý của Đạo Phật cứ chạy theo bất bóng chứ hình thật thì không bao giờ có được.

Mới đây chúng tôi có dịp đi Ý để làm lễ và thuyết giảng tại Niệm Phật Đường Viên-Ý, quý Đạo Hữu có dẫn chúng tôi đến nhà thờ St. Antonio tại Padova. Nơi đây còn tàng trữ cái lưỡi và quai hàm của Thánh Antonio. Mặc dầu Thánh đã mất cách đây mấy trăm năm rồi. Đây không phải là một hiện tượng lạ mà tôn giáo nào cũng có cả, chứ không phải chỉ Phật Giáo mới có. Quý vị nào ở Ý hay ở các quốc gia khác, nếu có cơ hội, nên đến Padova để xem những hình thức Xá Lợi của Đạo Thiên Chúa.

Thượng Tọa Quảng Bình, tôi và Thầy Đồng Văn cũng đã đến thành phố Firenze tại Ý và vào trong nhà thờ, nơi mà ông Gallilê đã phát minh ra rằng: Quả đất hình tròn chứ chẳng phải hình vuông và quả đất xoay xung quanh mặt trời chứ không phải ngược lại như Thánh Kinh đã nói. Sau đó Tòa Án của La Mã đã kết án tử hình và bảo ông phải nói lại cho giống Thánh Kinh; nhưng ông đã không làm điều đó và trước khi bị chết, ông vẫn nói những điều như ông đã phát minh. Ngày nay La Mã vẫn còn và những sự thật vẫn còn. Ai muốn nghiên cứu lịch sử thì hãy đọc sách hoặc đến tận chỗ để xem thì có lẽ tận tường hơn; nhưng một điều căn bản mà chúng ta phải hiểu là không có gì nhất định cả. Vì mọi vật đang thay đổi; nên pháp cũng phải thay đổi vậy thôi.

Sau khi thăm nhục thân Bồ Tát tại Tashichhodzong phái đoàn chúng tôi về lại khách sạn và chuẩn bị hành lý để đi Punakha và sẽ không về lại đây nữa. Đường đi từ Thimphu đến Punakha không xa mấy, cách Thimphu về hướng Đông độ chừng 77 cây số; nhưng xe chạy qua đèo, quanh đi quanh lại phải tốn đến 4 tiếng đồng hồ. Punakha nằm cạnh con sông Mo Chhu (con sông mẹ) và Pho Chhu (con sông cha).

Trên đường đi chúng tôi nhìn ngắm hai bên thật thỏa chí. Ai mệt thì nghỉ và thỉnh thoảng cũng có những cánh đồng xanh đầy đó, có bầy chim hay bầy quạ bay ngang vỗ cánh kêu lên thút thanh mấy tiếng như nhắc nhở mọi người là đừng quên cảnh đẹp thiên nhiên đây nhé!

Anh tài xế xe nhỏ đưa chúng tôi đến khách sạn trước; nhưng theo chúng tôi được biết là vị Thị Trưởng thành phố Punakha đang chờ ở đó cũng như Đại Sư Giám Viện. Do vậy tôi hỏi anh tài xế là nên đưa chúng tôi đến Tu Viện Punakha gấp. Mà thật thế, khi xe nhỏ chúng tôi đến thì xe Bus đưa đoàn của chúng tôi cũng vừa đến. Lúc đến đây ai cũng mệt; nhưng nhìn chung quanh Tu Viện rất đẹp; nhất là những hàng cây trở bông màu tím vậy kín cổ cung. Hai bên Tu Viện là 2 con sông với dòng nước êm ả đang lững lờ trôi. Quả là một phong cảnh rất hữu tình.



Cổ Cung và bây giờ là Tu Viện Punakha Dzong

Ở đây xin nhắc qua một chút lịch sử của Punakha Dzong. Tu Viện này là một Tu Viện quan trọng đứng hàng thứ 2 của Bhutan. Nhiều năm về trước cho đến đời vua thứ 2 thì nơi đây là thủ đô của chính phủ. Việc kiến tạo Punakha được Guru Rimpochi mô tả như sau: "... Có một người tên là Namgyal muốn đến một ngọn đồi và thấy đó như là một con voi". Sau đó Shabdrung đến Punakha và thấy rằng đây là một nơi như con voi đang nằm ngủ, nằm yên 2 bên con sông Mo Chhu và Pho Chhu. Đây là nơi nên xây một Tu Viện.

Tu Viện này được bắt đầu xây năm 1637 và hoàn thành vào những năm sau đó. Tên đầu tiên là Druk Punythag Dechhen Phodrang có nghĩa là cung điện đại hỷ. Sau đó thì bị Tây Tạng chiếm đóng vào năm 1639. Chiến tranh cũng đã làm hư hại rất nhiều. Tăng Sĩ Shabdrung thành lập Tu Viện này với 600 vị. Khi mà thủ đô được dời về Thimphu thì Punakha vẫn được xem như là cung điện mùa Đông với sự có mặt của chư Tăng đại biểu. Tu Viện cũng là trụ sở của chính phủ. Khi Punakha còn là thủ đô thì Vua Jigme Dorji

Wangchuck cũng đã tập trung các đại biểu về đây dự hội nghị vào năm 1952.

Tu Viện Punakha Dzong này chiều dài 180 mét, ngang 72 mét, có độ cao của 6 tầng lầu. Tháp chuông bằng vàng được xây dựng vào năm 1676 bởi Punakha Dzong Gyaltsen Tenzin Rabgye. Một cây cầu được xây qua giữa 2 sông bắt ngang qua Tu Viện được xây năm 1720 đến 1730 thì hoàn thành. Ngài Shabdrung Ngawang Namgyal đã viên tịch nơi đây và nhục thân của Ngài cũng đang tôn trí tại Machey Lhakhang trong Tu Viện này. Không phải là ai cũng có thể vào đây và có thể mở cửa được. Ngoài 2 Lạt Ma Machin Zimpon và Machin Simpon ra thì chỉ có nhà Vua và vị Je Khenpo mới có thể vào phòng này. Cả 2 vị này vào đây để cầu nguyện trước khi họ lâm triều.

Đầu tiên thì vị Thị Trưởng thành phố Punakha tên là Drabi Lopen tiếp chúng tôi khi mới xuống xe. Hôm ấy ông ta mặc đại lễ phục của triều đình, có gươm báu đeo bên mình, theo sau là quân lính hầu; cũng như đứng chào chúng tôi ở tư thế là một quốc khách. Vị Thị Trưởng nói tiếng Anh rất lưu loát. Đường lên Tu Viện có 3 ngõ. Ngõ giữa chỉ để dành cho Vua và các bậc Đại Sư đi. Hôm đó tôi được hân hạnh đi con đường này. Đường 2 bên dùng cho quan và dân đi, và phái đoàn đã đi con đường đó.

Chụp chung với vị Thị Trưởng thành phố Punakha và các vị Dân Biểu địa phương

Đường nào thật ra cũng dẫn đến một đích duy nhất thôi; nhưng ngày xưa thì có phân chia ra như thế; chứ bây giờ đã dân chủ nhiều rồi; không có còn phân biệt nặng nề giữa vua và dân cũng như giữa người lãnh đạo và thân tộc nữa. Mới đây nước Đức có một điều đặc biệt mà truyền hình nhà nước vẫn thường hay lưu tâm chiếu đi chiếu lại nhiều lần như sau:

Sau khi ông Schröder lên làm Thủ Tướng của nước Đức, ông ta muốn tìm lại người cha đã mất tích sau đệ nhị thế chiến và cuối cùng thì nhân lễ Phục Sinh năm 2001 người ta đã tìm ra tông tích là mồ mả của cha ông Thủ Tướng hiện chôn tại một vùng nhỏ ở Tiệp Khắc và gia đình còn lại là Mẹ già, em trai, chị gái đang sống tại Thổ Nhĩ Kỳ. Bây giờ thì họ nhìn lại nhau, chứ ngày trước không biết vì lý do gì mà gia đình bỏ ông Thủ Tướng sống một mình nơi nước Đức, còn mọi người thì lưu lạc sang Đông Âu. Câu hỏi ấy vẫn chưa được trả lời. Có lẽ lý do chiến tranh là chính; nhưng cũng có thể vì đông con quá nuôi không nổi cho nên gia đình đẩy ông ta đi xa hơn để tự sống. Thế rồi ông ta làm đủ thứ nghề. Từ nghề đồ gốm cho đến đi bỏ báo và tự học từ nhỏ đến lớn. Đến khi đang học Đại Học thì cực hơn, ban ngày đi làm và ban đêm đi học để cuối cùng tốt nghiệp Tiến Sĩ và ông cũng đã tham gia chính trị để leo lên đến tột đỉnh của quyền uy trước khi làm Thủ Tướng của nước Đức ông là Thủ Tướng của Tiểu Bang Niedersachsen thuộc Đảng SPD đang cầm quyền.

Thế rồi mùa tranh cử năm 1998 vừa qua SPD đã thắng và ông ra tranh cử chức Thủ Tướng cũng đã thành công. Riêng nói về cuộc đời của ông thì quá khổ sở, có 3 hay 4 đời vợ; nhưng bà nào cũng có vấn đề rồi ly dị. Lương của ông phải phân chia cho nhiều bà nên chẳng còn lại là bao nhiêu. Bây giờ sau khi làm Thủ Tướng ông đã tìm lại cội nguồn và đã gặp lại tất cả. Những bà chị và em của ông nói tiếng Thổ rất rành và khi mặc đồ Thổ thì người ta không thể phân biệt được là người Thổ hay người Đức nữa. Em ông làm thợ ống cống. Chị ông làm trong các tiệm tạp hóa vẫn bình thường như mọi người. Chỉ có điều là tên họ của họ đã đổi khác và

họ vẫn còn nói được tiếng Đức rất rành. Nếu là người Việt Nam mà làm lớn như thế thì cả họ được nhờ rồi, chứ nói gì đến anh em trong gia đình.

Khi phỏng vấn bà chị của ông Thủ Tướng thì bà ta cho biết rằng tôi rất vui khi em tôi làm Thủ Tướng; nhưng khi tôi đến thăm em tôi thì không phải tôi thăm Thủ Tướng mà tôi thăm đứa em bé nhỏ của tôi tự thuở nào. Đúng là một câu trả lời tuyệt mỹ vậy. Đa phần khi người ta "giàu thì bỏ bạn, sang thì bỏ vợ"; nhưng ở trong trường hợp này chúng ta có nhiều bài học để rút tỉa ra lắm.

Thứ nhất không phải là: Thời thế tạo ra anh hùng mà chính khả năng của ông Schröder tự vươn lên trong cuộc sống và tự tin ở chính mình nên mới được như ngày hôm nay, trong khi em ông vẫn là những người dân lao động rất bình thường và vẫn bị thất nghiệp như bao nhiêu người khác vậy.

Thứ hai là không bao che, bẻ phái hay gia đình trị. Nghĩa là bốn phận của ai nấy làm. Điều này khác hẳn với các chế độ vua chúa ngày xưa và các chế độ độc tài hay Cộng Sản ngày nay có mặt khắp nơi trên thế giới.

Cùng với các quan chức địa phương.

Khi chúng tôi vào trong Tu Viện thì mới thấy cái hùng vĩ của cổ cung này. Đi đâu cũng thấy lính hầu và cột nhà, cột chùa, cột cung điện, tất cả đều được bao bọc bởi vàng lá có chạm hình rồng nổi. Khi chúng tôi lên đến tầng trên cùng thì có gặp vị Đại Sư Dasho Dzongda, giống như là Tu Viện Trưởng của Tu Viện này. Được biết tại đó có 350 Tu Sĩ đang tu học; nên Sư Bà Bảo Quang, Ni Sư Diệu Phước và một số Phật Tử khác hùn tiền lại để cúng dường một cách phở đồng mỗi vị 30 Nu.

Chúng tôi cũng được biết là chùa đang chuẩn bị đốt nền để chuẩn bị cho pháp hội Di Đà; nên mọi người đều chung tiền để hỗ trợ công việc Phật sự ấy. Khi quý vị đánh lễ, tôi có giới thiệu về truyền thống Ni bộ Việt Nam cũng như những Phật Tử đi cùng cho Đại Sư nghe. Nghe xong, Đại Sư có cho mỗi người một sợi chỉ thì phải và bảo rằng để bảo hộ cho tâm thân; chứ nhiều khi đi xe bị tai nạn hay máy bay có sự cố, thì chính những sợi chỉ gia trì này sẽ giúp cho. Lúc ấy chúng tôi chẳng để ý, mà dẫu cho có người để ý đến nữa thì cũng nghĩ

rằng mình đang ở trong hoàn cảnh tốt làm sao có những sự cố như thế được.



Phái đoàn chụp ảnh lưu niệm trước cổ cung

Ở đời có nhiều việc mình không chờ đợi; nhưng nó vẫn đến để trả nghiệp. Hoặc ngược lại có nhiều việc mình chờ đợi mà nó vẫn không đến. Đó là duyên chưa thành thực, chín muồi vậy. Âu tất cả cũng là nhân duyên thôi. Giống như tôi đi Bhutan cũng là nhân duyên, mà tôi bị ở lại Bhutan mấy ngày cũng là việc bị nhân duyên chi phối mà thôi; chứ không có gì khác cả.

Vì Tu Viện đang tu bỏ; nên chúng tôi không có chỗ lễ Phật nơi chánh điện. Tuy nhiên chúng tôi được chiêm ngưỡng cách tạo tượng của các nghệ nhân của Bhutan cũng rất tài tình, không khác gì những nghệ nhân điêu luyện của Trung Quốc và Nhật Bản. Ở chính giữa chùa vẫn là thờ Đức Phật, cao chừng 10 mét. Hai bên thờ Ngài Liên Hoa Sanh và người

có công thống nhất Bhutan. Hình dáng các vị này là những dũng tướng; nhưng rất mực từ bi.

Ở giữa sân Tu Viện này có một cây Bồ Đề rất lớn. Tôi không hiểu nổi là khí hậu ở đây rất lạnh mà vẫn trồng được cây này; trong khi ở xứ Đức, tôi trồng cây Bồ Đề 20 năm; nhưng vẫn còn nằm trong một chậu kiếng. Kể ra việc thực hiện sự giác ngộ, giữa Đông và Tây có nhiều điều khác nhau lắm. Cũng ví như ngày nay Phật Giáo đã tràn vào phương Tây, thôi thì đủ Mode, đủ cỡ, đủ loại. Thật là trăm hoa đua nở. Đẹp chứ có sao đâu; nhưng thịnh thoảng cũng có nhiều loài hoa mang theo những tai họa dị ứng cho kẻ khác.

Người Tây Phương không nặng về hình thức tín ngưỡng đã đành; nhưng tin Phật Giáo chỉ có Thiền Tông không thì quả rằng chưa đủ. Người ta nghĩ rằng Thiền có thể giải quyết mọi vấn đề; nhưng điều đó hẳn không đúng. Vì Phật dạy có vô lượng pháp môn tu để đi đến chỗ giải thoát; chứ không phải chỉ duy nhất có một con đường độc tôn như thế. Hiện tại ở Đức có ít nhất là 450 Tu viện, Chùa, Trung tâm Thiền học Phật Giáo và cũng đã có nhiều Cư Sĩ đi tu, trở thành Tăng Sĩ của các truyền thống Phật Giáo Nhật Bản, Đại Hàn, Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan, Tây Tạng v.v... nhưng cũng có nhiều Cư Sĩ chuyên để diễn giảng Phật học cho các tầng lớp Cư sĩ khác.

Phái đoàn chúng tôi ra về mà lòng băng khuâng nhớ nghĩ về quê hương, trong đó có bài thơ "Thăng Long Thành Hoài Cổ" của Bà Huyện Thanh Quan. Chắc là ai cũng đã rõ và nhất là bài: Cố đô giờ đã ra sao? của Thượng Tọa Thích Tịnh Đức, thì trong lòng tôi sao mà nó xao xuyến lạ lùng. Đến đây cũng để học hỏi thêm rằng Phật Giáo tại xứ Bhutan này đã giúp cho quốc gia phát triển về chiều sâu của tinh thần thật không có bút mực nào tả hết được. Nhờ Phật Giáo mà môi sinh mới được tôn trọng như thế. Nhờ Phật Giáo mà quê hương này mới được đề ý đến và phải nói rằng nhờ những Vua là những Phật Tử thuần thành nên mới tôn trọng đức tin

và thể hiện đức tin này vào con người cũng như sự vật; nên mới có thể thành tựu như vậy đó.

Khi về khách sạn Zangto Pelri thì được biết rằng khách sạn này do vợ của ông Bộ Trưởng Văn Hóa đứng trông nom và khách sạn này xây theo cách Tây Phương nên rất thoáng mát cũng như sạch sẽ. Tối đó tôi không ăn cơm nước được nữa, mà nằm liệt nơi giường. Có quý Thầy, Cô và Phật Tử đến thăm cũng như cạo gió. Hầu như lần nào tôi đi hành hương cũng đều bị như thế cả. Có lẽ vì đã gắng sức quá nhiều; nên đã không đủ lượng Vitamin C dự trữ trong người. Thế là thuốc và thuốc tới tấp bay vào phòng ở của tôi.

Ai cũng lo vì tôi là Trưởng phái đoàn mà bị đau và phải ở lại nhiều ngày tại đây thì nguy lắm. Nhưng dù sao đi nữa khách sạn này cũng đẹp; nên chúng tôi đã yêu cầu được ở lại thêm một ngày nữa. Một phần để dưỡng sức và một phần để chiêm nghiệm cảnh đẹp của thiên nhiên tại đây. Nếu trong đoàn có Bác sĩ thì lúc ấy tôi đã đỡ rồi; nhưng lần này đi chẳng có Bác sĩ nào đi theo; nên tôi đành nằm đó để chờ cho khỏe.

Sáng hôm sau khi mặt trời chiếu qua song cửa sổ thì tôi cũng đã bắt đầu thấy khỏe khoắn lại. Cố gắng lên dùng cháo và có gặp một số người Nhựt tại đây. Dầu sao đi nữa ngày hôm ấy là một ngày trọng đại, tôi không thể không đi được.

Chương VIII

Thế giới tây phương cực lạc

Sáng hôm 28 tháng 4 năm 2001 thì tôi đã bắt đầu khỏe và có thể lợi bộ được. Do vậy mà tôi đã quyết tâm sẽ đi cùng đoàn. Vì hôm ấy sẽ gặp hai vị quan trọng trong Hội Đồng Cố Vấn của nhà Vua. Tất cả hai vị đều là Tăng Sĩ. Một vị đề tóc tu theo phái có gia đình và một vị khác sống độc thân và đương kiêm Phó Tăng Thống của Bhutan.

Đường đi từ khách sạn Zangto Pelri đến Nyinzer gang không khó lắm và cũng chẳng xa bao nhiêu. Độ chừng 15 phút lái xe là đến; nhưng phái đoàn chúng tôi phải đi bộ lên núi mất khoảng hơn một tiếng đồng hồ. Dọc đường tôi thấy hôm đó có họp chợ ngoài trời. Mọi người ở thôn quê đem tất cả những sản phẩm trồng được ra đây bán. Thế là cả đoàn người đi ngoại giao của chúng tôi đều vui mừng. Mọi người ùa nhau xuống xe; kẻ chụp hình người quay phim, người trả giá để mua một món hàng nào đó. Không khí thật là vui. Khi mua xong ai cũng thử tính lại mấy đồng Đức Mã, thì giá cả chẳng là bao, rẻ hơn 10 lần tại Đức; nhưng có điều là cam không có nước; chuối chẳng ngọt mà còn bé tí teo nữa. Ngoài ra rau cỏ cũng ít xanh hơn những nơi khác tại Âu Châu. Để an ủi với nhau, mọi người nói rằng: Đây là miền núi mà! Thế rồi cũng qua đi.

Ông Thị Trưởng đã đón chúng tôi tại dưới chân cầu để đưa sang lên chùa trên đỉnh núi. Từ dưới chân núi đã thấy chùa; nhưng đi mãi mãi vẫn còn xa. Đâu đó hai bên đường đi bộ có những ruộng lúa đang chứa đầy nước. Thỉnh thoảng cũng có một ít ruộng trồng đậu và củ môn. Trông thật hữu tình. Cảnh ở đây đẹp quá. Dân chúng thì nhàn nhã. Mà con người lại an lạc hạnh phúc.



Chùa Cúc Lạc

Dọc đường đi tôi có hỏi ông Thị Trưởng rằng :

- Tại làm sao ngày xưa các vị Đại Sư làm chùa xa và cao như vậy?

Ông ta trả lời rằng:

- Sở dĩ có điều đó, ở đây có 2 vấn đề. Vấn đề thứ nhất là các vị Đại Sư muốn xa lánh thế tục nhiều chừng nào tốt chừng ấy. Điều thứ hai chỉ những kẻ có lòng mới lên tới chùa mà thôi. Còn những người thiếu nhân duyên thì không.

Đây là hai lý do chính. Còn những lý do phụ không phải là không có. Dọc đường đi có những vòi nước lạnh để cho khách hành hương hứng rửa mặt cho mát dạ, mát lòng. Hoặc giả rửa sạch mọi bợn nhơ trước khi vào cõi thanh tịnh.

Khi đến cửa thì chuông trống, tù và đã thổi lên để đón phái đoàn và tôi để ý thấy phía bên phải của cổng chùa cũng có hun khói thông như chùa hôm trước đã đón chúng tôi, là một nghi lễ để dành nghinh đón các bậc Đại Sư vậy.

Ngài Phó Tổng Thống đang chủ trì pháp hội Di Đà trong 21 ngày ở đây cũng đang có mặt để đón phái đoàn và

chúng tôi cũng đã trao tịnh tài cúng dường cho chùa cũng như Tăng chúng. Ngài Phó Tăng Thống đã biết rất rõ về sự liên hệ giữa phái đoàn và Phật Giáo Bhutan qua việc Expo năm 2000 tại Hannover vừa qua.



Ngài Phó Tăng Thống Dorji Lopen

Trao tịnh tài cúng dường.

Hôm đó phái đoàn chúng tôi được ngồi ở ngoài trời, trước hiên chùa để đàm đạo. Vì bên trong đang có Pháp Hội. Ngài Phó Tăng Thống không nói tiếng Anh được; nên phải nhờ anh Kunzang thông dịch. Chúng tôi được biết Ngài là một trong sáu vị quan trọng trong Hội Đồng Cố vấn của Hoàng Gia Bhutan. Kế tiếp bên tay trái của chúng tôi là Ngài Khamsum Yuley Namgyel Chorten tu theo phái có gia đình và là Thầy của Vua. Ông ta đầu để tóc, mặc áo đỏ, đắp y trắng và pha nhiều màu khác nhau.

Chúng tôi gọi cuộc gặp gỡ này là Tương Kiến Quốc Sư đương triều. Đúng là một đại nhân duyên. Mà nhìn dung nghi của các Ngài cũng xứng với địa danh này quá; như những Ông Tiên thoát tục đang ở chốn Cực Lạc Tây Phương này.

Anh Kunzang thông dịch cho vị Phó Tăng Thống và Quốc Sư.

Hôm đó chúng tôi được đãi nước giải khát Coca-Cola hay Fanta được ướp lạnh. Vì trời hôm ấy rất nóng. Có lẽ chừng 30 độ C. Các Ngài đưa chúng tôi lên tầng một, rồi tầng hai, rồi tầng ba, rồi nhiều tầng nữa ở phía bên trên. Đi theo lối nhiều Phật. Nghĩa là đi từ bên trái qua bên phải theo chiều xoay của kim đồng hồ. Mỗi một Pháp Hội như thế chư Tăng tụng kinh rất trang trọng. Lời kinh cao vút, chuông mõ, linh tang nhịp nhàng như nhắc lại mọi người phải mau tu kéo trễ đây. Mọi người cứ thế mà lễ bái và phát tâm cúng dường. Có lần tôi sắp để tiền lên bệ thờ thì thấy trên bàn ấy có để những lát thịt tươi chung với ngũ cốc để cúng Phật. Sau này hỏi ra mới biết vì chư Phật muốn độ sanh, phải hiện ra những hình thức khác nhau; cho nên nhu cầu cũng khác nhau vậy. Đa phần chư Tăng và Phật Tử Bhutan không ăn chay: nên cả phái đoàn chúng tôi đi đâu cũng dùng chay; nên họ phải hỏi đi hỏi lại rất kỹ, trước khi nấu cho đoàn một món gì để dùng.

Lên trên đỉnh chùa đèo mắt nhìn chung quanh toàn cảnh thì đứng rồi, đây là thế giới Tây Phương mà. Cảnh vật đẹp tuyệt vời, giống như trong kinh A Di Đà đã tả. Thế là

phái đoàn của chúng tôi đã có cơ duyên về Tây Phương Cực Lạc tại Bhutan rồi đó. Ngài Phó Tăng Thống bảo rằng sau những Pháp Hội như thế, thì chư thiên có rải hoa cúng dường hoặc mưa hoa chúc mừng. Ai nghe cũng sinh tín tâm; nhưng chờ đến lúc ấy thì có lẽ còn phải cần nhiều ngày ở lại đây nữa mới được.

Ngài có cho biết rằng nơi đây cũng là trung tâm của vũ trụ. Vì lễ từ Hy Mã Lạp Sơn này lời cầu nguyện sẽ được vang dội đi khắp nơi trong cõi Nam Diêm Phù Đề và nếu chúng sanh biết tu, bỏ dữ làm lành thì trước sau gì cũng sanh về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Lúc đi xuống thì Ngài cáo từ để vào Pháp Hội trở lại ở tầng ba. Còn đoàn chúng tôi tiếp tục xuống phía dưới và Quốc Sư đã tiễn đưa chúng tôi ra tận đến ngõ.

Lúc xuống núi thì rất dễ dàng. Vì vậy cho nên mọi người đi như chạy. Dọc đường chúng tôi có gặp một số người từ Thimphu và Paro đến hành hương. Họ hỏi anh Kunzang có phải tôi là một vị Lạt Ma không ? Sau đó họ lần lượt đưa đầu và cúi thấp xuống để tôi lấy tay để lên đầu họ và làm lễ chúc phúc. Theo truyền thống của Phật Giáo Tây Tạng và Bhutan khi đi hành hương mà gặp được những vị Tăng Sĩ như thế là một điềm lành. Hôm đó họ về nhà sẽ kể cho vợ con họ, cho gia đình họ và cho xóm làng rằng họ đã gặp được những vị Lạt Ma. Đó là một niềm vui, một hạnh phúc lớn.

Quả thật mỗi dân tộc có một quan niệm khác nhau. Mặc dầu người Bhutan nghèo hơn các xứ khác tại Á Châu và Âu Châu; nhưng họ không khổ. Bằng chứng là không có một người đi xin ăn tại đất nước này. Họ không có trộm cướp và tà đạo. Như vậy toàn dân họ đã thực hiện đúng tinh thần ngũ giới nên họ mới được an lạc.

Theo luật định thì người Bhutan không được giết cá. Chẳng biết lý do tại sao ? Có lẽ vì xứ Bhutan hiếm cá; nhưng cũng có thể là một lý do nào khác nữa cũng nên. Nếu có ai đó bán cá thì người Ấn Độ chứ không phải là người Bhutan.

Cũng hết như thế, người Tây Tạng không giết những con trâu rừng để làm thịt. Chỉ có những người theo đạo Hồi mới làm việc đó mà thôi. Đây là lý do tôn giáo và cũng có lẽ thuộc truyền thống hay định kiến của một phong tục như vậy.

Tôi không biết người Ấn Độ bắt cá ở vùng nào để đem bán cho người Bhutan, chứ nhìn dưới nhiều dòng sông gần đó chẳng thấy bóng một con cá nào cả. Vì nước đây rất trong, không rong rêu và rất lạnh. Nước từ độ cao mới chảy xuống; nên chẳng có con cá nào dám sống tại đây. Nên đôi lúc cũng có những con sông có tên là dòng sông không có cá. Có lẽ người Ấn Độ khi định cư ở đây họ mang cá từ Ấn đến đây để bán cũng nên.

Không bán cá; nhưng ăn thịt những con trùu trông cũng rất là tội nghiệp. Tôi đã chứng kiến mấy lần trên đường đi và tại Thimphu. Họ xẻ thịt con trùu và phanh thây ra từng mảnh. Có nơi ăn không hết phải đem phơi khô dọc theo hai bên bờ tường. Trông mà tội nghiệp. Cách tốt nhất là không nên sát sanh và không nên ăn thịt chúng sanh để giữ gìn lòng từ bi đối với muôn loài.

Ngày nay nhờ những dịch của bò và heo, gà tại Âu Châu; nên có rất nhiều người không còn muốn ăn thịt nữa. Vì sợ lây bệnh. Ở xứ Đức này nghe đâu có khoảng 3 triệu người không ăn thịt, mà chỉ ăn toàn là rau cải, đậu nành. Cho nên Phật Giáo Việt Nam chúng ta khi giới thiệu về thức ăn chay trong hoàn cảnh này thì người Đức rất hoan hỷ và chấp nhận một cách dễ dàng.

Chúng tôi rời chùa Di Đà hay nói đúng hơn là thế giới Tây Phương Cực Lạc trong luyến tiếc ngậm ngùi. Vì ở đây lòng người hòa chung với cảnh vật đẹp quá, mà có lẽ trong trần gian này những nơi mà tôi đã tới chưa có cảnh nào bằng. Không biết bao giờ tôi mới trở lại đây nữa; nhưng dầu cho ở đâu trong kiếp nhân sinh nào đi chăng nữa tôi cũng sẽ không quên khung cảnh hôm ấy đã gặp gỡ Quốc Sư đương triều và

vị Phó Tăng Thống của Phật Giáo Bhutan tại chùa Di Đà này vậy.

Lễ ra sau khi dùng cơm trưa xong tại khách sạn là chúng tôi phải đi về lại Paro để ngày 30 tháng 4 chúng tôi về lại Đức và Âu Châu; nhưng trong đoàn ai cũng mệt; nên muốn ở lại đây thêm một ngày nữa. Nói cho đúng, chỉ một buổi chiều và một đêm nữa thôi. Sau khi anh Kunzang gọi về Thimphu thì Bộ Ngoại Giao đồng ý.

Chiều hôm đó chúng tôi nghỉ ngơi; một số đi dạo và một số khác đi chợ. Đến 16 giờ chiều thì có Thầy của 2 Thầy Gap và Dorji đến thăm phái đoàn cũng như giảng pháp. Hôm đó Hòa Thượng nói về cách ngồi Thiền và phương pháp tu của Ngài Quán Thế Âm. Ngài nói tiếng Tây Tạng và tiếng Bhutan. Hai Thầy kia dịch ra tiếng Anh và Thầy Thông Trí dịch ra tiếng Việt. Đại để thì kinh văn ở đâu cũng giống nhau. Chỉ có cách hành trì của người Phật Tử mới là điều quan trọng.

Đêm hôm đó chúng tôi ngủ một giấc ngon lành để chờ cho sáng sớm hôm sau ngày 29 tháng 4 năm 2001 thì xe chở về Paro để chuẩn bị về Âu Châu. Trên đường đi có ghé thăm một Tu Viện của nữ giới Bhutan. Đó là đề nghị của Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm. Do vậy mà phái đoàn cũng ghé vào; nhưng sau khi vào đây rồi, ai cũng tỏ ra thất vọng; nhất là những nhân viên chính phủ. Vì lẽ trong chương trình thăm viếng không có Ni Viện này.

Họ sống không có tổ chức như bên Tu Viện của chư Tăng. Đặc biệt là không sạch sẽ. Lễ ra bên Ni phải chu đáo vấn đề này mới phải; nhưng ở đây thì ngược lại. Khi vào chánh điện quá âm u và Sư Mẫu già mệt nên không tiếp. Sư Mẫu là vợ của một Lạt Ma đã viên tịch, mà vị này có công gây dựng lại truyền thống của Ni giới; nên đa phần người nữ đều nương tựa nơi đây; nhưng thực ra chẳng hoặc chưa có một tổ chức nào cả cho Ni giới ở xứ này. Ngay cả Phật Giáo Tây Tạng cho đến ngày nay vẫn còn một khoảng không rất to

tướng về trường hợp này. So ra như vậy để thấy rằng Ni giới Việt Nam, Đại Hàn, Trung Quốc và Nhật Bản là những nơi được giới luật bảo vệ một cách rõ ràng. Đó là một phước duyên vậy. Chỉ thăm ngắn thôi; nhưng cuối cùng Sư Mẫu cũng ra tiếp phái đoàn; nhiều người trong chúng tôi cũng tỏ ra thất vọng; nên muốn hỏi hã về Paro cho rồi.

Đến Paro lúc quá trưa và khách sạn Olathang là một khách sạn đẹp cho nên mọi người tương đối hài lòng. Nghỉ ngơi một chút, chiều ngày 29.4 ấy chúng tôi đã đi thăm Viện Bảo Tàng Quốc Gia và nơi Ngài Liên Hoa Sanh phi thân qua xứ khác.

Khi Thượng Tọa Thích Quảng Bình thăm Viện Bảo Tàng Quốc Gia xong Thầy phát biểu rằng nước Việt Nam mình xưng là mấy ngàn năm văn hiến và Phật Giáo Việt Nam cũng đã có mặt gần 2000 năm trên quê hương ấy; nhưng chưa có một công trình nào như thế này cả, quả là đáng buồn và cũng nên xét lại những việc Phật sự của chúng ta.

Lời nói ấy không sai chút nào. Vì chúng ta có ra đi như thế chúng ta mới có cơ hội để so sánh và học hỏi lẫn nhau. Một đất nước như Bhutan, chỉ có gần một triệu dân; diện tích chỉ 47.000 cây số vuông; nghĩa là về dân số bằng một phần tám mươi (1/80); về diện tích bằng một phần tám (1/8); thế mà họ vẫn còn giữ nguyên vẹn những bản kinh văn của Ngài Long Thọ, Mã Minh, Vô Trước, Thế Thân từ mấy chục thế kỷ trước. Tuy rằng họ lập quốc chưa đến một ngàn năm. Còn nước ta bảo quản được gì ? Xin suy nghĩ lại.

Ngay cả nước Đức này cũng chỉ gần 900 năm; nước Mỹ và nước Úc cũng chỉ 200 năm; nghĩa là họ còn có sau văn chương truyện Kiều khi Nguyễn Du dịch thành thơ lục bát nữa. Lúc ấy đã là một tuyệt tác rồi; nhưng bây giờ ngoảnh mặt lại thì họ đã chạy đằng trước ta, chứ không còn đi sau ta nữa.

Trong Viện Bảo Tàng Quốc Gia này đa phần tàng chứa những bức tranh Phật và những tượng Phật cũ. Sau đó là những dụng cụ dân dụng hay các con thú hiếm hoi của

Bhutan. Ngoài ra họ cũng còn bảo lưu những cây cỏ rất quý giá của xứ này. Ông Giám Đốc Viện Bảo Tàng là một Tiến Sĩ, tốt nghiệp tại Anh quốc, tiếng Anh rất trôi chảy, vừa giới thiệu cho đoàn chúng tôi những bức tranh và đồng thời cũng vừa hãnh diện cho nền văn hóa nghệ thuật của họ.

Viện Bảo Tàng này nằm tại Paro, cách phi trường không xa mấy. Trước đây là một pháo đài được xây dựng lên để chống lại người Tây Tạng. Đặc biệt người Bhutan rất ghét người Tây Tạng, Vì Tây Tạng đã 3 lần xâm lăng Bhutan và 3 lần đều thất bại. Do vậy cái gì không vừa ý hoặc xấu nhất thì họ bảo: sao mà giống Tây Tạng quá vậy. Ngay cả bây giờ họ vẫn còn sử dụng tiếng Tây Tạng khi tụng kinh, đọc chú; nhưng những đau đớn của quá khứ họ vẫn chưa quên được. Trong trường hợp này có lẽ cũng không đi ra ngoài luật nhân quả như Trung Quốc và Việt Nam. Trong khi Trung Quốc đi xâm chiếm các nước khác thì Mông Cổ đem quân sang chiếm Trung Hoa. Trong khi Việt Nam đã thôn tính một dân tộc Chăm và các dân tộc lân cận thì Trung Quốc đem quân thôn tính Việt Nam. Đúng là nhân nào quả nấy vậy. Chỉ có những dân tộc bị thôn tính là mất mát mà thôi.

Ở thế kỷ thứ 21 này việc đi chiếm giữ thuộc địa không còn bành trướng nữa. Chỉ có quốc gia nào mạnh về kinh tế và ngoại giao thì quốc gia ấy sẽ nắm vai trò chỉ đạo. Ngay cả mạnh về quân sự trong hiện tại cũng không giúp ích gì cho quốc gia. Bằng chứng là trong hiện tại có nhiều nước không có Bộ Quốc Phòng

Sau khi thăm Viện Bảo Tàng Quốc Gia rồi, phái đoàn chúng tôi đến thăm một ngọn núi mà nơi đó tương truyền rằng Ngài Padmasambhava (Liên Hoa Sanh) đã phi thân từ đây sang Tây Tạng và Sikkim để truyền bá Đạo Phật và sau đây là một chút lịch sử về Ngài.



Nơi Ngài Padmasambhava (Liên Hoa Sanh) phi thân.

Ngài còn có tên là Guru Rimpoche, cũng còn được gọi là một Đạo Sư tôn quý và Ugyen Rimpoche. Padma tiếng Sanskrit có nghĩa là hoa sen và bắt nguồn từ tiếng Tây Tạng. Tiếng Bhutan gọi là Pema; sambhava nghĩa là sanh ra từ. Ngài có một lịch sử rõ ràng sinh ra trong thế kỷ thứ 8 và sự sinh ra của Ngài đã được Đức Thích Ca Mâu Ni tiên đoán. Ông ta cũng được xem như là Đức Phật thứ hai, có năng lực siêu phàm cũng như trí tuệ.

Hình ảnh của Ngài rất quan trọng đối với Phật Giáo Bhutan. Ngài để lại dấu ấn về hình của Ngài trên đá gần thung lũng Choskhoz tại Bamtlang. Khi ngôi chùa Kurjey Lhakhang được xây dựng thì hình ảnh của Guru Rimpoche cũng còn tồn tại nơi đây. Những tượng mà đang được thờ tại Bhutan là những tượng mà Ngài đã sang Bhutan từ năm 746 Tây lịch.

Ngài sinh ra tại Uddiyana nằm ở thung lũng Swat, bây giờ thuộc Pakistan. Ngài cũng đã dùng thần lực để đến nhiều lần tại Tây Tạng, Népal, Bhutan, ngôi thiên trong nhiều hang động, mà nơi nào Ngài đã ở, nơi đó có rất nhiều lực gia trì. Với tiểu sử của Ngài cũng giống như người bình thường,

không là một Đạo Sư; nhưng qua việc tu luyện cũng như đời sống của Ngài mà người ta gọi Ngài là một Đạo Sư.

Được biết rằng Ngài sinh ra lúc 8 tuổi trong một hoa sen xanh tại hồ Danakosha ở Uddiyana và được nhận làm con nuôi của vua Indrabodhi. Sau đó Ngài sống trong vương tộc cũng như được huấn luyện và xuất gia với Ngài Prabhahasti ở động Maratriha gần làng Harische ở miền Đông Népal. Cũng có nghĩa là Shakya Senge (Sư Tử dòng học Thích). Với thể thức này Ngài Padmasambhava được dự đoán bởi Đức Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni.

Sau khi đã học về Kim Cang Thừa của những vị Đạo Sư người Ấn Độ, Ngài đã có đầy đủ năng lực và được xem như là một vị Thánh. Ngài cũng đã kết hôn với Mandarava công chúa con vua Zahor thuộc Pradesh của Ấn Độ. Với ảnh hưởng của nhà vua cũng như năng lực của Ngài mà biến hoàng tộc ấy thành Phật Giáo. Nên gọi Ngài là Padmasambhava.

Khi Ngài đến Bhutan lần thứ hai và thăm viếng Singye Dzong ở Kurtoe cũng như Taktshang ở Paro; Ngài biến thành Dorji Draho. Ngài đã chinh phục tất cả mọi người bằng trí tuệ siêu việt và cũng là người đã bảo hộ Phật Giáo, làm cho Phật Giáo được trở lại như lúc khởi nguyên. Nên người ta tôn kính Ngài là một Guru Rimpoche.

Lịch sử của Ngài là như vậy và trên thực tế người Bhutan, Tây Tạng cũng như Népal tôn kính Ngài như một vị Thánh vậy. Khi phái đoàn đến Taktshang ở Paro thì chỉ đứng phía dưới chân núi mà nhìn, chứ chẳng ai còn sức lực để có thể băng qua đồi núi để đi lên trên đỉnh kia được; nơi có ghi lại hình ảnh của Ngài mà bao nhiêu người đều muốn đến. Cũng đã có không biết bao nhiêu ngôi chùa được xây dựng trên đỉnh núi này.

Mấy ngày sau đó còn ở lại có một số vị lại đến đây một lần nữa. Đi len lỏi vào những hẻm núi đá cheo leo và lọt vào một động đá nơi có người tu kín, vượt qua bên đỉnh cao để

cúng dường xây dựng một ngôi chùa, chứ hình ảnh in sâu trên đá của Ngài Liên Hoa Sanh (Padmasambhava) thì không một ai thấy được. Có thể là nhân duyên chưa đến chăng ?

Sáng ngày 30 tháng 4 năm 2001 chúng tôi được hướng dẫn đi thăm một Tu Viện rất nổi tiếng tên là Rimpung Dzong; nơi mà phim Little Buddha đã mượn để đóng và trình chiếu khắp nơi tại Âu Mỹ về sự tái sinh của một chú bé người Mỹ theo truyền thống của Phật Giáo Tây Tạng. Phim này được đến 5 giải Oscar và tôi cũng đã có dịp xem phim này tại rạp chiếu phim ở Đức trong 2 năm về trước. Sau này thì phim Little Buddha cũng được trình chiếu trên truyền hình nữa. Trong khi đó thì anh Kunzang đi lo vé máy bay để chiều đó 11 vị về lại Bangkok, ngày sau về lại Âu Châu.



Tu Viện Rimpung Dzong nơi đóng phim Little Buddha.

Phái đoàn chúng tôi được vào bên trong Tu Viện và tại đây cũng có rất nhiều khách du lịch đến từ tứ xứ, đặc biệt là người Bhutan. Nơi đây nổi danh nhờ lâu đài và cũng là trụ sở của vị Tinh Trưởng Paro đang đóng trong Tu Viện này nữa. Không biết trong tâm niệm của người Bhutan họ nghĩ gì, chứ đời sống hằng ngày của họ luôn luôn gắn bó với Tu Viện và Tăng Sĩ. Ăn, ở, làm việc, học hành tất cả đều không xa rời quần chúng.

Vào bên trong thấy rất đẹp và khi hình dung lại phim *Little Buddha* thì đúng là nơi đây rồi. Nơi mà một vị Đạo Sư trước khi viên tịch có để lại những dấu ấn khả tin. Nơi mà một tâm thức đã phân ra làm 3 để đi đầu thai, trong đó có một chú bé người Mỹ. Nơi mà người cha của chú bé ấy đã theo con mình đi đến đây và đây cũng là nơi mà chú bé người Mỹ ấy đã nhận ra những vật nào thuộc về tiền kiếp của mình.

Tu Viện này lâu đời lắm. Có lẽ cũng gần 700 năm. Trước đây có lẽ là một kinh thành, xây lên để chống ngoại xâm. Vì vậy cho nên chung quanh Tu Viện được đào hố sâu, có nước ngăn chia giữa đất liền và thành. Thông qua Tu Viện là những cây cầu quay có thể kéo lên được, khi thấy rằng địch quân sắp chiếm Tu Viện và trong ấy an toàn ở lại thủ thành. Đa phần các chiến trận ngày xưa đều bày ra như thế; nhưng so với bây giờ thì hoàn toàn khác xa. Người đời nay xem họ thấy tuy công phu đấy; nhưng đã qua đi và đã vang bóng một thời là vậy.

Từ dưới chân Tu Viện

Chúng tôi vào chánh điện để tụng kinh và cúng dường, sau đó gặp vị Sư Trụ Trì cho nên chúng tôi được hướng dẫn đến một nơi trang nghiêm khác để tụng kinh cầu nguyện. Sau khi tụng kinh xong, lần này chúng tôi gặp vị Tỉnh Trưởng và ông ta có ý mời chúng tôi ở lại dùng trà; nhưng trưa hôm đó phái đoàn chúng tôi lại có dịp gặp ông ta tại khách sạn để dùng cơm chung; nên chúng tôi đã cáo từ.

Khi ra về mọi người phát hiện hai bên bờ nương nước ở gần Tu Viện có rau xà-lách-son mọc đầy dẫy mà người Bhutan chẳng biết dùng; nên đây là một nơi đã được quý Sư Bà, Sư Cô để mắt tới và những ngày sau này đã đến đó để hái và mang về lại khách sạn luộc lên hay nấu canh, ăn uống một cách ngon lành mà người Bhutan cũng phải làm theo.

Sau khi ở phi trường về thì anh Kunzang báo tin cho phái đoàn hay là máy bay bị trục trặc không bay chiều hôm nay được và đành phải chờ sửa xong mới đi. Lúc ấy tất cả những người trong đoàn của chúng tôi chẳng ai vui; chỉ trừ 6 vị còn phải ở lại chờ đến ngày 3 tháng 5 mới đi là vui hơn cả. Vì cùng về chung một chuyến.

Chúng tôi hỏi anh ta máy bay sửa bao giờ thì xong? và tại sao chúng tôi không đi được những chuyến khác ? v.v... lúc ấy Kunzang cũng chỉ trả lời những gì có thể trả lời được thôi; chứ tất cả đều nằm trong vòng chờ đợi và chờ đợi.

Chương IX

Những ngày đợi trông

Một đêm 30 tháng 4 năm 2001 tại khách sạn Olathang ở Paro hầu như chúng tôi không ai ngủ được. Chẳng phải thao thức như đêm 30.4.1975 tại Việt Nam, Nhật Bản hay bất cứ nơi nào trên thế giới, mà cái thao thức là làm sao chúng tôi có thể về lại nước Đức càng sớm càng tốt hơn. Vì ngày lễ Phật Đản của một vài chùa sẽ tổ chức vào cuối tuần đó.

Câu:

*"Thức đêm mới biết đêm dài
Ở lâu mới biết lòng ai chánh tà"*

Thật đúng với tâm trạng của chúng tôi lúc này. Mặc dầu biết rằng không được đi; nhưng chiều 30.4 đó chúng tôi đã mang vé máy bay lên phi trường để tái xác nhận lại cũng như nhờ nhân viên báo lại cho hãng China Airline là chúng tôi không có chuyến bay để về lại Bangkok; nhưng hầu như không có một sự liên hệ quốc tế như thế, cho nên đêm 3.5.2001 khi về đến Bangkok rồi chúng tôi mới tỏ rõ sự tình. Đây chính là lỗi của hãng máy bay vậy.

Ngày 1.5.2001 một số thì đi chợ, một số thì ngồi chờ, một số thì đi ngắm cảnh. Chẳng ai buồn nói đến ai điều gì. Do vậy mà có người đề nghị nên có những buổi thuyết giảng của quý Thầy để lấp đi những khoảng trống vô nghĩa đó. Thượng Tọa Quảng Bình giảng và cầu nguyện vào tối ngày 1.5 và tôi giảng vào tối ngày 2.5. Mấy ngày này chiêm nghiệm về lời nói của vị Đại Sư tại cổ cung sao mà đúng quá. Tại sao lúc ấy Ngài chúc phái đoàn không gặp tai nạn như máy bay, xe Bus v.v... mà nếu có xảy ra thì cũng không sao, khi có lực gia trì này của Ngài ban cho. Ai đó trong chúng tôi đâu có bao giờ nghĩ là máy bay gây cánh đâu. Thế mà máy

bay gãy cánh thật. Ngắt nổi chỉ có một chiếc máy bay; nên phải chờ thôi, chứ biết nói sao hơn bây giờ.

Lý do thì sau này quý vị sẽ biết và sẽ hỏi hộp dùm với chúng tôi, còn bây giờ dành sự bí mật ấy chưa nói, sẽ tiết lộ sau. Những ngày này anh Harata, người Nhật, là một Giáo sư Đại Học tại Đức, một Phật Tử thuần thành, có cơ hội để giải thích cho chúng tôi những điều huyền bí trong nhiều điều huyền bí khác nữa. Thế là có nhiều người tin, mà không tin sao được, khi những sự hiện ấy xảy ra đúng phong phúc như hai lần hai là bốn vậy.

Anh ta bảo rằng phải cầu nguyện và sám hối, phải chí thành tụng kinh, không phải một người mà nhiều người cùng hợp lực lại. Điều ấy chúng tôi tin nên đã cùng nhau làm lễ nhiều lần như vậy tại khách sạn. Cũng có người sau khi đi thăm nơi chiến thắng Tây Tạng về thì đi đến chỗ Ngài Padmasambhava thị hiện, lấy nước đem về cho mọi người dùng và chuyên tâm cầu nguyện. Lúc bấy giờ chẳng phải sợ chết, mà sợ bị cô lập nơi xứ sương mù này. Mặc dầu ở gần phi trường mà cả ngày chẳng nghe một tiếng máy bay. Vì đơn giản thôi, Hoàng gia và Chính phủ chỉ có một chiếc máy bay, mà chiếc ấy hiện đang nằm trong nhà sửa máy bay, thì âm thanh máy bay ở đâu có để mà nghe. Ngoài ra chúng tôi được biết không có một hãng máy bay nào có mặt tại đây cả, ngoài hãng Druk Air ra.

Chiếc máy bay đang trong tình trạng tu bổ

Tụng kinh tiếng Việt xong thì tiếng Đức; tiếng Đức xong lại tụng tiếng Nhật... cứ như thế và như thế lần lượt trải dài âm thanh ra vang vọng với núi rừng Hy Mã. Chúng tôi vẫn thiết tha được về; nhưng không về được, thì những lời an ủi từ Bộ Ngoại Giao cũng chỉ để vờ về mà thôi. Có vị Bộ Trưởng nói với tôi là nhiều lúc mùa Đông sương mù dày đặc máy bay chuẩn bị hạ cánh mà cũng không làm sao xuống nổi, đành bay trở lại Kathmandu hoặc Delhi. Đó cũng là một sự an ủi để cho chúng tôi thấy rằng chúng tôi vẫn còn may và còn đang ở dưới đất. Nếu máy bay sửa sớm thì chúng tôi có cơ hội bay lên dễ dàng, dầu cho có sương mù bao phủ đi nữa. Vì đáp xuống mới sợ với thung lũng nhỏ hẹp này. Còn bay lên với một bầu trời cao rộng như thế sẽ không sao! Đó là niềm hy vọng vậy.

Thỉnh thoảng thì bên Bộ Ngoại Giao có gọi sang cho tôi bảo rằng họ sẽ cố gắng thuyết phục Druk Air để cho chúng tôi về chung và nếu muốn về sớm thì bay qua Kathmandu để đổi máy bay về Bangkok; nhưng điều đó trên thực tế không xảy ra. Nếu chúng tôi có đến Kathmandu thì chúng tôi cũng nằm chờ đó thôi. Khó có máy bay để đi Bangkok, đừng nói gì là tuyến đường bay để nối Kathmandu với Âu Châu. Vì Druk Air hầu như chẳng quan tâm và không có sự liên hệ buôn bán với những hãng máy bay lớn như thế.

Sau khi nghe những lời ngoại giao như thế thì tôi báo lại toàn bộ cho mọi người trong đoàn biết. Mọi người chỉ biết thở dài thôi. Một hôm có lẽ là ngày 2.5.2001, anh Kunzang bảo rằng lên phi trường một lần nữa. Tôi vội vã thu hết vé máy bay và Passport của mọi người để cùng đi; nhưng trước khi đi Hanada nói với mọi người là chuyến đi này của tôi không thành công. Vì không có máy bay và khi về thì về chung cùng một lúc; chứ không ai về trước hoặc sau gì cả. Đây là một sự tiên đoán, mà cũng là một thần giao cách cảm;

đúng 100 phần trăm nên đã có nhiều người tin. Ngay cả việc chữa bệnh của anh ta cũng thế. Riêng tôi thì không phủ nhận nhưng cũng không xác tín 100 phần trăm. Vì đôi khi cũng có những điều anh ta nói sai.

Mà thật thế! Khi tôi về lại khách sạn báo tin lại là không có máy bay và sáng ngày 3 tháng 5 chúng ta cùng đi chung một chuyến thì mọi người mới vỡ lẽ ra anh ta tiên đoán điều ấy là đúng.

Trong khi chúng tôi ở lại đây bất đắc dĩ mấy ngày thì chúng tôi có gặp 2 sự kiện đáng quan tâm. Sự kiện thứ nhất là có một vị Tu sĩ Bhutan đến nhờ tôi hỗ trợ xây Tu Viện, giáo dục học Tăng ở miền Nam Bhutan và sự kiện thứ hai là trong cái ngẫu nhiên tình cờ chúng tôi đã gặp vị Mattheu Ricard tác giả của cuốn *Tăng Sĩ và Triết Gia mà Linh Thụy đã chuyển ngữ và do nhà xuất bản Văn Nghệ tại Mỹ ấn hành trong thời gian qua.*

Về việc thứ nhất thì chúng tôi sẵn sàng; nhưng bên Chính phủ thì bảo rằng vẫn phải xem lại cho kỹ hồ sơ và phải có sự đồng thuận của Bộ Văn Hóa. Tuy nhiên chúng tôi cũng đã đóng góp một số tiền gần 3.000 Đức Mã để lo cho vấn đề giao lưu văn hóa đó. Đây là một việc làm mà ai trong chúng tôi cũng hết sức vui mừng. Ở trong một xứ khó khăn về kinh tế như thế mà được sự ngoại viện từ xứ ngoài là điều rất tốt vậy. Dĩ nhiên là còn nhiều đợt viện trợ nữa từ đây về sau để đến hoàn thành; nhưng phải chờ thông qua thêm Bộ Văn Hóa và Tôn Giáo của Bhutan mới có kết quả tốt được.

Riêng việc thứ hai được xảy ra như thế này. Hôm đó có lẽ là ngày 2 tháng 5 năm 2001, Hạnh Hảo dẫn về 3 vị Sư. Một người Mỹ, một người Pháp và một người Tây Tạng. Tôi và Thầy Thông Trí đang ngồi dịch sách; nhưng thấy vậy đồng đứng lên chào. Hạnh Hảo giới thiệu với 3 vị bằng tiếng Anh về tôi và Thầy Thông Trí, sau đó giới thiệu tiếng Việt về 3 Thầy ấy cho tôi và Thầy Thông Trí nghe. Vị thứ nhất là một

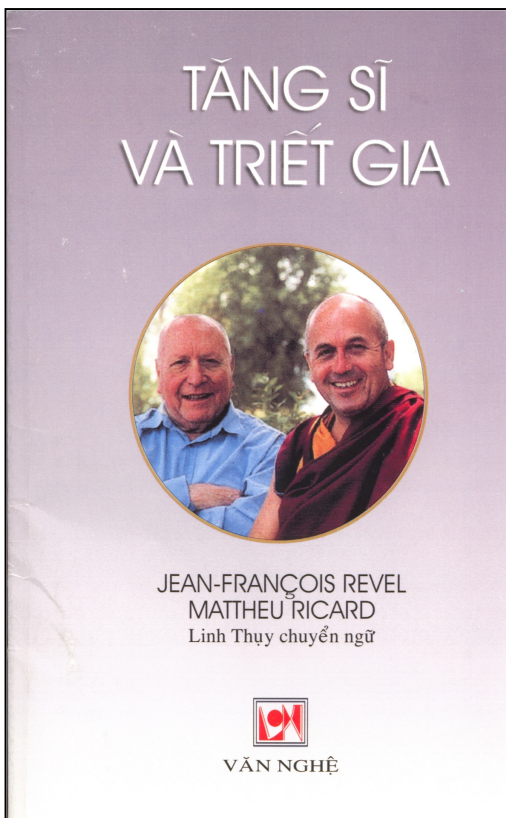


người Mỹ, đã ở Bhutan và Tây Tạng gần 20 năm rồi. Ông ta rất dễ dãi; nhưng mới trông, thấy là một vị Sư ít thích làm việc; hay nói đúng hơn là một vị Sư lười biếng. Tuy nhiên được Hoàng Hậu và Hoàng Thái Hậu rất trọng vọng. Ông ta hay vào cung và nhận được nhiều món quà đặc biệt ngay cả của nhà Vua.

Vị thứ 2 ngồi ở giữa, người Pháp, tên là Mattheu Ricard tác giả cuốn Tăng

Sĩ và Triết Gia mà Linh Thụy đã chuyển ra Việt ngữ do nhà xuất bản Văn Nghệ ấn hành. Sách này rất hay và nổi tiếng. Dầu thế, tôi chưa đọc hết quyển sách này.

Thế là Thầy Thông Trí reo lên "tôi đã đọc sách của Thầy bằng tiếng Hòa Lan rồi". Ông ta cũng cười lớn và vị Rimpoch bên cạnh thì nói một tràng tiếng Tây Tạng và sau đó bằng tiếng Anh, có nghĩa là Ngài nổi tiếng quá rồi đó. Thế là câu chuyện giòn hơn bắp rang.



Được biết thân sinh của Ngài là Tiến sĩ Jean François Revel làm Giáo sư dạy Triết tại nhiều Đại Học ở Pháp. Còn Ngài trước khi xuất gia là một nhà Vật Lý Học rất nổi tiếng tại Pháp. Cả hai đều tranh luận với nhau về khoa học và tôn giáo, để cuối cùng tác phẩm ấy thành hình. Đây là một tác phẩm hay quý vị nên tìm để đọc. Dĩ nhiên là Tăng Sĩ như Ngài Matthieu Ricard thì nhận định theo cái nhìn của Ngài, còn thân phụ

của Ngài lại nhìn theo lối Triết Học về Tôn Giáo vậy.

Ngài cũng là người hay đi thông dịch cho Đức Đạt Lai Lạt Ma khắp nơi trên thế giới. Được biết Ngài đã ở Népal, Bhutan đã hơn 20 năm rồi; nên rất giỏi tiếng Tây Tạng. Còn tiếng Anh ban đầu Ngài bảo rằng Ngài không giỏi lắm; nhưng riết rồi Ngài nói cũng quen đi. Tình huống Ngài ghé Bhutan thăm núi đồi và cây cỏ tại đây.

Còn vị thứ ba là một vị Rimpoché tái sanh cũng nổi tiếng; thông minh. Tuy còn trẻ nhưng rất hoạt bát. Vị ấy Hạnh Hào giới thiệu là vị Thầy thứ hai sau tôi. Được biết vị này có liên hệ với Hoàng gia; nên chức vụ của Ngài rất lớn.

Theo Hạnh Hảo thì chuyện gì ở Bhutan Ngài cũng rõ. Có lẽ vì xứ Bhutan quá nhỏ; vì Ngài có thần thông hoặc giả Ngài có thể lực lớn chẳng ?

Đồng thời Hạnh Hảo cũng nghĩ rằng phải gặp tôi để vị Rimpoché ấy biết rằng Hạnh Hảo có Thầy Tổ đang hoàng chứ không phải là người tự xưng mình là Tu sĩ. Vị này Hạnh Hảo đã gặp tại Schnenerdingen vào năm 1998 vừa qua nên đã làm quen và tôi cũng có mời là khi nào Ngài có dịp sang Đức xin ghé lại chùa Viên Giác để thăm và Phật Tử có cơ hội nghe pháp từ Thầy. Tất cả 3 vị đều hoan hỷ.

Về việc máy bay bị gãy cánh thì Hạnh Hảo kể lại cho tôi nghe về sau này và được biết rằng việc này do Ngài Rimpoché kể lại. Nguyên là hôm tối 29.4.2001 chiếc máy bay duy nhất của Hoàng gia khi hạ cánh không có gì trục trặc và đưa tất cả những hành khách đến nơi đến chốn bình an. Thế mà hôm sau ngày 30.4 lại bay không được. Đúng là vấn đề hy hữu. Bao nhiêu cuộc điều tra đã tiến hành và chẳng ai nhận lỗi cả. Cuối cùng Đức Vua phải giải quyết chuyện này. Nếu không khai thì cả nhóm Kỹ sư hôm đó phải đưa qua Cảnh sát điều tra. Mọi người sợ quá nên kết quả đã đưa đến như thế này.

Khi chiếc máy bay vào nơi nghỉ ngơi an toàn thay vì 6 Kỹ sư phải chung lo việc ấy, đằng này chỉ có một người dùng xe để kéo. Vì không có ai trông nom; nên cái cánh đã va vào tường và gây nên sự cố; trong khi 5 người Kỹ sư khác ngồi đánh bài. Lý do chỉ có vậy, mà làm cho cả đoàn của chúng tôi và hầu như rất nhiều người khách ngoại quốc khác đã phải trở chuyển bay. Có chờ đợi một cái gì rồi mới thấy ruột gan của mình nó nóng như thế nào !

Riêng Hạnh Hảo thì muốn ở lại Bhutan lâu hơn để nhập thất; nhưng họ không tán đồng. Đến lúc họ cho thì Hạnh Hảo lại muốn về Âu Châu. Ở đời có những điều nó trái ngược là thế. Lý do không cho không rõ; nhưng ông Kunzang nói rằng vào Bhutan lần này với lý do khác; hãy ra khỏi Bhutan và

làm đơn nhập cảnh với loại khác thì sẽ ở lâu hơn. Một hôm khác ông Bộ Trưởng Văn Hóa nói rằng: Nếu một người ngoại quốc vào đây rồi cho phép ở lại 5 hay 6 tháng như thế thì những người ngoại quốc khác sẽ không hài lòng. Đó là những lý do phụ. Theo Hạnh Hảo những lý do chính là phải đóng tiền 200 US\$ một ngày thì có thể sẽ được ở lại; nhưng chi phí cho 3 đến 6 tháng như thế đâu phải là một chuyện nhỏ. Một ngày ở trong thất tiêu mấy đồng mà phải đóng 200 US\$/ngày. Đó là chưa kể trong núi sâu kia hay ở thất nọ chưa chắc gì có Phật. Tại sao phải trả một giá cao như thế? Sau khi nghe lời khuyên của Thượng Tọa Thích Quảng Bình thì Hạnh Hảo đồng ý mua vé máy bay về lại Đức để đi nhập thất ở Hòa Lan; nơi cư ngụ của Thượng Tọa Thích Minh Giác.

Thế là ngày 6.5.2001 Hạnh Hảo đã có mặt tại chùa Viên Giác để rồi sau Phật Đản đã sang Hôn nhập thất đầu tiên là trong vòng 3 tháng. Sau đó, nếu tốt sẽ tiếp tục thêm 3 tháng nữa. Phật Đức và Phật Bhutan chắc chắn có gì khác nhau, khi mà nội tâm đã giao cảm. Tôi cũng chẳng biết rằng bao giờ sẽ có một vị Phật Đức; nhưng trong hiện tại thì có quá nhiều người Đức muốn thành Phật.

Câu chuyện của chúng tôi xoay chung quanh nhiều vấn đề gần như không dừng nghỉ, để rồi sau đó uống trà bơ của Bhutan và còn tiếp tục mãi cho đến gần cơm chiều thì quý vị ấy mới về. Đây là một cuộc hội ngộ tương đối rất hy hữu mà rất có ý nghĩa. Câu chuyện được trình bày trong một khung cảnh thiên nhiên tuyệt diệu. Chung quanh là cây rừng, gió nội. Khung cảnh gỗ đá và con người. Do vậy tôi rất thích và cũng chính từ những điểm này mà tôi đã nêu ra 3 quan điểm sống của tôi lúc về già là đọc kinh sách, uống trà cũng như sống nơi thôn dã. Có lẽ những điều ước muốn ấy đã gần kề. Hôm nay ngày 28.6 tại chùa Viên Giác Hannover đã tổ chức lễ sinh nhật lần thứ 53 của tôi và tôi cũng cảm như cái già, cái bệnh và cái khả năng nó đã đến thời kỳ giới hạn của nó. Khi tôi viết những dòng chữ này là lúc đang tổ chức sinh nhật. Có

khoảng 24 Tăng Ni và 50 Cư sĩ hiện diện. Năm rồi (2000) không vui vì Thầy Thiện Thông mất. Còn năm nay thì vui hơn vì có nhiều Thầy khách Tăng từ các nơi tựu về.

Chúng tôi già từ nhau, để đêm đó chúng tôi có một đêm dài nơi khách sạn; chuẩn bị hành trang cho một ngày mai vào 3 tháng 5 năm 2001 về lại Calcutta, Bangkok, rồi Hòa Lan rồi Đức Quốc.

Sáng sớm ngày 3 tháng 5 năm 2001 phái đoàn chúng tôi đã có mặt tại phi trường; nhưng chẳng thấy máy bay đâu cả. Mặc dầu thể nhân viên phi trường Paro cũng đã cân hành lý cho chúng tôi và chỉ gởi đến Calcutta, sau đó phải đổi máy bay Ấn Độ để đi Bangkok. Chờ một hồi lâu thì thấy máy bay lăn bánh ra phi đạo và bắt đầu cất cánh thử. Hành khách ở bên trong phòng chờ vỗ tay tán thưởng không ngớt. Đúng là một điều kỳ lạ. Sau một hồi bay chừng 15 phút máy bay đáp xuống và trở về lại chỗ khởi điểm lúc ban đầu, để mọi người tán thưởng nhiệt liệt bằng một tràng pháo tay khác nữa. Lẽ ra họ phải bay thử từ chiều hôm qua, chứ đến hôm nay họ mới bay thử cho nên mọi người cũng hơi đứng tim một phút, lỡ mà không bay được thì chỉ có nước chờ. Đúng lý ra họ phải bay đi Bangkok; nhưng chỉ bay đến Calcutta, rồi từ đó họ bay về lại Paro. Có lẽ họ sợ bay nhiều không đủ giờ để đi ngày đó thành 2 chuyến; nên mới xảy ra việc như vậy.

Đến Calcutta chúng tôi xuống máy bay; xe Bus chở vào phòng chờ. Người đại diện tại đây làm vé rất cẩn thận, mặc dầu có nhiều điều không cần chi tiết đến như thế. Khi kiểm tên và phát vé lên tàu xong, chúng tôi lên phòng chờ bên trên để đi Bangkok thì nhân viên an ninh không cho vào bảo là thiếu dấu ấn. Họ đóng dấu đủ chỗ, nào là hành lý xách tay; nào là áo quần. Thật là quá thừa thãi, tốn tiền và tốn nhân công quá. Có lẽ chính phủ Ấn Độ vì quá dư thừa nhân công nên mới làm những việc như thế chẳng? Chúng tôi phải đứng đợi cả một hồi lâu họ mới giải quyết cho qua. Không khí tại đây rất chộn rộn và vì quá cận giờ mà kiểm soát quá gắt gao

nên ai nấy cũng nổi quạu. Chỉ có Transit thôi, sao mà quá phiền hà như thế nhỉ ? Nhưng biết nói sao hơn thân phận mình vẫn còn ở tại xứ người, phải ỉn nhẫn và tùy thuộc vào họ vậy.

Sau khi qua khỏi khu kiểm soát này mọi người mới thở phào và thốt lên nhiều lời khác nhau, không phải để cảm ơn mà là để hậm hực. Ấn Độ như thế đó ! Làm vậy bao giờ mới phát triển quốc gia được ? v.v... và v.v... thật là một chuyện đi nhớ đời, nhất là phải ghé Ấn Độ trong trường hợp bất đắc dĩ như thế; nhưng đi máy bay Ấn Độ được cái may là đồ ăn chay không cần đặt trước vẫn có. Trong khi đó những hãng máy bay khác thì khó được điều này.

Trong máy bay Ấn Độ thấy những người Ấn Độ lấy mỗi người 2 lon bia; sau khi uống bia rồi thì lời ra tiếng vào không ngớt. Những người Âu Châu và chúng tôi ngồi đó cũng chỉ có việc ỉn nhẫn cho đến Bangkok mà thôi chứ biết nói sao hơn.

Khi máy bay mới đáp xuống Bangkok, cả một chiếc máy bay chở người đầy như thế mà họ chạy ra đến phía trước, mặc dầu máy bay chưa ngừng bánh, khiến cho phi hành đoàn có nói gì họ cũng chẳng nghe. Đó có lẽ cũng là một loại văn hóa của một dân tộc vậy. Chả bù với lúc về từ Bangkok đến Amsterdam, cả một máy bay gần 400 người như thế mà chẳng có một tiếng động khi rời máy bay. Đó cũng là một loại văn hóa của một dân tộc vậy.

Đến Bangkok vào lúc 4 giờ chiều ngày 3 tháng 5 và vấn đề của chúng tôi là phải lãnh hành lý ra để cân trở lại cho chuyến về của máy bay China Airline; chứ không còn cách nào khác. Còn một điều nguy hại hơn là Druk Air của Bhutan chẳng liên hệ gì với China Airline cả để bỏ chuyến đi hôm ngày 30.4 và ngay cả hôm nay 3.5 họ cũng chẳng có ghi tên chúng tôi vào máy để chờ. Tất cả chúng tôi đều phải tự làm hết những thủ tục này. Khi gọi người đại diện của hãng Druk Air ra nói chuyện thì họ cũng nhờ nhân viên Thái ra can thiệp

chỉ cho chuyện hành lý mà thôi. Mà cuối cùng thì hành lý của chúng tôi cũng phải tự cân, chứ chẳng có nhân viên nào đến chỗ chúng tôi để lo cho chuyện hành lý cả. Điều ấy cũng dễ hiểu thôi. Vì lẽ cả phi trường mỗi ngày mấy chục ngàn người lên xuống, ai đâu mà đi lo cho một nhóm nhỏ chỉ 17 người; nhưng đối với chúng tôi là một việc trọng đại lắm. Vì đã trễ 3 ngày rồi, trong khi đó tôi và Thiền Sư Reiho có nhiều chương trình khác đã dự định trước, hoặc lễ Phật Đản tại Linh Thứu, Hamburg và còn nhiều người phải đi làm, đi học nữa. Quả là đa đoan Phật sự. Chỉ có 6 vị có vé về trễ mà nay lại yên tâm. Vì đã có chỗ ngồi. Còn lại 11 người phải chờ. Chờ cho đến khi nào hết người đi; nếu máy bay còn trống chỗ họ mới cho đi. Thật là khủng khiếp. Nếu một hay hai người đi Standby thì không sao, chứ ở đây 11 người quả là điều ít hy vọng. Đó là chưa kể việc anh nhân viên China Airline bảo tôi là từ nay đến cuối tháng 5 máy bay của chúng tôi không còn chỗ nữa. Đúng là hú hồn ! Thế nhưng chúng tôi phải học chữ kiên nhẫn. Chúng tôi chờ đến 22 giờ 30 thì họ cho cân hành lý; nhưng trước đó họ bảo rằng: nếu muốn đi hạng Economic thì mỗi người phải đóng thêm 500 Đức Mã nữa là có chỗ chắc chắn. Còn nếu không đóng thêm, mặc dầu hành lý đã cân; nhưng nếu người của chúng tôi vào thêm thì máy ông phải nhường chỗ.

Sau khi cân hành lý, cô nhân viên bảo tôi là tại sao Druk Air làm như thế mà chẳng liên lạc với chúng tôi gì cả ? quý vị về nên thừa Druk Air đi ! Tôi chỉ mỉm cười thôi và nói rằng: Chắc là họ có cái khó khăn của họ; miễn sao chúng tôi về hết được đêm nay là vui rồi. Cô ta cho biết còn 20 chỗ. Thế là an tâm; nhưng vẫn cứ phập phồng khi có thêm một hai người đi trễ vào thêm và cân hành lý. Thiền Sư Reiho vì nóng lòng chịu không nổi nên đã điện thoại về Đức, nhờ người em ruột làm hãng máy bay mua liền một vé máy bay hạng rẻ của hãng Lufthansa để về trước và trước khi ông ta đi, ông ta có nói rằng như vậy những người còn lại có thêm một chỗ trống

để đi. Đó cũng là một điều hay; nhưng người đệ tử đi cùng thì buồn hiu. Vì Thầy mình đã về trước, còn mình thì phải ở lại chịu chờ.

Đến 23 giờ là giờ cuối thì họ còn 14 chỗ trống, họ cho đoàn của chúng tôi 10 người đứng ở danh sách chờ đi hết và 6 người khác đã có chỗ trước, ngồi chờ bên trong cũng hả dạ vô cùng và giờ này càng tin vào lời của ông Harada là đúng.

Hôm đó theo cô nhân viên hãng China Airline thì người ta đặt chỗ chật hết rồi, mà có lẽ vì mưa bão bên ngoài quá lớn; nên có một số người không đi, hoặc đi trễ. Do vậy mà quý vị là những người có phước nên Đức Phật đã độ trì cho đó. Đó là một câu an ủi mà cũng là một niềm hy vọng lớn của chúng tôi.

Ngồi yên trên máy bay rồi, chúng tôi hồi ức lại những việc đã qua mà hoảng vía. Thầy Giáo Thọ bảo rằng mới chỉ có một đêm lo lắng mà sao râu tôi ra dài lắm thế. Nhưng Thầy đâu có biết chỉ một đêm, mà kể từ khi đi cho đến khi về tôi đều phải có trách nhiệm nên không an tâm là phải, mà không an tâm thì nổi lo hiện lên mặt và râu mọc nhiều là phải chứ đâu có gì đâu là điều đáng nói.

Hơn 13 tiếng đồng hồ bay, chúng tôi đã đến Hòa Lan trong một không khí yên tĩnh của một buổi mai mùa Xuân tại Âu Châu này. Quả là bất khả tư nghì thật !

Sau khi đi về Đức được mấy bữa thì tôi nhờ Thầy Hạnh Tấn viết một thư cảm ơn cho Bộ Ngoại Giao Bhutan, đại ý như sau:

*Kính gửi vị Chánh Văn Phòng của Bộ Ngoại Giao
Mr. Kesang Wangdi
Thimphu - Bhutan
Fax. 00975. 2. 323056*

Kính gửi Ông Kesang Wangdi,

Tôi xin chân thành cảm ơn ông và chính quyền Bhutan đã bảo trợ cho 10 ngày thăm viếng từ 23 tháng 4 đến ngày 3.5.2001 tại quý quốc. Chúng tôi cảm ơn về sự chuẩn bị chu đáo trong việc di chuyển, ăn ở của phái đoàn trong khi chúng tôi là khách của quý vị.

Tôi cũng xin thành tâm biết ơn sự phối trí nhịp nhàng trong việc tiếp kiến Hoàng Hậu cũng như Bộ Ngoại Giao.

Sự thăm viếng quý quốc đã gây ấn tượng tốt đẹp với tất cả chúng tôi và không có điều gì là không thể chấp nhận được.

Kính chào trong tinh thần Phật Pháp

Thích Như Điển
Viện Chủ Chùa Viên Giác

Mà đúng thế, trong khi ở Bhutan chẳng có việc gì phải nói. Ngoại trừ việc chiếc máy bay bị hư. Nếu mà Hoàng gia sắm thêm một hay hai chiếc nữa thì có lẽ không có vấn đề. Nghe đâu một chiếc nhỏ như thế chỉ chở được 72 người mà đến 60 triệu Đức Mã. Thử hỏi một chiếc Boeing 747 là bao nhiêu tiền và một phi trường quốc tế như Frankfurt, Amsterdam, New York, Paris, Chicago v.v... có không biết bao nhiêu là chiếc máy bay như thế. Quả thật là tiền rừng bạc biển.

Mong rằng Hoàng gia Bhutan sẽ có thêm một chiếc máy bay nữa để mọi người khỏi hồi hộp khi phải chờ máy bay như thế và niềm hy vọng ấy chắc cũng không lâu sẽ được đáp ứng cho mọi người.

Lời cuối sách

Với tước hiệu là một văn học sĩ của Nhật Bản từ năm 1977; nhưng tôi chẳng làm gì cho văn học Nhật và ngay cả văn học Việt Nam hay văn học Đức. Vì trong văn đoàn đó đã có những bậc đàn anh, đàn chị hay đàn em tài giỏi hơn mình; nên đành làm việc âm thầm mấy chục năm nay thôi! Cốt để giữ cho cái hồn của mình nó thanh tịnh. Thỉnh thoảng mỗi năm cho ra đời 1 đến 3 tác phẩm để ghi lại những gì đã trải qua trong cuộc đời làm Tăng Sĩ của mình. Đó là suy nghĩ lúc ban đầu. Đến một lúc nào đó có nhiều người đọc sách hoặc theo dõi những bài văn của tôi và đã có cảm tình; nên đã mời làm chuyện này chuyện nọ; nhưng xin thưa tôi chỉ là một người tu rất bình thường trong cái tầm thường của nhân thế. Chẳng có gì đặc biệt cả nên không dám nhận một việc gì, mà cũng không tự xưng mình là một văn học sĩ, mặc dầu tước hiệu này đã có.

Văn tôi vốn nhà quê, ý tôi vốn cạn cợt. Không là văn chương triết học; cũng chẳng phải là văn chương luận lý khó hiểu, mà là một loại văn nông dân, xuất thân từ đồng ruộng. Tôi cũng giống như con trâu và cái cày, chỉ có trách nhiệm cày xong thửa ruộng mà thôi. Thật ra rất đơn giản. Vì vậy tôi không là đối tượng của ai cả, mà lại cũng chẳng là thần tượng của nhiều người chỉ vì những ý tưởng bên trên. Chỉ có một điều tôi nghĩ sao thì viết vậy; không hoa hòe trau chuốt lời văn. Từ đó, đối với tôi việc viết không khó mấy. Người ta nói viết là *lách*; nhưng tôi thì không lách. Vì tôi chỉ muốn nói sự thật và đa phần chỉ viết về sự thật của cái tốt thôi; chứ không đá động gì về sự thật của cái xấu cả. Do vậy nên không cần lách. Vì cái xấu nó vốn dĩ đã xấu rồi, phải đào sâu vào đó làm gì nữa ?

Đó là chưa kể các pháp trên thế gian này đều thay đổi; nay thế này mai thế kia. Ngày hôm nay tốt, ngày mai không phải thế. Hôm qua là người hiền lương; nhưng ngày kia không phải như vậy. Do đó để nhận xét một sự vật hay một con người quả thật là khó. Nếu có, đó cũng chỉ là chủ quan của mỗi người thôi. Từ điều đó, nếu chúng ta làm việc gì với một cái tâm bình thường, không mong cầu và quán thế gian pháp tất cả đều "như vậy" thì có lẽ rằng tâm ta sẽ đỡ phiền não hơn và lời văn của ta viết ra khi người khác đọc sẽ được lợi lạc hơn nhiều.

Giàu, nghèo, sang, hèn, địa vị cao sang quyền quý. Tất cả đều phải chết. Có cái chết thật an ổn mà cũng có những cái chết thật khổ đau. Rồi ra ai cũng thành tro bụi cả. Mới đây cả Hoàng Gia Népal, ở không xa Bhutan là mấy, đã bị chính người của Hoàng gia giết trọn 8 người trong thân tộc. Như thế gọi là gì ? là cộng nghiệp ? là khổ đau ? là tục lụy ? ... nhưng dầu là gì đi nữa thì lịch sử cũng đã sang trang. Chỉ có một điều là khi ta sống ta làm được cái gì đó, để rồi một ngày nào đó ta phải ra đi, ít ra cũng không để lại một lời trách móc cho đời. Như thế cũng là một điều hy hữu lắm.

Đa phần khi sống thì xúm nhau mà nói xấu nhau cho nó hả giận, đỡ tức; nhưng khi chết thì chỉ thấy và nghe toàn nói chuyện tốt của người kia. Như thế hỏi có ích gì ? Người chết bấy giờ không ngồi dậy để nghe được những lời kể lẽ tốt về họ. Do vậy tôi chủ trương khi sống nên thấy và chỉ nói điều tốt về người, để trước tiên tâm mình không bận rộn với chuyện thị phi và người đối diện cũng vui khi thấy họ có một giá trị nho nhỏ nào đó trong cuộc sống. Nếu không, chẳng lẽ cuộc đời này đều vô vị hết sao ?

Hôm qua đây ngày 28 tháng 6 năm 2001 Đại chúng chùa Viên Giác cả Tăng lẫn tục đã làm lễ sinh nhật chúc thọ tôi ở tuổi 53 và tôi có bảo rằng: Trong cuộc sống này có những người rất phi thường, có những kẻ sống rất bình thường và riêng tôi thì chỉ là một con người tầm thường như

bao nhiêu con người tâm thường khác thôi. Tuy nhiên trên đầu tôi; ở nơi hai vai tôi đều có rất nhiều trách nhiệm và ơn nghĩa của Cha Mẹ, Thầy Tổ, ơn thiện hữu tri thức, ơn quốc gia và ơn nhân loại chúng sinh. Nội chừng đó thứ ơn, tôi cố gắng đáp đền và nguyện cho mình phải luôn thực hành sự lợi tha cho kẻ khác mới là điều quan trọng. Còn đối với cá nhân nó chẳng có nghĩa gì cả.

Một Đại chúng sống an hòa như thế. Dĩ nhiên là tôi càng có bổn phận hơn, để như con tằm chỉ có bổn phận phải nhả tơ, để dệt nên những gấm hoa và tô điểm cho cuộc đời thêm ý vị. Chỉ có vậy và đó là kim chỉ nam trong cuộc sống của tôi. Không than trách, không oán hờn, không vị kỷ.

Cứ mỗi lần tôi ngồi yên để viết được những dòng chữ như thế này là cũng nhờ vào không biết bao nhiêu người. Có người phải lo cho cái ăn, cái mặc. Có người phải lo cho chỗ ở, chỗ nghỉ ngơi. Có người phải lo cho mình sự thiếu sự đủ. Ôn ấy há chẳng là cao cả hay sao. Do vậy mà sự thành tựu của tôi cũng là sự thành tựu của mọi người vậy. Cứ mỗi tối khi lạy kinh Đại Bát Niết Bàn, mỗi chữ mỗi lạy như thế tôi đều niệm đến ơn Chúng sanh, ơn Tam Bảo, ơn Cha Mẹ, Thầy Tổ để nếu được trong kiếp này phải trả hết đi. Nếu kiếp sau không còn làm người nữa không biết cơ hội nào mới có được.

Riêng các vị đệ tử xuất gia thì tôi cho học hành tới nơi tới chốn, tốn kém mấy cũng không nệ hà và không phải chỉ đệ tử của mình không thôi, mà Thầy Cô nào hiếu học ở bất cứ nơi nào trên thế giới, nếu có ý nhờ tôi và trong khả năng có thể của mình, tôi đều không từ chối. Cứ lo học cho ra trường là đủ. Đó là pháp bảo của ngôi chùa Viên Giác này và cho Phật Giáo Việt Nam vậy.

Với tôi ơn nghĩa nặng nghìn trùng và mãi mãi ghi sâu, không bao giờ dám quên một mảy may nào cả. Vì lẽ nếu không có nghĩa ân thì mình sẽ không thành người hữu dụng được. Sống mà không có ân nghĩa chẳng khác nào cỏ cây trong trời đất. Hãy vì người mà quên mình, chứ đừng vì mình

mà quên người là điều không đáng làm với người quân tử: huống gì đây là một trưởng tử của Như Lai.

Bởi sống với ân nghĩa như thế cho nên tôi muốn giúp đỡ hết mọi người; không những người Việt Nam mà còn người ngoại quốc nữa. Bằng chứng là kỳ này sau khi đi Bhutan, tôi đã có ý trước, khi tiếp kiến với Hoàng Hậu là muốn giúp đỡ một số Thầy trong vấn đề giáo dục, học văn và đó là căn bản để 2 Thầy Gap và Dorji đề nghị tôi cho học bổng sang học Anh văn và Computer tại Úc Châu. Tôi đồng ý ngay và sau đó có về liên lạc với Thượng Tọa Thích Bảo Lạc để nhờ Thầy ấy cửu mang cho họ ở lại Chùa Pháp Bảo để quý Thầy ấy có cơ hội làm quen với đời sống Tu Viện của Phật Giáo Việt Nam; còn phần tôi chỉ lo cung cấp về vấn đề tài chánh và tiền học phí. Thầy Bảo Lạc cũng rất là vui khi Thầy ấy thấy có thêm nhiều người tu học ở chùa mình như vậy. Đây cũng là bản hoài của Thầy Bảo Lạc khi xây chùa là để tiếp Tăng độ Chúng mà.

Thượng Tọa Bảo Lạc xuất thân từ các Phật Học Viện nổi tiếng tại Việt Nam như Phổ Đà (Đà Nẵng), Huệ Nghiêm (Sàigòn); nên những ai cầu học và phát tâm tu niệm thì Thầy ấy cũng rất quý, mà có lẽ điều này cũng chẳng riêng chi Thầy Bảo Lạc và tôi, hễ cứ người xuất gia có một tâm hồn phóng khoáng thì không ai nỡ từ chối những kẻ mong cầu và học hạnh giải thoát đi sau mình cả.

Dẫu cho Tăng Ni ngày nay của Việt Nam ít, không đủ để chuyên chở những khó khăn và thuận duyên của Phật Tử Việt Nam, vốn là con số không nhỏ trong 2 triệu người ở ngoại quốc ngày nay; nhưng trong số 400 Tăng Ni ấy đã có rất nhiều Thầy Cô hy sinh thời giờ cũng như công sức của cá nhân mình để lo xây dựng Chùa Viện và đào tạo Tăng tài hầu duy trì mạng mạch của Phật Giáo tại xứ người. Dẫu cho sau này không có người Việt Nam ở tại các trụ xứ này đi chăng nữa, thì giống như trường hợp chùa Việt tại Thái Lan và

Singapore cũng sẽ có người địa phương nổi truyền, ta chẳng có gì để sợ hãi khi phát huy công việc Phật sự này cả.

Suốt trong 25 năm qua là những năm tháng đặt nền móng xây dựng, kiến thiết Chùa Viên tại ngoại quốc và 25 năm sau nữa là lo đào tạo nhân tài. Cây công đức lâu gặt hái được kết quả chừng nào, thì cây nhân tài của Giáo Hội cũng thế. Phải trồng trong thể hệ này và trải qua thể hệ khác hay nhiều thể hệ nữa mới có thể có kết quả. Tôi không muốn có trái gấp để dùng; nên rất nhiều phần đầu tư tôi đều lưu tâm về vấn đề trí tuệ trước.

Để giữ lời hứa với quý vị nên tôi đã viết tác phẩm thứ 32 này. Một phần để đền ơn đáp nghĩa Chính phủ Bhutan; một phần để hiến dâng cho đời cho đạo về những sự hiểu biết cạn kiệt của mình về một nền văn minh của Phật Giáo tại một xứ nhỏ của Hy Mã Lạp Sơn. Đó là những lý do chính để quyển sách này khởi đầu viết vào ngày 20 tháng 6 và chấm dứt vào ngày 29 tháng 6 năm 2001. Chỉ trong 9 ngày miệt mài viết và một ngày chuẩn bị tư liệu nữa. Tổng cộng là 10 ngày. Một tác phẩm như thế kể ra cũng vội vàng; nhưng nếu không viết ngày tháng sẽ qua đi và trong tôi có nhiều việc sẽ trả về sự quên lãng; nên cần phải chấp bút là vậy.

Khoảng 150 trang viết tay và viết trong 10 ngày. Vậy trung bình mỗi ngày viết 15 trang và còn nhiều hình ảnh cũng như những tư liệu khác thêm vào nữa. Chắc chắn quyển sách này cũng gần 200 trang; nhằm giới thiệu với các độc giả một chuyến đi có một không hai trong cuộc đời của mình vậy.

Ngày mai và ngày mốt đây còn có khóa Tu Gieo Duyên và khóa An Cư Kiết Hạ của chư Tăng Ni Âu Châu tại chùa Viên Giác, do vậy mà tôi còn phải có nhiều bổn phận khác nữa. Cho nên tác phẩm này phải viết xong sớm như thế. Sau khóa Tu Gieo Duyên là khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 13; năm nay tổ chức tại Thụy Điển; thế là tôi cùng chúng lý Viên Giác cũng phải khăn gói lên đường để hỗ trợ chung

cho công việc của Giáo Hội Âu Châu và sau đó về lại chùa chỉ mấy ngày nữa là Lễ Vu Lan rồi.

Giáo Hội Âu Châu chúng tôi không có những người giỏi như Giáo Hội Úc Châu hay Mỹ Châu; nhưng được cái là Giáo Hội chúng tôi cho đến bây giờ vẫn trên dưới một lòng nên đã tổ chức được 13 khóa trọn vẹn như thế. Mỗi khóa không dưới 500 người tham dự học tập, tu niệm trong vòng 10 ngày như vậy.

Có lẽ rồi đây khi Giáo Hội lớn mạnh sẽ sinh ra nhiều cành lá khác; nhưng đó là lẽ tự nhiên của tạo hóa. Một cành cây, một hạt giống cho vào lòng đất, lúc mới lớn lên chỉ một thân cây mẹ; nhưng càng ngày càng lớn thì từ thân cây mẹ kia sanh ra nhiều cành lá chung quanh. Đó là lẽ dĩ nhiên không ai chối cãi được. Nhưng chúng ta nếu muốn tiến xa hơn nữa phải chấp nhận một điều thực tế là: mỗi cá nhân đều có những vấn đề riêng và tất cả chúng ta ở xứ tự do này phải tôn trọng cái riêng đó; nhưng đồng thời chúng ta phải có những điểm chung. Điểm chung đó là mái nhà của Giáo Hội và giáo pháp của Như Lai. Nếu đem cái riêng để phụng sự cho cái chung, thì cái chung ấy luôn luôn tồn tại. Ngược lại nếu đem cái chung để phụng sự cho cái riêng của mỗi người, mỗi nhóm thì chắc chắn tổ chức kia dầu lớn đến bao nhiêu, vững mạnh bao nhiêu đi chăng nữa cũng sẽ có ngày tàn tạ và lúc ấy chẳng biết trách cứ ai bây giờ; nếu không tự trách mình ngay từ bây giờ là thiếu tu và thiếu đức.

Hôm tôi bắt đầu viết tác phẩm này tại thư phòng chùa Viên Giác trời rất đẹp và hôm nay đây kết thúc quyển sách này không khí bên ngoài cũng rất tươi mát và mặt trời đã soi sáng chứa chan khắp cả đất trời vạn vật cũng như chung quanh cửa sổ của phòng mình. Tôi thấy đó là một điềm lành, một niềm vui và niềm hy vọng vậy.

Tôi xin cảm ơn tất cả mọi người, mọi loài đã vì tôi mà hỗ trợ cũng như tồn tại. Nếu có được chút hữu duyên tác phẩm này đến với quý vị thì xin hồi hướng đến mười phương

vô biên thế giới và cầu nguyện cho mọi loài mọi người được
thâm nhập vào Phật trí của Như Lai.

Viết xong vào lúc 10 giờ sáng ngày 29 tháng 6 năm 2001
tại thư phòng chùa Viên Giác

Tác giả Thích Như Điển



Chùa Viên Giác

Karlsruher Strasse 6

30519 Hannover - Germany

Tel. : (049) 511 87 96 30

Fax : (049) 511 87 90 963

Homepage : <http://viengiac.de>

E-Mail : viengiactu@t-online.de

E-Mail : bao_vien_giac@yahoo.de